

TẬP ĐOÀN – CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
HỘI THI ATVSV GIỎI NGÀNH DẦU KHÍ NĂM 2024**

Hà Nội 8/2024

MỤC LỤC

PHẦN I: PHẦN THI LÝ THUYẾT	4
A - PHẦN THI TRẮC NGHIỆM.....	4
I. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	4
II. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	12
III. AN TOÀN VSLĐ.....	24
B - PHẦN THI TRẢ LỜI CÂU HỎI.....	36
I. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	36
II. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	47
III. AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG	59
VI. CÂU HỎI GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT	72
C. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG	80
PHẦN II - PHẦN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU VÀ PCCC	174
I. THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU NGƯỜI BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG...174	
II. PHẦN THỰC HÀNH PCCC	200

KẾT CẤU ĐỀ CƯƠNG

Mục	Câu hỏi
Bộ câu hỏi năm 2024 bao gồm 256 câu hỏi	103 câu trắc nghiệm 69 câu tự luận 61 câu tình huống 22 câu thực hành tai nạn lao động 2 câu thực hành PCCC
Phần I. Lý thuyết	
A. Trắc nghiệm	
I. Bảo vệ môi trường	câu 1 – câu 24
II. PCCC	câu 25 – câu 63
III. ATVSLĐ	câu 64 – câu 103
B. Trả lời câu hỏi	
I. Bảo vệ môi trường	câu 1 – câu 15
II. PCCC	câu 16 – câu 33
III. ATVSLĐ	câu 34 – câu 53
IV. Giải đáp pháp luật	câu 54 – câu 69
C. Xử lý tình huống	câu 1 – câu 61
Phần II. Thực hành	
I. Sơ cấp cứu	câu 1 – câu 22
II. PCCC	Hai bài thi

PHẦN I: PHẦN THI LÝ THUYẾT

A - PHẦN THI TRẮC NGHIỆM

I. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Câu 1. Anh (Chị) hãy cho biết diện tích tối thiểu đối với sàn công tác của điểm xả nước thải sau xử lý là bao nhiêu??

- a) Không yêu cầu có sàn công tác
- b) 0,5 m²
- c) 01 m²
- d) 02 m²

Đáp án: câu c

Câu 2. Anh (Chị) hãy cho biết theo quy định của Luật BVMT 2020, Hệ thống xử lý nước thải cần đáp ứng các yêu cầu nào sau đây?

- a) Công suất hệ thống phải được thiết kế tối thiểu 100 m³/h..
- b) Được vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật.
- c) Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải.
- d) Câu b, c đúng

Đáp án: Câu d

(Luật BVMT 2020, Điều 87 – Khoản 1)

Câu 3. Theo Luật BVMT 2020, Bảo vệ tầng ô-dôn là

- a) Hoạt động ngăn chặn và giải quyết sự suy giảm tầng ô-dôn.
- b) Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm ngăn ngừa sự suy giảm tầng ô-dôn, hạn chế tác động có hại của bức xạ cực tím từ Mặt trời.
- c) Hoạt động ngăn chặn các ngành sản xuất kinh doanh gây hại đến tầng ô-dôn nhằm hạn chế tác động có hại của bức xạ cực tím từ Mặt Trời.
- d) Hoạt động giảm thiểu các tác động có hại của bức xạ cực tím từ Mặt Trời.

Đáp án: câu b

(Luật BVMT 2020, Điều 92 – Khoản 1)

Câu 4. Trách nhiệm cụ thể của chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong phân định, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại gồm các nội dung gì?

- a) Tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng chất thải nguy hại phải khai báo và quản lý
- b) Có khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- c) Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo định kỳ hằng năm.
- d) Cả 3 câu a, b, c đều đúng

Đáp án: d

(Khoản 1 Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

Câu 5. Theo Luật Bảo vệ Môi trường 2020 thời hạn của giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư nhóm I là bao lâu?

- a) 03 năm
- b) 05 năm
- c) 07 năm
- d) 06 năm

Đáp án: c

Câu 6. Các Anh (Chi) cho biết trường hợp nào sau đây phải có Giấy phép môi trường theo yêu cầu của Luật BVMT 2020?

- a) Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh CTNH phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức
- b) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như các Dự án đầu tư nhóm IV.

- c) Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý thuộc trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
- d) Cả 3 câu a, b, c đều đúng

Đáp án: Câu a

Câu 7. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là bao lâu?

- a) 01 năm
- b) 02 năm
- c) 03 năm
- d) 04 năm

Đáp án: b

(Nghị định 45/2022/NĐ-CP, Điều 5 – Khoản 1)

Câu 8. Việc lưu giữ CTNH phải đáp ứng các yêu cầu nào theo quy định của Luật BVMT 2020??

- a) Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại. Có thể để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường đã được phân loại.
- b) Không để rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường. không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường.
- c) Lưu giữ CTNH tại cơ sở tối đa 3 tháng
- d) Cả 3 câu a, b, c đúng

Đáp án: câu b

(Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 83 – Khoản 2)

Câu 9. Chất thải rắn công nghiệp phải được phân loại thành các loại chất thải nào dưới đây theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT?

- a) Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải sinh hoạt.
- b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, Chất thải công nghiệp tái chế.

- c) Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát
- d) Chất thải rắn công nghiệp thông thường và Chất thải nguy hại.

Đáp án: Câu c

(Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 24 – Khoản 1)

Câu 10. Câu nào sau đây là đầy đủ nhất khi nói về trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường?:

- a) Lưu giữ, chuyển giao và có sử dụng biên bản giao chất thải rắn công nghiệp thông thường khi chuyển giao nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho nhà thầu có chức năng
- b) Phân loại, chuyển giao và có sử dụng biên bản giao chất thải rắn công nghiệp thông thường khi chuyển giao nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho nhà thầu có chức năng.
- c) Phân loại, lưu giữ, chuyển giao và có sử dụng biên bản giao chất thải rắn công nghiệp thông thường khi chuyển giao nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho nhà thầu có chức năng..
- d) Phân loại, lưu giữ và chuyển giao các chất thải rắn công nghiệp thông thường cho nhà thầu có chức năng.

Đáp án: c

(Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 81- Khoản 2)

Câu 11. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trong các hồ sơ, giấy phép, báo cáo, chứng từ, biên bản giao nhận và các giấy tờ khác quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT thống nhất đơn vị tính là gì?

- a) Ki-lo-gam
- b) Tạ
- c) Tấn
- d) Yến

Đáp án: c

(Điều 25 Khoản 1 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT)

Câu 12. Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu nào?

- a) Chất thải phải được chứa, đựng trong các thiết bị, dụng cụ bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển, trừ trường hợp chất thải đặc thù có khối lượng lớn phải chứa, đựng trực tiếp bằng các thiết bị, thùng chứa của phương tiện vận chuyển;
- b) Chất thải phải được vận chuyển theo loại sau khi đã được phân loại theo quy định;
- c) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- d) Tất cả các yêu cầu trên

Đáp án: d

(Khoản 5 Điều 81 Luật BVMT 2020)

Câu 13. Anh (Chị) hãy cho biết các đối tượng nào sau đây phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật BVMT 2020

- a) Cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng 200 kg/ngày
- b) Cơ sở phát sinh nước thải với lưu lượng 04 m³/ngày và được xử lý bằng công trình xử lý nước thải tại chỗ
- c) Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng 100 kg/ngày
- d) Cả 3 cơ sở trên

Đáp án: c

(Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 32)

Câu 14. Bao bì, dụng cụ và thiết bị lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm theo quy định phải có màu nào dưới đây

- a) Màu đen
- b) Màu đỏ
- c) Màu vàng
- d) Màu trắng

Đáp án: c

Câu 15. Bao bì, dụng cụ và thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm theo quy định phải có màu nào dưới đây

- a) Màu đen
- b) Màu đỏ
- c) Màu vàng
- d) Màu trắng

Đáp án: a

Câu 16. Để phòng ngừa sự cố môi trường thì chủ dự án đầu tư, cơ sở phải có trách nhiệm thực hiện các nội dung nào sau đây:

- a) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- b) Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.
- c) Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ sự cố môi trường có thể xảy ra trên địa bàn.
- d) a và b đúng

Đáp án: d

(Luật bảo vệ môi trường 2020- Điều 122)

Câu 17. Tổ chức, cá nhân nào phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường?

- a) Khai thác khoáng sản.
- b) Chôn lấp chất thải.
- c) Nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.
- d) Cả a, b, c đều đúng

Đáp án: d

(Luật bảo vệ môi trường 2020, Điều 137 – Khoản 2)

Câu 18. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ môi trường nơi công cộng cụ thể như thế nào theo quy định tại Luật BVMT năm 2020:

- a) Thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.
- b) Phân loại, chuyên rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải.

- c) Không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.
- d) Cả a,b,c đều đúng

Đáp án: d)

Câu 19. Khí nhà kính là những khí nào sau đây?

- a) Carbon dioxide (CO₂), methane (CH₄) và nitrous oxide (N₂O)
- b) Hydrofluorocarbons (HFCS), perfluorocarbons (PFCS), sulphur hexafluoride (SF₆) và nitrogen, trifluoride (NF₃)
- c) a và b đều đúng
- d) a và b đều sai

Đáp án: câu c

(Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 91 – Khoản 1)

Câu 20. Các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc trường hợp nào sau đây phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính?

- a) Cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO₂ tương đương trở lên.
- b) Cơ sở sản xuất công nghiệp có tổng lượng tiêu thụ năng lượng hằng năm dưới 1.000 tấn dầu tương đương (TOE).
- c) Công ty kinh doanh vận tải hàng hóa có tổng tiêu thụ nhiên liệu hằng năm dưới 1.000 TOE.
- d) Tòa nhà thương mại có tổng tiêu thụ năng lượng hằng năm dưới 1.000 TOE.

Đáp án: Câu a

(Nghị định 06/2022/NĐ-CP, Điều 6 – Khoản 1)

Câu 21. Tại COP 26, Việt Nam cùng các quốc gia trên thế giới đã cam kết đạt mục tiêu net-zero vào năm nào?

- a) 2030
- b) 2040
- c) 2050
- d) 2060

Đáp án: Câu c

Câu 22. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 không quy định nguyên tắc bảo vệ môi trường nào dưới đây?

- a) Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.
- b) Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.
- c) Bảo vệ môi trường không dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.
- d) Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

Đáp án: câu c

Câu 23. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì khái niệm “Môi trường” được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

- a) Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên.
- b) Môi trường là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật.
- c) Môi trường là các yếu tố tự nhiên bao quanh con người có ảnh hưởng đến sự tồn tại của con người.
- d) Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất như đất, nước, không khí ảnh hưởng đến đời sống, sự tồn tại và phát triển của con người.

Đáp án: câu a

Câu 24. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường nào dưới đây phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư ?

- a) Có chất dễ cháy, dễ nổ.
- b) Có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ
- c) Có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước

d) Cả 3 trường hợp trên

Đáp án: d

(Khoản 2 Điều 53 Luật BVMT 2020)

II. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Câu 25. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy?

- a) Phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để khi có cháy xảy ra thì chữa cháy kịp thời, có hiệu quả.
- b) Tuân thủ các bước thực hiện theo “Tiêu lệnh chữa cháy” với thứ tự thực hiện như sau: Cúp cầu dao điện nơi xảy ra cháy - Báo động cháy - Gọi cho đội chữa cháy chuyên nghiệp theo số điện thoại 114 - Dùng bình chữa cháy, cát, nước để dập tắt đám cháy.
- c) Ủy ban Nhân dân cấp xã phải trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý.
- d) Khi thấy bình chữa cháy không còn sử dụng được, bạn sẽ lấy bình chữa cháy ở vị trí khác thế vào.

Đáp án: Câu a (Điều 4, Luật PCCC)

Câu 26. Biện pháp cơ bản trong phòng cháy?

- a) Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
- b) Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.
- c) Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
- d) Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt.

Đáp án: Câu d (Điều 14, Luật phòng cháy và chữa cháy 2001)

Câu 27. Biện pháp cơ bản trong chữa cháy?

- a) Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt.
- b) Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
- c) Bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy.
- d) Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Đáp án: Câu b (Điều 30, Luật phòng cháy và chữa cháy 2001)

Câu 28. Luật phòng cháy và chữa cháy quy định khi có cháy, yêu cầu nào được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy?

- a) Mọi nguồn nước chữa cháy.
- b) Các vật liệu chữa cháy phải được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy.
- c) Mọi nguồn nước và các vật liệu chữa cháy.
- d) Mọi nguồn nước và các vật dụng khác.

Đáp án: Câu c - (Điều 35, Luật phòng cháy và chữa cháy 2001)

Câu 29. Tại Khoản 4 Điều 22 và Khoản 13 Điều 1 của Luật Phòng cháy chữa cháy quy định: Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về hàng hóa, vật tư nguy hiểm về cháy, nổ cần có điều kiện an toàn Phòng cháy chữa cháy gì?

- a) Phải in các thông số kỹ thuật, bản hướng dẫn an toàn về phòng cháy chữa cháy, phải trang bị phương tiện chữa cháy.
- b) Phải in các thông số kỹ thuật trên nhãn hàng hóa, bản hướng dẫn an toàn về phòng cháy chữa cháy bằng tiếng Việt, phải có chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.
- c) Phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phải in các thông số kỹ thuật trên nhãn hàng hóa và phải có bản hướng dẫn an toàn về phòng cháy và chữa cháy bằng tiếng Việt.
- d) Phải có tiêu lệnh chữa cháy và nội quy về phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.

Đáp án: Câu c

Câu 30. Theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP, cấp ra quyết định thành lập quản lý, chỉ đạo đội Phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm những cấp nào?

- a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cơ sở đó.
- b) Chủ tịch UBND cấp xã, phường.
- c) Trưởng phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố.
- d) Trưởng công an cấp quận, huyện nơi có cơ sở hoạt động.

Đáp án: Câu a (Khoản 2, Điều 31 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)

Câu 31. Điều kiện để tham gia Đội dân phòng và đội Phòng cháy chữa cháy cơ sở khi có yêu cầu?

- a) Công dân từ 16 tuổi đến 50 tuổi.
- b) Công dân từ 18 tuổi trở lên, đủ sức khỏe.
- c) Công dân từ 19 tuổi trở lên, đủ sức khỏe.
- d) Công dân từ 20 tuổi đến 50 tuổi, đủ sức khỏe.

Đáp án: Câu b

(Điều 5 Luật Phòng cháy, chữa cháy 2001)

Câu 32. Theo Anh (Chị) dùng nước để chữa đám cháy nào dưới đây có hiệu quả nhất?

- a) Đám cháy thiết bị điện.
- b) Đám cháy vật liệu bằng gỗ, giấy, tre nứa.
- c) Đám cháy xăng dầu.
- d) Đám cháy kim loại.

Đáp án: Câu b

Câu 33. Anh (Chị) hãy lựa chọn phương pháp nào sau đây để kiểm tra lượng khí CO₂ trong bình còn đủ theo yêu cầu để chữa cháy?

- a) Phun thử
- b) Ngâm bình xuống nước
- c) Cân bình
- d) Nghe tiếng kêu khi lấy vật cứng gõ vào thân bình

Đáp án: Câu c

Câu 34. Theo quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP, thời hạn tái đào tạo chứng chỉ đã qua đào tạo huấn luyện Phòng cháy chữa cháy là?

- a) 1 năm
- b) 2 năm
- c) 3 năm
- d) 5 năm

Đáp án: Câu d - (Điều 33 - Khoản 13 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP)

Câu 35. Đối tượng áp dụng của Luật phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Điều 2 như thế nào?

- a) Tất cả các cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

- b) Tất cả các cơ quan, tổ chức.
- c) Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.
- d) Tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động, sinh sống trong và ngoài nước.

Đáp án: Câu c

Câu 36. Khi nhận được lệnh huy động tham gia cứu chữa đám cháy, bạn sẽ thực hiện như thế nào?

- a) Nhanh chóng tiếp cận đám cháy, để cứu người.
- b) Nhanh chóng tiếp cận đám cháy, sử dụng các dụng cụ tham gia chữa cháy.
- c) Nhanh chóng nhận lệnh, sử dụng các dụng cụ chữa cháy và thực hiện theo sự chỉ dẫn của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.
- d) Nhanh chóng tiếp cận đám cháy và thực hiện theo chỉ dẫn của lực lượng chữa cháy cơ sở.

Đáp án: Câu c

Câu 37. Các yếu tố nào sau đây sẽ đủ điều kiện gây ra cháy?

- a) Nguồn nhiệt, nhiên liệu.
- b) Nguồn nhiệt, ôxy.
- c) Nhiên liệu, ôxy.
- d) Nguồn nhiệt, nhiên liệu, ôxy.

Đáp án: Câu d

Câu 38. Luật Phòng cháy chữa cháy quy định đối tượng nào phải thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc ?

- a) Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
- b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở nguy hiểm về cháy nổ
- c) Cơ quan, xí nghiệp có nguy hiểm về cháy nổ.
- d) Tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ.

Đáp án: Câu b - (Khoản 5, điều 1, Luật phòng cháy, chữa cháy sửa đổi 2013)

Câu 39. Nghị định 67/2023/NĐ-CP quy định đối tượng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, bao gồm:

- a) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị.
- b) Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).
- c) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị. Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).
- d) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị, trái phiếu, tiền mặt. Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

Đáp án: Câu c (Điều 23, Nghị định 67/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng)

Câu 40. Tại chung cư cao tầng, với trường hợp đám cháy không xuất hiện ở phòng, tầng của mình, việc đầu tiên các bạn cần phải làm gì?

- a) Xác định vị trí của ngọn lửa và nguồn khói. Ở yên trong phòng và chờ đội Phòng cháy Chữa cháy.
- b) Xác định vị trí của ngọn lửa và nguồn khói. Trong trường hợp luồng khói từ trên cao, hoặc ngay trong tầng của bạn, hãy nhanh chóng di chuyển ra cửa thoát hiểm và chạy thoát xuống các tầng dưới. Không sử dụng thang máy là khuyến cáo trong các trường hợp hỏa hoạn. Nếu khói xuất phát từ tầng dưới, bạn hãy tìm cách di chuyển ngược lên trên tầng thượng, vì di chuyển trong môi trường dày đặc khói quá lâu sẽ khiến bạn gục ngã trước khi thoát.
- c) Xác định vị trí của ngọn lửa và nguồn khói. Trong trường hợp luồng khói từ trên cao, hoặc ngay trong tầng của bạn, hãy nhanh chóng di chuyển ra thang máy và chạy thoát xuống các tầng dưới. Nếu khói xuất phát từ tầng dưới, bạn hãy tìm cách di chuyển ngược lên trên tầng thượng, vì di chuyển trong môi trường dày đặc khói quá lâu sẽ khiến bạn gục ngã trước khi thoát.
- d) Xác định vị trí của ngọn lửa và nguồn khói. Trong trường hợp luồng khói từ trên cao, hoặc ngay trong tầng của bạn, hãy nhanh chóng di chuyển ra thang máy và chạy thoát xuống các tầng dưới. Nếu khói xuất phát từ tầng dưới, bạn hãy tìm cách di chuyển thật nhanh ra ngoài.

Đáp án: Câu b

Câu 41. Bốn bước của tiêu lệnh chữa cháy khi xảy ra hỏa hoạn được thực hiện theo trình tự nào?

- a) Báo động – Dùng phương tiện chữa cháy để dập tắt đám cháy – Cúp cầu dao điện – Gọi điện cho 114.
- b) Gọi điện cho 114 – Báo động – Cúp cầu dao điện – Dùng phương tiện chữa cháy để dập tắt đám cháy.
- c) Dùng phương tiện chữa cháy để dập tắt đám cháy – Báo động – Cúp cầu dao điện – Gọi điện cho 114.
- d) Báo động – Cúp cầu dao điện – Dùng phương tiện chữa cháy để dập tắt đám cháy – Gọi điện cho 114.

Đáp án: Câu d

Câu 42. Việc trang bị phương tiện Phòng cháy chữa cháy đối với các cơ sở thì Luật Phòng cháy chữa cháy quy định như thế nào?

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tự trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không cần tự trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.
- c) UBND cấp xã phải trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý.
- d) Lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy có trách nhiệm trang bị cho các cơ sở.

Đáp án: Câu a

Câu 43. Theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP: cơ sở có từ 10 đến 50 người thường xuyên làm việc thì biên chế đội Phòng cháy chữa cháy cơ sở tối thiểu là bao nhiêu người?

- a) 5 người.
- b) 10 người trong đó có 1 đội trưởng.
- c) 15 người trong đó có 1 đội trưởng 1 đội phó.
- d) 20 người trong đó có 1 đội trưởng 1 đội phó.

Đáp án: Câu b (Điểm b, khoản 3, Điều 31 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi).

Câu 44. Khi thấy bình chữa cháy không còn sử dụng được, bạn sẽ:

- a) Tự đi mua bình chữa cháy để thay thế
- b) Báo cho cấp trên và cán bộ an toàn của Đơn vị
- c) Lấy bình chữa cháy ở vị trí khác thế vào
- d) Không cần quan tâm vì không phải việc của mình

Đáp án: Câu b

Câu 45. Trong Luật Phòng cháy chữa cháy giải thích “Chất nguy hiểm về cháy, nổ” như thế nào?

- a) Là chất lỏng, chất khí, chất rắn dễ cháy, nổ.
- b) Là chất lỏng, chất khí, chất rắn hoặc hàng hoá, vật tư dễ xảy ra cháy nổ.
- c) Là chất lỏng, chất khí, chất rắn, hoặc máy móc dễ xảy ra cháy, nổ.
- d) Các chất có tính chất đặc biệt nguy hiểm về cháy nổ như xăng, dầu, khí đốt, hóa lỏng.

Đáp án: Câu b

(Theo Khoản 2, Điều 3, Luật Phòng cháy chữa cháy 2001)

Câu 46. Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở là?

- a) Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động phòng cháy chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự nơi cư trú.
- b) Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.
- c) Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động trực tiếp trong công tác phòng cháy chữa cháy.
- d) Là tổ chức gồm những người được giao nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy tại cơ sở, hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

Đáp án: Câu d

(Khoản 1, Điều 1 của Luật phòng cháy, chữa cháy sửa đổi 2013).

Câu 47. Theo quy định của Nghị định 136/2020/NĐ-CP: cơ sở có từ 50 đến 100 người thường xuyên làm việc thì biên chế đội phòng cháy chữa cháy cơ sở tối thiểu là bao nhiêu người?

- a) 5 người.
- b) 10 người trong đó có 1 đội trưởng.
- c) 15 người trong đó có 1 đội trưởng 1 đội phó.
- d) 20 người trong đó có 1 đội trưởng 1 đội phó.

Đáp án: Câu c

(Điểm c, khoản 3 Điều 31 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi)

Câu 48. Những hành vi nào sau đây vi phạm an toàn phòng chống cháy nổ:

- a) Không sử dụng trang bị bảo hộ lao động hoặc sử dụng trang bị bảo hộ lao động không phù hợp.
- b) Sử dụng các dụng cụ có nguy cơ phát lửa hoặc tia lửa điện trong khu vực có nguy cơ cháy nổ cao.
- c) Sử dụng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy sai mục đích.
- d) Sử dụng nhiều thiết bị điện trong mùa nắng nóng.

Đáp án: Câu b

Câu 49. Cách kiểm tra nào SAI khi thực hiện kiểm tra bình chữa cháy xách tay CO₂?

- a) Cân hoặc ngâm nước để xác định có rò rỉ khí hay không.
- b) Phun thử.
- c) Kiểm tra ri sét vỏ bình và chất lượng ống dẫn khí, loa phun.
- d) Khối lượng khí trong bình giảm trên 20% khối lượng ban đầu phải nạp lại khí trong bình.

Đáp án: Câu b

Câu 50. Phương án chữa cháy của cơ sở được tổ chức thực tập như thế nào?

- a) Ít nhất mỗi tháng/lần.
- b) Ít nhất mỗi quý/lần.
- c) Ít nhất 6 tháng/lần.

d) Ít nhất mỗi năm/lần.

Đáp án: Câu d - (Điều 10 của Thông tư 149/2020/TT-BCA)

Câu 51. Cơ sở như thế nào phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc?

- a) Hộ gia đình.
- b) Phương tiện giao thông cơ giới.
- c) Cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.
- d) Người dân.

Đáp án: Câu c

(Khoản 2, điều 2 của Nghị định 67/2023/NĐ-CP)

Câu 52. Bạn nên để bình chữa cháy ở đâu?

- a) Bạn phải để bình chữa cháy ở một nơi bạn có thể thoát ra, nhìn thấy dễ dàng nhất hoặc bạn nên lắp nó gần lối thoát hiểm, trên tầm với của trẻ em để có thể đảm bảo chắc được ai cũng có thể sử dụng.
- b) Bạn phải để bình chữa cháy ở một nơi cao, để có thể đảm bảo trẻ em không với tới lấy được.
- c) Bạn phải cất bình chữa cháy ở một nơi kín đáo, để bảo quản một cách tốt nhất.
- d) Bình chữa cháy phải được đặt tại khu vực chốt bảo vệ.

Đáp án: Câu a

(Điểm 5.2, Điều 5 của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7435-1:2004 (ISO 11602-1:2000) về phòng cháy, chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy)

Câu 53. Phương tiện phòng cháy chữa cháy gồm những loại phương tiện nào?

- a) Bình chữa cháy.
- b) Hệ thống báo cháy tự động.
- c) Hệ thống chữa cháy tự động.
- d) Phương tiện cơ giới, máy móc, thiết bị, dụng cụ, hóa chất, công cụ hỗ trợ, phương tiện thô sơ chuyên dùng cho việc phòng cháy và chữa cháy, cứu người, cứu tài sản.

Đáp án: Câu d

(Khoản 1, Điều 37 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP).

Câu 54. Trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy là của ai?

- a) Mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.
- b) Lực lượng dân phòng.
- c) Lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành.
- d) Cảnh sát phòng cháy chữa cháy.

Đáp án: Câu a

Câu 55. Cách kiểm tra nào SAI khi thực hiện kiểm tra bình chữa cháy xách tay bột khô (MFZ)?

- a) Kiểm tra đồng hồ đo áp suất (vạch xanh là bình còn sử dụng tốt).
- b) Lắc thử bình chữa cháy để kiểm tra bột có bị ẩm, vón cục hay không.
- c) Kiểm tra rỉ sét vỏ bình và chất lượng ống dẫn, vòi phun.
- d) Cân thử xác định khối lượng bột trong bình giảm dưới 20% khối lượng ban đầu phải nạp lại bột trong bình.

Đáp án: Câu d

Câu 56. Phương pháp dập lửa nhanh nhất?

- a) Dùng chất chữa cháy phun vào đầu ngọn lửa
- b) Dùng chất chữa cháy phun vào gốc ngọn lửa
- c) Dùng chất chữa cháy phun vào thân ngọn lửa

Đáp án: Câu b

Câu 57. Theo Anh/ chị dùng nước để chữa đám cháy nào dưới đây có hiệu quả nhất?

- a) Đám cháy thiết bị điện.
- b) Đám cháy vật liệu bằng gỗ, giấy, tre nứa.
- c) Đám cháy xăng dầu.
- d) Cả 3 câu đều đúng

Đáp án: Câu b

Câu 58. Các hành vi nào sau đây vi phạm quy định về việc quản lý, bảo quản và sử dụng chất nguy hiểm về cháy, nổ?

- a) Sử dụng kho, thiết bị chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ không đảm bảo các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định

- b) Sử dụng thiết bị, phương tiện chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ chưa được kiểm định hoặc đã hết hạn sử dụng theo quy định. Bố trí, sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ không theo từng nhóm riêng theo quy định
- c) Bố trí, sắp xếp chất thái nguy hiểm về cháy, nổ không theo từng nhóm riêng theo quy định.
- d) Câu a và b đúng

Đáp án: Câu d

Câu 59. Trong các nội dung sau, nội dung nào là biện pháp cơ bản trong chữa cháy ?

- a) Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
- b) Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
- c) Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.
- d) Cả 3 câu đều đúng.

Đáp án Câu d

Câu 60. Nghị định 67/2023/NĐ-CP quy định đối tượng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, bao gồm:

- a) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị.
- b) Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).
- c) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị. Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).
- d) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị, trái phiếu, tiền mặt. Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

Đáp án: Câu c

(Điều 23, Nghị định 67/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng)

Câu 61. Cơ sở như thế nào phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc?

- a) Hộ gia đình.
- b) Phương tiện giao thông cơ giới.
- c) Cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.
- d) Người dân.

Đáp án: Câu c - (Khoản 2, điều 2 của Nghị định 67/2023/NĐ-CP)

Câu 62. Bạn phải để bình chữa cháy ở một nơi bạn có thể thoát ra, nhìn thấy dễ dàng nhất hoặc bạn nên lắp nó gần lối thoát hiểm, trên tầm với của trẻ em để có thể đảm bảo được ai cũng có thể sử dụng.

- a) Bạn phải để bình chữa cháy ở một nơi cao, để có thể đảm bảo trẻ em không với tới lấy được.
- b) Bạn phải cất bình chữa cháy ở một nơi kín đáo, để bảo quản một cách tốt nhất.
- c) Bình chữa cháy phải được đặt tại khu vực chốt bảo vệ.

Đáp án: Câu a

(Điểm 5.2, Điều 5 của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7435-1:2004 (ISO 11602-1:2000) về phòng cháy, chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy)

Câu 63. Cách kiểm tra nào SAI khi thực hiện kiểm tra bình chữa cháy xách tay bột khô (MFZ)?

- a) Kiểm tra đồng hồ đo áp suất (vạch xanh là bình còn sử dụng tốt).
- b) Lắc thử bình chữa cháy để kiểm tra bột có bị ẩm, vón cục hay không.
- c) Kiểm tra rỉ sét vỏ bình và chất lượng ống dẫn, vòi phun.
- d) Cân thử xác định khối lượng bột trong bình giảm dưới 20% khối lượng ban đầu phải nạp lại bột trong bình.

Đáp án: Câu d

III. AN TOÀN VSLĐ

Câu 64. Theo quy định tại “Hướng dẫn báo cáo, tổ chức điều tra tai nạn, sự cố cho các công trình dầu khí” của Tập đoàn DKVN có các loại báo cáo tai nạn sự cố nào:

- a) Báo cáo nhanh
- b) Báo cáo điều tra tai nạn sự cố
- c) Báo cáo trước khi điều tra
- d) Câu a và b

Đáp án: Câu d

Câu 65. Theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BCT các biển báo an toàn điện bao gồm:

- a) Biển cấm
- b) Biển cảnh báo
- c) Biển chỉ dẫn
- d) Cả 03 loại biển trên

Đáp án: câu d

Câu 66. Theo quy định tại Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg khoảng cách vùng an toàn đối với các công trình khoan khai thác dầu khí ngoài khơi là:

- a) 200 m
- b) 300 m
- c) 400 m
- d) 500 m

Đáp án: câu d

Câu 67. Đối với những nguy cơ mất an toàn vệ sinh lao động ở tổ sản xuất mà khả năng tổ không tự giải quyết được thì phải làm thế nào?

- a) Thực hiện biện pháp an toàn tạm thời để phòng tránh xảy ra sự cố tai nạn lao động; sau đó báo cáo ngay với cấp trên để giải quyết
- b) Báo cáo ngay với Giám đốc để có biện pháp giải quyết
- c) Tiến hành khắc phục những nguy cơ, đồng thời báo cáo ngay với người phụ trách sản xuất

- d) Tìm cách không chế nguy cơ, tiếp tục sản xuất hết ca, sau đó tiến hành khắc phục nguy cơ và báo cáo với giám đốc.

Đáp án: Câu a

Câu 68. ATVSV có nhiệm vụ giám sát những vấn đề gì?

- a) Việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy trình, nội quy an toàn vệ sinh lao động
- b) Phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn – vệ sinh lao động của người lao động
- c) Phát hiện những trường hợp mất an toàn vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và nơi làm việc
- d) Gồm cả 3 câu trên.

Đáp án: Câu d (K4, Đ74, Luật ATVSLĐ)

Câu 69. Khoản 1 Điều 35 Luật ATVSLĐ ngày 25/6/2015 quy định thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động của cơ sở gồm:

- a) Người sử dụng lao động (chủ cơ sở), đại diện tổ chức CĐ, cán bộ bảo hộ lao động.
- b) Người sử dụng lao động hoặc người đại diện được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở, người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.
- c) Người sử dụng lao động (chủ cơ sở) hoặc người được ủy quyền, đại diện tổ chức Công đoàn, quản đốc phân xưởng.

Đáp án: Câu b

Câu 70. Theo điều 9, Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016, Tai nạn lao động được phân loại thành:

- a) Tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động không chết người
- b) Tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động nhẹ
- c) Tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động vừa, tai nạn lao động nhẹ
- d) Tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động nhẹ.

Đáp án: Câu b

Câu 71. Theo Luật ATVSLĐ sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng là sự cố như thế nào?

- a) Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức, địa phương hoặc liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương.
- b) Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức, địa phương.
- c) Hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động.

Đáp án: a (K7, Đ3, Luật ATVSLĐ)

Câu 72. Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định yếu tố nguy hiểm là gì?

- a) Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.
- b) Là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.
- c) Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: a (K4, Đ3, Luật ATVSLĐ)

Câu 73. Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định yếu tố có hại là gì?

- a) Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.
- b) Là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.
- c) Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương cho con người trong quá trình lao động.

Đáp án: b (K5, Đ3, Luật ATVSLĐ)

Câu 74. Theo quy định, người lao động có quyền rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ có thể xảy ra TNLĐ, đe dọa đến tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng:

- a) Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.
- b) Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp, được trả 50% tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.
- c) Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp, được trả 30% tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.

Đáp án: a (K1, Đ6, Luật ATVSLĐ)

Câu 75. Hằng năm hoặc khi cần thiết người sử dụng lao động phải làm gì để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

- a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.
- b) Tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

Đáp án: c (K4, Đ16, Luật ATVSLĐ)

Câu 76. Để kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải làm gì?

- a. Tổ chức đánh giá, kiểm soát chất lượng sản phẩm tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- b. Tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; Thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng.
- c. Có biện pháp khắc phục, kiểm soát nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.
- d. Cả 3 đáp án trên.

Đáp án: b (K1, Đ18, Luật ATVSLĐ)

Câu 77. Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp khắc phục, các biện pháp theo phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp để làm gì?

- a. Tổ chức cứu tài sản và môi trường xung quanh.
- b. Tổ chức cứu người, tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, người xung quanh nơi làm việc, tài sản và môi trường.
- c. Đẩy mạnh sản xuất.
- d. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: b (Điểm a, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)

Câu 78. Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp người sử dụng lao động phải thông báo cho ai?

- a. Thông báo cho Công an huyện.
- b. Thông báo cho khách hàng.
- c. Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố hoặc ứng cứu khẩn cấp.
- d. Kịp thời thông báo cho người lao động.

Đáp án: c (Điểm a, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)

Câu 79. Luật ATVSLĐ quy định hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất mấy lần cho người lao động?

- a. Một lần.
- b. Hai lần.
- c. Ba lần.

Đáp án: a (K1, Đ21, Luật ATVSLĐ)

Câu 80. Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật ATVSLĐ, người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp có được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp hay không?

- a. Không được khám.

- b. Phải được khám.
- c. Tùy theo từng điều kiện làm việc.

Đáp án: b (K2, Đ21, Luật ATVSLĐ)

Câu 81. Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như thế nào?

- a. Phòng khám tư nhân.
- b. Cơ sở khám, chữa bệnh.
- c. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm yêu cầu, điều kiện chuyên môn kỹ thuật.
- d. Trung tâm nghiên cứu.

Đáp án: c (K4, Đ21, Luật ATVSLĐ)

Câu 82. Luật ATVSLĐ quy định nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đâu?

- a. Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc.
- b. Căn cứ vào môi trường lao động.
- c. Căn cứ vào điều kiện lao động.
- d. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: a (K1, Đ22, Luật ATVSLĐ)

Câu 83. Đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật thì người sử dụng lao động phải thực hiện những chế độ gì?

- a. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe.
- b. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ chi phí lao động.
- c. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ về phúc lợi xã hội.

Đáp án: a (K3, Đ22, Luật ATVSLĐ)

Câu 84. Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là?

- a. Máy, thiết bị, vật tư, chất có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.
- b. Lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.
- c. Máy, thiết bị, vật tư, chất trong điều kiện lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.
- d. Là máy, thiết bị, vật tư, chất hay xảy ra tai nạn lao động.

Đáp án: c (K1, Đ28, Luật ATVSLĐ)

Câu 85. Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ gì?

- a. Định kỳ kiểm tra, thay thế.
- b. Định kỳ đánh giá tác động.
- c. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Đáp án: c (K3, Đ30, Luật ATVSLĐ)

Câu 86. Người sử dụng lao động phải thống kê, báo cáo tai nạn lao động tại cơ sở của mình đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh định kỳ như thế nào?

- a. Hàng tháng
- b. 06 tháng và hàng năm
- c. 3 tháng và 9 tháng

Đáp án: b (K1, Đ36, Luật ATVSLĐ)

Câu 87. Doanh nghiệp sản xuất hóa chất sử dụng từ bao nhiêu lao động trở lên thì phải thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở?

- a. 300 lao động

- b. 500 lao động
- c. 700 lao động
- d. 1000 lao động

Đáp án: a (Điểm a, K1, Đ38, NĐ39/2016/NĐ-CP)

Câu 88. Người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất mấy giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác?

- a. 6 giờ
- b. 12 giờ
- c. 24 giờ

Đáp án: b (Đ110, Bộ Luật số 45/2019/OH14 Bộ Luật Lao động 2019)

Câu 89. Theo anh, chị cơ sở nhận diện và đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc phải dựa trên các nội dung gì?

- a) Phân tích đặc điểm, điều kiện lao động, quy trình làm việc có liên quan và kết quả kiểm tra nơi làm việc; Khảo sát người lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.
- b) Khảo sát người sử dụng lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.
- c) Phân tích quy trình công nghệ có liên quan tại nơi làm việc.
- d) Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: a (K1,2, Đ5, NĐ39/2016/NĐ-CP)

Câu 90. Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên mà nạn nhân không phải là người lao động thuộc quyền quản lý hoặc có người lao động bị nạn nhưng chưa rõ thương vong thì người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố phải làm gì?

- a. Khai báo bằng cách nhanh nhất với thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra sự cố, Khai báo bằng cách nhanh nhất với Công an cấp huyện nếu nạn nhân bị chết.
- b. Khai báo cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

c. Khai báo bằng cách nhanh nhất cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Công an cấp xã.

Đáp án: a (K1, Đ26, ND39/2016/ND-CP)

Câu 91. Việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động phải được thực hiện từ thời điểm nào?

- a. Từ thời điểm nhận hồ sơ tuyển dụng.
- b. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc tại cơ sở lao động.
- c. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng.

Đáp án: b (K1, Đ2, TT19/2016/TT-BYT)

Câu 92. NSDLĐ phải bố trí, sắp xếp vị trí việc làm phải phù hợp với tình hình sức khỏe của người lao động, không bố trí người bị bệnh nghề nghiệp vào làm việc tại các vị trí lao động có tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp đó khi nào?

- a. Khi chưa kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố có hại này.
- b. Khi chưa kiểm soát hoàn toàn.
- c. Khi đã kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố này.

Đáp án: a (Điểm a, K2, Đ2, TT19/2016/TT-BYT)

Câu 93. Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn người sử dụng lao động căn cứ vào mức độ yêu cầu của từng nghề, công việc cụ thể tại cơ sở của mình, khuyến nghị của nhà sản xuất đối với từng loại phương tiện bảo vệ cá nhân để làm gì?

- a. Để quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân cho phù hợp với tính chất công việc và chất lượng của phương tiện bảo vệ cá nhân..
- b. Để quyết định cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân.
- c. Để quyết định mua sắm trang thiết bị.
- d. Để trang bị dây truyền công nghệ.
- e. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: a (K4, Đ5, TT 25/2022/TT-BLĐTBXH)

Câu 94. Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn định nghĩa phương tiện bảo vệ cá nhân là những gì?

- a. Là những dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang bị để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ để bảo vệ cơ thể khỏi tác động của các yếu tố nguy hiểm, độc hại phát sinh trong quá trình lao động, khi các giải pháp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc chưa thể loại trừ hết.
- b. Là các giải pháp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.
- c. Là các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Đáp án: a (K1, Đ3, TT 25/2022/TT-BLĐTBXH)

Câu 95. Đối với những nguy cơ mất an toàn vệ sinh lao động ở tổ sản xuất mà khả năng tổ không tự giải quyết được thì phải làm thế nào?

- a) Báo cáo ngay với Giám đốc để có biện pháp giải quyết.
- b) Tiến hành khắc phục những nguy cơ, đồng thời báo cáo ngay với người phụ trách sản xuất.
- c) Thực hiện biện pháp an toàn tạm thời để phòng tránh xảy ra sự cố tai nạn lao động; sau đó báo cáo ngay với cấp trên để giải quyết.
- d) Tìm cách khống chế nguy cơ, tiếp tục sản xuất hết ca, sau đó tiến hành khắc phục nguy cơ và báo cáo với giám đốc.

Đáp án: Câu c

Câu 96. Bộ LĐTBXH quy định thời gian tự kiểm tra định kỳ về ATVSLĐ đối với những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như thế nào:

- a) Ít nhất 01 lần trong 03 tháng ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 01 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương.
- b) Ít nhất 01 lần trong 1 năm ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 06 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương.
- c) Ít nhất 01 lần trong 06 tháng ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 03 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương.

d) Doanh nghiệp tự quyết định số lần kiểm tra hoặc có kiểm tra hay không.

Đáp án: câu c (TT 07/2016/TT-BLĐTBXH)

Câu 97. Theo qui định tại Thông tư 19/2016/TT-BYT, có trên bao nhiêu người cùng lao động tập trung trên một mặt bằng phải bố trí khu vực sơ cứu, cấp cứu?

- a) Trên 100 người.
- b) Trên 200 người.
- c) Trên 300 người.
- d) Trên 350 người.

Đáp án: câu c (K1, Đ8, TT19/2016/TT-BYT)

Câu 98. Phải trang bị dây an toàn cho công nhân hoặc lưới bảo vệ nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn khi công nhân làm việc từ độ cao từ bao nhiêu mét trở lên?

- a) 2 m
- b) 3 m
- c) 4 m
- d) 5 m

Đáp án: câu a

Câu 99. Một nạn nhân bị bỏng do nhiệt, điều mà bạn cần phải làm là:

- a) Theo kinh nghiệm dân gian: Bôi lên vùng da bị bỏng nước mắm hoặc kem đánh răng để giảm đau và chuyển nạn nhân về bệnh viện
- b) Dùng kim sạch chọc các nốt phỏng lớn, sau đó dùng gạc sạch băng nhẹ lên vùng bị bỏng và chuyển nạn nhân về bệnh viện
- c) Ngâm ngay vùng bị bỏng vào nước mát, hoặc dùng khăn sạch bọc nước đá chườm lạnh lên vùng da bị bỏng khoảng 10-15 phút, nếu có biểu hiện phỏng rộp dùng gạc sạch băng nhẹ lên, cho nạn nhân uống nhiều nước có pha ít muối và chuyển nạn nhân đến bệnh viện
- d) Cả 3 câu a, b và c đều đúng

Đáp án: Câu c

Câu 100. Hô hấp nhân tạo nhằm mục đích:

- a) Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt thở.
- b) Làm cho không khí ở ngoài vào phổi kết hợp ép tim ngoài lồng ngực.
- c) Giúp không khí ở ngoài vào phổi và đẩy không khí trong phổi ra ngoài để thay thế cho hô hấp tự nhiên.
- d) Giúp cho không khí từ ngoài vào, để tăng cường chức năng cho tim hoạt động trở lại.

Đáp án: Câu c

Câu 101. Khi nghi ngờ nạn nhân bị gãy xương, ta có thể:

- a) Lay động thử nhẹ nhàng nơi gãy xem sự tổn thương nặng nhẹ để xử lý kịp thời.
- b) Không đụng chạm mà chuyển nạn nhân đến cơ sở Y tế gần nhất.
- c) Khám nghiệm khắp cơ thể nạn nhân tìm xem nạn nhân còn những vết thương nào khác để xử lý.
- d) Cố định tạm thời nơi nghi bị gãy rồi chuyển nạn nhân đến bệnh viện ngay.

Đáp án: Câu d

Câu 102. Phương pháp rửa vết thương mắt:

- a) Không cần rửa, chuyển ngay nạn nhân đến bệnh viện.
- b) Rửa theo hình xoắn ốc từ trong ra ngoài giống như vết thương thông thường.
- c) Nghiêng đầu nạn nhân sang bên mắt bị tổn thương, dùng nước sạch xối từ trong khóe mắt chảy ra đuôi mắt.
- d) Nghiêng đầu nạn nhân sang bên mắt không bị tổn thương, dùng nước sạch xối vào bên mắt bị tổn thương từ trong khóe mắt chảy ra đuôi mắt.

Đáp án: Câu c

Câu 103. Các dung dịch cơ bản nào sau đây dùng để rửa vết thương?

- a) Oxy già, nước muối sinh lý, povidine, nước sạch.
- b) Oxy già, nước muối sinh lý, thuốc đỏ, nước sạch.
- c) Nước muối sinh lý, cồn 900, oxy già, thuốc tím.
- d) Tất cả a, b và c đều sai.

Đáp án: Câu a

B - PHẦN THI TRẢ LỜI CÂU HỎI

I. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Câu 1. Anh (Chị) hãy cho biết theo quy định chung về quan trắc chất lượng nước thải đối với cơ sở quản lý hệ thống xử lý nước thải; cơ sở sản xuất, kinh doanh?

Trả lời:

Căn cứ các Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14:

1. Đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm:

a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường;

b) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với lưu lượng xả nước thải trung bình trở lên ra môi trường;

c) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường.

2. Đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ bao gồm:

a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường;

b) Dự án đầu tư, cơ sở có lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường.

3. Việc quan trắc nước thải tự động, liên tục phải đáp ứng quy định kỹ thuật về quan trắc môi trường. Dữ liệu của hệ thống quan trắc được truyền trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

4. Việc quan trắc nước thải định kỳ phải bảo đảm thời gian, tần suất, thông số theo quy định của pháp luật đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục thì không phải quan trắc định kỳ.

Câu 2. Anh (Chị) hãy cho biết các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đối với việc quản lý và kiểm soát bụi, khí thải?

Trả lời:

Căn cứ theo Điều 88, quy định về quản lý và kiểm soát bụi, khí thải gồm:

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi

có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

2. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan hướng dẫn thực hiện hoạt động phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các nguồn bụi, khí thải gây ô nhiễm không khí.

Câu 3. Anh (Chị) hãy cho biết các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đối với việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung và bức xạ?

Trả lời:

Căn cứ theo Điều 89, quy định về quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu gồm:

1. Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường và bức xạ.

2. Tổ chức, cá nhân trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

3. Tổ chức, cá nhân quản lý tuyến đường có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải có biện pháp giảm thiểu, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ. Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Câu 4. Anh (Chị) hãy cho biết các trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP?

Trả lời:

Theo Điều 71, trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại gồm:

1. Phân định, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng chất thải nguy hại phải khai báo và quản lý;

b) Có khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo định kỳ hằng năm.

2. Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc nhóm I, nhóm II, nhóm III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định này có phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 1.200 kg/năm trở lên hoặc từ 100 kg/tháng trở lên trong quá trình vận hành thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh hoặc ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại phù hợp.

4. Phối hợp với chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để lập chứng từ chất thải nguy hại khi chuyển giao chất thải nguy hại theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Câu 5. Anh (Chị) hãy cho biết các trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP?

Trả lời:

Theo Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm:

1. Phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường; có thiết bị, dụng cụ, khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường; được phép chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định này sau khi phân loại theo đúng quy định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành khi chuyển giao nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý quy định tại điểm c khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường.

Câu 6. Anh (Chị) hãy cho biết các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT?

Trả lời:

Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

a) Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải nguy hại, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ;

b) Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng;

c) Có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều;

d) Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín và biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, phải có biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 cm. Trường hợp thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái che hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong;

đ) Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có dung tích từ 02 m³ trở lên và đáp ứng các quy định tại khoản 4 Điều này được đặt ngoài trời nhưng phải bảo đảm kín khí, không bị nước mưa lọt vào. Trường hợp lưu chứa loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly, bảo đảm loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

Câu 7. Anh (Chị) hãy cho biết các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với khu vực lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT?

Trả lời:

Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

a) Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu sau: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, trừ các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại với dung tích lớn hơn 02 m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn;

b) Chất thải lỏng có PCB, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý theo quy định của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại) phải chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên bục hoặc tấm nâng và không xếp chồng lên nhau;

c) Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều. Đối với các cơ sở y tế thì khu vực lưu chứa phải đáp ứng các quy định về quản lý chất thải y tế.

Câu 8. Chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường có nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường, Chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường có nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết;
2. Nộp phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;
3. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật này;
4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;
5. Công khai giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra;
7. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 9. Anh (Chị) hãy cho biết các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 đối với việc phân loại, thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải nguy hại?

Trả lời:

Căn cứ theo Điều 83, công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại phải tuân thủ các quy định sau:

1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng và không để lẫn với chất thải không nguy hại, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường;

2. Việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại;

b) Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường;

c) Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường;

d) Chỉ được lưu giữ trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.

3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên động phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Đối tượng được phép vận chuyển chất thải nguy hại bao gồm:

a) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có phương tiện, thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Cơ sở được cấp giấy phép môi trường có chức năng xử lý chất thải nguy hại phù hợp với loại chất thải cần vận chuyển.

Câu 10. Anh (Chị) hãy cho biết các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 về công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và phương tiện vận tải?

Trả lời:

Căn cứ theo Mục 1 - Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

1. Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải tuân thủ quy trình, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, môi trường.

2. Ứng phó sự cố môi trường thực hiện theo phương châm chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

3. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường, chi trả chi phí ứng phó sự cố môi trường.

4. Việc phòng ngừa sự cố môi trường do rò rỉ, tràn đổ, phát tán chất thải (sau đây gọi chung là sự cố chất thải) được thực hiện theo quy định của Luật này. Việc phòng ngừa sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

6. Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải có công trình, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường.

7. Chủ dự án đầu tư, cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở mình.

8. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác.

9. Diễn tập ứng phó sự cố môi trường cấp cơ sở được thực hiện ít nhất 02 năm một lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Câu 11. Anh (Chị) hãy cho biết theo quy định chung thì nước thải phải được quản lý như thế nào? Khi nào nước thải phải được quản lý theo quy định về chất thải nguy hại?

Trả lời:

Căn cứ các Điều 86 và Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14:

1. Đô thị, khu dân cư tập trung mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.

2. Quản lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quy định như sau:

a) Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư xây

dựng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp bảo đảm nước thải phải được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

b) Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không kết nối được vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải phải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Công nghệ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải cần xử lý;

b) Công suất hệ thống xử lý nước phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa;

c) Xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

d) Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật;

đ) Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Câu 12. Anh (Chị) hãy cho biết các yêu cầu của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đối với việc thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng?

Trả lời:

Theo Khoản 5 Điều 64: Việc thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

a) Có biện pháp không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Việc vận chuyển vật liệu, chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường;

c) Nước thải phải được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

d) Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định;

đ) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp;

e) Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường;

g) Chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

Câu 13. Anh (Chị) hãy liệt kê các nội dung phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15?

Trả lời:

Theo Điều 32 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, các nội dung phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước gồm:

1. Việc xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề phải tính đến khả năng chịu tải của nguồn nước mặt, khả năng đáp ứng của nguồn nước và không nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước ở các đoạn sông bị sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động mà gây sụt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước thì phải thực hiện các biện pháp khắc phục; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu đô thị, khu dân cư tập trung phải được thu gom, xử lý, kiểm soát và có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản hoặc xây dựng công trình, nếu tiến hành hoạt động bơm hút nước, tháo khô dẫn đến hạ thấp mực nước dưới đất, gây sụt, lún đất thì phải dừng ngay việc bơm hút, tháo khô và thực hiện các biện pháp khắc phục; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải, chất thải phải được thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

Câu 14. Anh (Chị) hãy liệt kê các nội dung sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15?

Theo Điều 59 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, các nội dung sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước gồm:

1. Nhà nước khuyến khích các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước và xả nước thải có giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước ngay trong giai đoạn xây dựng dự án.

2. Việc xử lý nước thải và tái sử dụng nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước và xả nước thải tại các khu vực có nguồn nước mặt không còn khả năng chịu tải theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước hoặc có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.

5. Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thực hiện giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước được xem xét giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng các giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước tại khu vực nguồn nước bị suy thoái, vượt ngưỡng khai thác nước dưới đất và không còn khả năng chịu tải.

Câu 15. Anh (Chị) hãy liệt kê các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ các hoạt động trên biển theo quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo số 82/2015/QH13?

Căn cứ theo điều Điều 45 Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo số 82/2015/QH13, các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ các hoạt động trên biển gồm:

1. Chất thải nguy hại từ các hoạt động trên biển phải được thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Các công trình, thiết bị trên biển sau khi hết thời hạn sử dụng mà không tiếp tục sử dụng phải được tháo dỡ, vận chuyển về đất liền hoặc nhận chìm theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Chủ phương tiện vận chuyển, lưu giữ xăng, dầu, hóa chất, chất phóng xạ, chất độc và các chất khác có nguy cơ gây ra sự cố môi trường biển phải có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm không làm rò rỉ, thất thoát, tràn thấm ra

biển xăng, dầu, hóa chất, chất phóng xạ, các chất độc và các chất khác có nguy cơ gây ra sự cố môi trường.

4. Nước thải từ tàu thuyền, giàn khoan, giàn khai thác dầu khí và các công trình, thiết bị khác trên biển; bùn dầu và bùn chứa hợp chất độc hại trong thăm dò, khai thác dầu khí phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra biển.

5. Nước dẫn tàu, nước súc, rửa tàu, nước la canh phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, không được pha loãng nhằm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra biển.

6. Việc thải nước dẫn tàu, nước súc, rửa tàu, nước la canh và nước thải từ tàu thuyền thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải, bảo vệ môi trường, pháp luật có liên quan của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Chất thải rắn phát sinh từ tàu thuyền, giàn khoan, giàn khai thác dầu khí, công trình và thiết bị khác trên biển phải được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật; bùn nạo vét luồng hàng hải, cảng biển phải được vận chuyển về đất liền hoặc nhận chìm theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

8. Cảng biển phải có hệ thống tiếp nhận và xử lý chất thải sinh hoạt, dầu cặn từ các phương tiện trên biển.

9. Chất thải trôi nổi trên biển và ven bờ biển phải được thu gom, phân loại, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

II. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Câu 16. Bạn hãy cho biết công dụng, cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản bình chữa cháy CO₂? Liên hệ thực tế ở đơn vị bạn về việc thực hiện trang thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ như thế nào?

Trả lời:

1. Công dụng:

- CO₂ là chất không duy trì sự cháy nên được dùng làm chất chữa cháy có độ tin cậy cao, thao tác đơn giản thuận tiện
- Bình CO₂ dùng để chữa các đám cháy trong phòng kín, buồng hầm, các thiết bị điện, ...

2. Cấu tạo:

- Bình chịu áp lực, trong chứa CO₂ dạng lỏng nén dưới áp suất cao
- Bình chữa cháy CO₂ gồm các bộ phận
 - + Vỏ bình hình trụ làm bằng thép chịu áp lực;
 - + Chất CO₂ dạng lỏng ở trong bình được nén dưới áp suất cao;
 - + Van nạp và xả, ống dẫn khí;
 - + Chốt an toàn, loa và vòi phun;
- Khối lượng CO₂ trong bình là: 2Kg, 6Kg, 8Kg để tiện sử dụng

3. Cách sử dụng:

a) Trình tự các thao tác:

- Lấy bình ra khỏi giá đỡ, nhanh chóng mang bình đến đám cháy;
- Đặt bình xuống đất;
- Tay trái rút chốt AT, cầm loa phun hướng vào gốc lửa; Tay phải mở van khí. Khi nào lửa tắt, trong bình còn khí thì đóng van lại để sử dụng tiếp.

b) Chú ý khi sử dụng:

- Càng đưa loa, vòi phun vào gần lửa càng tốt.
- Phải phun liên tục cho đến khi lửa tắt hoàn toàn;
- Khi chữa cháy điện cao thế phải dùng găng tay, ủng cách điện;
- Đề phòng bị bỏng lạnh do CO₂ hoá lỏng ở -79 độ.
- Không dùng bình CO₂ để chữa các đám cháy than cốc, phân đạm, kim loại kiềm, kiềm thổ (Kali, Natri, ...), kim loại nóng chảy, nơi có gió mạnh.

4. Bảo quản

- Để bình ở nơi râm mát, tránh va đập và nơi có nhiệt độ cao;
- Bình phải được đặt trên giá, nơi dễ thấy, dễ lấy, thuận tiện khi sử dụng;

- Bình chữa cháy phải được kiểm tra khi lần đầu đưa vào sử dụng và sau đó phải được kiểm tra định kỳ khoảng 30 ngày. Bình chữa cháy phải được kiểm tra với chu kỳ ngắn hơn khi có yêu cầu (theo khoản 4.2.1, TCVN 7435-2:2004)

5. Liên hệ thực tế việc trang bị phương tiện PCC tại đơn vị

Câu 17. Bạn hãy nêu công dụng, cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản bình chữa cháy MFZ loại xách tay? Liên hệ thực tế ở đơn vị bạn về trang bị dụng cụ phương tiện, bồi huấn, thực hành phòng cháy như thế nào?

Trả lời:

1. Công dụng:

Dùng để chữa các đám cháy: Thông thường, xăng, dầu, khí cháy, hoá chất, điện. Đây là loại bình CC có nhiều ưu điểm, an toàn, thao tác đơn giản, hiệu quả cao nên được sử dụng rất rộng rãi. Có hai kiểu bình MFZ: loại xách tay và loại xe đẩy .

2. Cấu tạo:

- Vỏ bình: Làm bằng thép chịu áp lực;
- Trong bình chứa bột MFZ khô và khí ni tơ;
- Khối lượng bột khô và khí ni tơ được nạp ở các mức 2Kg, 4Kg, 6Kg.
- Các bộ phận khác trên bình: cò, chốt an toàn, loa, vòi phun.

3. Sử dụng bình MFZ xách tay:

Mang bình đến cách đám cháy 1-3 m, dốc ngược bình và lắc mạnh 5- 7 lần, đặt bình xuống, rút chốt an toàn, một tay cầm vòi phun hướng loa vào đám cháy, một tay bóp cò phun bột quét vào gốc lửa.

4. Bảo quản:

- Để ở nơi thoáng, mát, khô ráo;
- Tránh nơi: Nhiệt độ cao quá 55oC, gần chất ăn mòn (kiềm, axit).
- Kiểm tra chất lượng bằng đồng hồ đo áp lực của bình; Nếu kim đồng hồ chỉ ở vạch xanh là tốt, nếu kim đồng hồ chỉ ở vạch đỏ thì phải nạp lại.
- Định kỳ lắc bột trong bình mỗi tháng 1 lần.
- Những bình đã sử dụng hoặc đã bị mở ra thì nhất thiết phải nạp lại.
- Thời hạn sử dụng tốt nhất là đến 3 năm, có thể sử dụng đến 5 năm.

5. Liên hệ trang bị, huấn luyện, thực hành PCCC ở đơn vị

Câu 18. Điều 29, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi nào (khi vi phạm quy định trong việc ban hành, phổ biến và thực hiện nội

quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) ?

Trả lời:

Khoản 1, điều 29 Nghị định 144/2021/NĐ-CPV quy định phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chấp hành không đầy đủ nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của người hoặc cơ quan có thẩm quyền;

b) Niêm yết nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở nơi bị che khuất tầm nhìn hoặc dễ bị mất tác dụng;

c) Niêm yết biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy không đúng quy cách, mẫu quy định.

Câu 19. Điều 29, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi nào (khi vi phạm quy định trong việc ban hành, phổ biến và thực hiện nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) ?

Trả lời:

Khoản 2, điều 29 Nghị định 144/2021/NĐ-CPV quy định Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không niêm yết biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy; biển cấm, biển cảnh báo tại khu vực, nơi nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

b) Không chấp hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của người hoặc cơ quan có thẩm quyền;

c) Không phổ biến nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho những người trong phạm vi quản lý;

d) Ban hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không đầy đủ nội dung quy định hoặc không phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cơ sở.

Câu 20. Điều 30, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định phạt về vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ như thế nào ?

Trả lời:

Điều 30. Vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không tổ chức thực hiện văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không thực hiện văn bản yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không xuất trình hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Không bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm làm việc với người có thẩm quyền kiểm tra khi đã nhận được thông báo về việc kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

đ) Không tự kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

e) Không gửi báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định tạm đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Câu 21. Điều 31, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định phạt về Vi phạm quy định về hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ như thế nào ?

Trả lời:

Điều 31. Vi phạm quy định về hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không đủ tài liệu trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

b) Không cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Câu 22. Điều 35, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định phạt vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt hoặc các thiết bị điện tử ?

Trả lời:

Điều 35. Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt hoặc các thiết bị điện tử

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi mang diêm, bật lửa, điện thoại di động, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt vào những nơi có quy định cấm.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt hoặc các thiết bị điện, điện tử ở những nơi có quy định cấm.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi hàn, cắt kim loại mà không có biện pháp đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Câu 23. Điều 42, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định phạt vi phạm quy định về thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn như thế nào ?

Trả lời:

Điều 42. Vi phạm quy định về thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không có phương tiện, thiết bị phát hiệu lệnh hoặc thông tin báo cháy theo quy định của pháp luật;

b) Không thay thế phương tiện, thiết bị thông tin báo cháy bị hỏng hoặc mất tác dụng.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không báo cháy, sự cố, tai nạn hoặc ngăn cản, gây cản trở việc thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn;

b) Báo cháy giả; báo tin sự cố, tai nạn giả.

Câu 24. Điều 51, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định phạt vi phạm trong việc để xảy ra cháy, nổ như thế nào?

Trả lời:

Điều 51. Vi phạm trong việc để xảy ra cháy, nổ

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại về tài sản dưới 20.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại về tài sản từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ mà gây thiệt hại về tài sản trên 100.000.000 đồng;

b) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 61%;

c) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này dưới 61%.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 4 Điều này.

Câu 25. Điều 40 và 41 Luật PCCC năm 2001 quy định khắc phục hậu quả vụ cháy và bảo vệ hiện trường vụ cháy như thế nào:

Trả lời:

Quy định về “Khắc phục hậu quả vụ cháy”

1. Tổ chức cấp cứu ngay người bị nạn; cứu trợ, giúp đỡ người bị thiệt hại ổn định đời sống;
2. Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội;
3. Nhanh chóng phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác.

Quy định về Bảo vệ hiện trường vụ cháy: Cơ quan, tổ chức nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia bảo vệ hiện trường vụ cháy, cung cấp thông tin xác thực về vụ cháy cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu 26. Điều 27, Nghị định Số: 67/2023/NĐ Quy định Giấy chứng nhận bảo hiểm tại bao gồm những nội dung nào?

Trả lời

1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho bên mua bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thiết kế và phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm.
- b) Tên, địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng của doanh nghiệp bảo hiểm.
- c) Tên cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy.
- d) Địa điểm của đối tượng bảo hiểm.
- đ) Tài sản được bảo hiểm.
- e) Số tiền bảo hiểm.
- g) Mức khấu trừ bảo hiểm.
- h) Thời hạn bảo hiểm.
- i) Tỷ lệ phí bảo hiểm, phí bảo hiểm.
- k) Ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- l) Mã số, mã vạch được đăng ký, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật để lưu trữ, chuyển tải và truy xuất thông tin định danh doanh nghiệp bảo hiểm và định danh sản phẩm bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Câu 27. Điều 20, Luật Số 27/2001/QH10, luật Phòng cháy và chữa cháy quy định Phòng cháy đối với cơ sở bao gồm những nội dung nào?

Trả lời

1. Cơ sở được bố trí trên một phạm vi nhất định, có người quản lý, hoạt động và cần thiết có phương án phòng cháy và chữa cháy độc lập phải thực hiện các yêu cầu cơ bản sau đây:

a) Có quy định, nội quy về an toàn phòng cháy và chữa cháy;

b) Có các biện pháp về phòng cháy;

c) Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy phù hợp với tính chất hoạt động của cơ sở;

d) Có lực lượng, phương tiện và các điều kiện khác đáp ứng yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Có phương án chữa cháy, thoát nạn, cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan;

e) Bố trí kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy;

g) Có hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

2. Đối với cơ sở khác thì thực hiện các yêu cầu về phòng cháy quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở đó.

3. Những đối tượng quy định tại các điều từ Điều 21 đến Điều 28 của Luật này ngoài việc thực hiện các yêu cầu về phòng cháy quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện các biện pháp đặc thù về phòng cháy và chữa cháy cho từng đối tượng đó.

Câu 28. Điều 39 Luật Số 27/2001/QH10, luật Phòng cháy và chữa cháy quy định, Trách nhiệm xử lý khi có cháy lớn và cháy có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng cụ thể như thế nào?

Trả lời

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi xảy ra cháy có trách nhiệm chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy, bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy; nếu vượt quá khả năng của mình thì nhanh chóng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, người đứng đầu cơ quan chủ quản cấp trên chỉ đạo giải quyết; trường hợp thật cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Trong trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của địa phương, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan chỉ đạo giải quyết.

3. Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, Bộ trưởng Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Câu 29. Điều 32, Nghị định 136/2020/NĐ-CP quy định công tác Phòng cháy và chữa cháy tình nguyện như thế như thế nào?

Trả lời

1. Cá nhân tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận, lập danh sách gửi cơ quan Công an quản lý địa bàn.

Tổ chức tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải đăng ký với cơ quan Công an quản lý địa bàn.

2. Tổ chức, cá nhân khi đã đăng ký tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải thực hiện nhiệm vụ và chịu sự chỉ đạo của đội trưởng, đội phó đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoặc người có thẩm quyền khác theo quy định.

3. Chế độ, chính sách đối với cá nhân tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy được áp dụng như thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

Câu 30. Điều 45 Luật Số 27/2001/QH10, luật Phòng cháy và chữa cháy quy định về Nhiệm vụ của lực lượng dân phòng và lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở như thế nào?

Trả lời

1. Đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức phòng cháy và chữa cháy; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy và chữa cháy.

3. Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

5. Xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và thực hiện nhiệm vụ chữa cháy khi có cháy xảy ra; tham gia chữa cháy ở địa phương, cơ sở khác khi có yêu cầu.

Câu 31. Điều 11 Nghị định Số 136/2020/NĐ-CP Yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy khi lập dự án và thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của công trình như thế nào?

Trả lời

Khi lập dự án và thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình (sau đây gọi chung là công trình) phải bảo đảm theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy với các nội dung sau:

1. Địa điểm xây dựng công trình phải bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh.

2. Bậc chịu lửa của công trình phải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của công trình; có giải pháp bảo đảm ngăn cháy và chống cháy lan giữa các hạng mục của công trình và giữa công trình này với công trình khác.

3. Công nghệ sản xuất, hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, chống nổ của công trình và việc bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, vật tư phải bảo đảm các yêu cầu an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Lối, đường thoát nạn, thiết bị chiếu sáng, chỉ dẫn thoát nạn, báo tín hiệu; thông gió chống tụ khói; phương tiện cứu người phải bảo đảm cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn.

5. Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động phải bảo đảm kích thước và tải trọng; hệ thống cấp nước chữa cháy phải bảo đảm yêu cầu phục vụ chữa cháy.

6. Hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác phải bảo đảm số lượng; vị trí lắp đặt và các thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của công trình.

Câu 32. Điều 20 Nghị định Số 136/2020/NĐ-CP Trách nhiệm báo cháy, chữa cháy và tham gia chữa cháy như thế nào?

Trả lời

1. Người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết và báo cho một hoặc tất cả các đơn vị sau đây:

a) Đội dân phòng hoặc đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành tại nơi xảy ra cháy;

b) Đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất;

c) Chính quyền địa phương nơi xảy ra cháy.

2. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về vụ cháy xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý thì phải nhanh chóng đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác để chi viện chữa cháy.

3. Cơ quan, đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo cháy ngoài địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng thông báo cho cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy để thực hiện nhiệm vụ chữa cháy; đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp quản lý để xem xét, quyết định điều động lực lượng, phương tiện đến chữa cháy khi có yêu cầu phối hợp.

4. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy phải tìm mọi biện pháp phù hợp để cứu người, ngăn chặn cháy lan và chữa cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

5. Lực lượng Công an, Quân đội, Dân quân tự vệ, cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và các cơ quan khác có liên quan có nhiệm vụ chữa cháy và tham gia chữa cháy theo quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 33 Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Câu 33. Điều 22, Nghị định Số: 136/2020/NĐ-CP quy định Nhiệm vụ chỉ huy, chỉ đạo chữa cháy như thế nào?

Trả lời

1. Nhiệm vụ chỉ huy chữa cháy:

a) Huy động lực lượng, phương tiện, tài sản, nguồn nước, chất và vật liệu chữa cháy để chữa cháy;

b) Xác định khu vực chữa cháy, đề ra và tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy;

c) Đề ra các yêu cầu về bảo đảm giao thông, trật tự;

d) Tổ chức hậu cần chữa cháy, phục vụ chữa cháy và y tế;

đ) Tổ chức thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy;

- e) Tổ chức công tác chính trị tư tưởng trong chữa cháy;
 - g) Tổ chức thông tin về vụ cháy;
 - h) Quyết định kết thúc hoạt động chữa cháy;
 - i) Phối hợp tổ chức bảo vệ hiện trường vụ cháy;
 - k) Tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy;
- 1) Đề xuất các yêu cầu khác phục vụ cho chữa cháy.

2. Chỉ đạo chữa cháy được áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 39 Luật Phòng cháy và chữa cháy. Nhiệm vụ của người chỉ đạo chữa cháy là tổ chức và chỉ đạo các hoạt động bảo đảm chữa cháy an toàn, hiệu quả và khắc phục hậu quả vụ cháy.

3. Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chưa đến đám cháy, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đến đám cháy thì người chỉ huy đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm tham gia chỉ huy chữa cháy và thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều này.

III. AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Câu 34. Anh (Chị) hãy nêu các nội dung về quản lý vệ sinh lao động được quy định tại Điều 1 Thông tư số 19/2016/TT-BYT về Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

Trả lời:

1. Nội dung quản lý vệ sinh lao động tại cơ sở lao động bao gồm:
 - a) Lập và cập nhật hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở lao động;
 - b) Quan trắc môi trường lao động;
 - c) Khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và khám định kỳ bệnh nghề nghiệp;
 - d) Kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những ảnh hưởng của yếu tố có hại trong môi trường lao động đối với sức khỏe;
 - e) Vệ sinh phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc;
 - f) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về công trình vệ sinh, phúc lợi tại nơi làm việc quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - g) Tổ chức lực lượng sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động tại nơi làm việc (sau đây gọi tắt là sơ cứu, cấp cứu) và bảo đảm trang thiết bị sơ cứu, cấp cứu.
2. Hằng năm, cơ sở lao động sản xuất kinh doanh phải xây dựng nội dung quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động trong kế hoạch an toàn vệ sinh lao động đối với cơ sở.

Câu 35. Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với NLĐ làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại được quy định trong văn bản nào? Liên hệ thực tế tại Đơn vị.

Trả lời:

Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm độc hại được quy định trong Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30/11/2022, có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2023 về việc Quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại. Trong đó nội dung tập trung thay đổi về mức bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền.

Liên hệ thực tế tại Đơn vị .

Câu 36. Anh (Chị) hãy cho biết quy định về sử dụng máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại văn bản nào? Nêu nội dung cơ bản của quy định nói trên?

Trả lời:

Việc sử dụng máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động được quy định tại điều 30 luật ATVSLĐ năm 2015 cụ thể sau:

1. Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, trong thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng, phải được kiểm định theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.
2. Khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tại nơi sử dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.
3. Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.
4. Việc sử dụng chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về Hóa chất và pháp luật chuyên ngành.
5. Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động bao gồm 105 Mục, được quy định chi tiết tại Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, ban hành ngày 30/12/2019, có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2020.

Câu 37. Anh (Chị) nêu vùng nguy hiểm là gì? Tính chất của vùng nguy hiểm?

Trả lời:

Vùng nguy hiểm là khoảng không gian xác định trong đó tồn tại các yếu tố nguy hiểm, có hại có khả năng gây chấn thương trong sản xuất dưới dạng tai nạn lao động

Vùng nguy hiểm có 3 tính chất:

- Có định theo không gian, thời gian.
- Thay đổi theo không gian, thời gian.
- Yếu tố nguy hiểm có thể xuất hiện thường xuyên, chu kỳ hoặc bất ngờ.

Thí dụ:

- + *Vùng giữa khuôn và đầu búa máy, máy đột dập*
- + *Vùng giữa các trục cán, giữa vành tiếp xúc của các cặp bánh răng*
- + *Khoảng không gian xung quanh đường dây dẫn điện, dưới cần của các cần trục*

Yêu cầu an toàn khi xác định được vùng nguy hiểm:

- Khoanh vùng được phạm vi vùng nguy hiểm
- Có các biện pháp bao che, che chắn an toàn
- Xây dựng nội quy an toàn khi làm việc trong vùng nguy hiểm

Câu 38. Anh (Chị) nêu để phòng ngừa chấn thương trong lao động sản xuất cần phải áp dụng những biện pháp kỹ thuật gì?

Trả lời:

Các biện pháp kỹ thuật:

- Sử dụng máy, thiết bị, công nghệ an toàn thay các máy – thiết bị, công nghệ không an toàn.
- Sử dụng che chắn an toàn: bao che, rào chắn.
- Sử dụng cơ cấu, thiết bị an toàn, thiết bị phòng ngừa: van an toàn của nồi hơi, thiết bị áp lực, aptomat, cầu chì ...
- Khoảng cách an toàn: không vi phạm khoảng cách an toàn đã quy định, không vi phạm hành lang an toàn điện cao thế
- Tín hiệu, dấu hiệu phòng ngừa: tín hiệu âm thanh, màu sắc, ánh sáng; các dấu hiệu, biển báo an toàn ...
- Cơ giới hóa, tự động hóa để người lao động làm việc ngoài vùng nguy hiểm.
- Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân, dụng cụ an toàn.

Câu 39. Thiết bị phòng ngừa là gì? Phân loại thiết bị phòng ngừa theo tính năng tác dụng? Liên hệ thực tế?

Trả lời:

Thiết bị phòng ngừa là thiết bị kỹ thuật an toàn để phòng ngừa sự cố hoặc tự động ngưng hoạt động của máy, thiết bị sản xuất khi có 1 thông số nào đó vượt giá trị giới hạn cho phép nhằm ngăn ngừa sự cố thiết bị và tránh cho người lao động không bị tai nạn.

❖ **Phân loại thiết bị phòng ngừa:**

- Phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực như van an toàn.
- Phòng ngừa sự cố cần trục, cầu trục: khống chế độ cao, nâng tải, góc nghiêng cần ...
- Phòng ngừa cháy nổ: bình dập lửa tạt lại cho bình sinh khí axetylen ...

❖ **Liên hệ thực tế tại Đơn vị:**

Câu 40. Tín hiệu an toàn là gì? Phân loại và cho thí dụ? Dấu hiệu an toàn là gì?

Trả lời:

- a) Tín hiệu an toàn là phương tiện báo trước cho người lao động biết trước mỗi nguy hiểm và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

Phân loại tín hiệu an toàn:

- Tín hiệu ánh sáng: dùng cho các phương tiện di động như xe; phương tiện vận chuyển như: cầu trục, màu sắc của tín hiệu ánh sáng bao gồm:
 - Màu đỏ: màu báo hiệu cấm, nguy hiểm, dừng lại
 - Màu vàng: màu báo hiệu chuẩn bị cấm, đề phòng
 - Màu xanh: màu báo hiệu an toàn cho phép
- Tín hiệu màu sắc: được sử dụng để phân biệt công dụng các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển.
***Thí dụ:** các nút bấm, các loại đường ống công nghệ như dùng cho hơi nước, nước nóng, hóa chất ...; các loại chai chứa như chai oxy, axetylen, các dây dẫn trong hệ thống điện.*
- Tín hiệu âm thanh: dùng để báo hiệu cho mọi người biết các mối nguy hiểm cũng như tình trạng hoạt động của máy, như mở máy, sự cố, tín hiệu còi, đèn ...

- b) Dấu hiệu an toàn: là dấu hiệu giúp nhận biết trước các mối nguy hiểm, cũng như cho biết cách thực hiện để đảm bảo an toàn tránh sự cố. Dấu hiệu dưới dạng biển báo bằng hình ảnh, lời hướng dẫn ghi trên bảng, trên vỏ máy, trên bao bì.
Dấu hiệu an toàn gồm: dấu hiệu cấm, mệnh lệnh, chỉ dẫn, khuyến cáo.

Câu 41. Anh (Chị) nêu sự nguy hiểm của điện chạm mát và các biện pháp an toàn điện?

Trả lời:

a) Sự nguy hiểm của điện chạm mát:

Khi thiết bị điện hư cách điện hoặc vì lý do nào đó điện chạm ra vỏ kim loại của thiết bị sẽ gây ra hiện tượng điện chạm mát, sự cố điện chạm mát nguy hiểm gây tai nạn chết người rất cao là do:

- Người lao động không biết điện chạm mát là từ lúc nào, chạm mát ở đâu.
- Người lao động chủ quan do bình thường phần vỏ thiết bị không mang điện.
- Sự cố điện chạm mát xảy ra trong trường hợp thiết bị không có cơ cấu bảo vệ chống rò điện.

a) Các biện pháp đảm bảo an toàn điện :

- Thực hiện nối đất hoặc nối không các thiết bị điện.
- Định kỳ đo điện trở cách điện các thiết bị điện di động.
- Sử dụng cầu dao chống rò (ELCB), dây điện hai lớp vỏ bọc, sử dụng biển báo an toàn.
- Huấn luyện và cấp thẻ an toàn cho lao động vận hành thiết bị điện.

Câu 42. Anh (Chị) nêu nguyên tắc làm việc trên cao?

Trả lời:

- Khi làm việc trên cao phải bảo đảm sức khỏe – từ 18 tuổi trở lên, phải sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân như: giày, nón, dây an toàn.
- Khi làm việc trên mái tôn, proximang hoặc có tôn nhựa phải sử dụng ván lót hoặc thang để di chuyển.
- Khi làm việc từ độ cao 2m trở lên, nếu dưới nơi làm việc có nhiều chướng ngại vật phải có lưới bảo vệ hoặc làm sàn thao tác có lan can. Nếu làm việc độ cao trên 6m phải làm 2 sàn công tác: 1 sàn làm việc và 1 sàn bảo vệ bên dưới.
- Trên mặt bằng có giếng, hầm hố, trên sàn tầng công trình có lỗ trống phải được đầy kín rào chắn.

Chú ý:

- Không bố trí người làm việc dưới 18 tuổi và phụ nữ có thai làm việc trên cao.
- Không được đùa giỡn, uống rượu bia trước và trong khi làm việc.
- Không đứng trên các kết cấu công trình chưa chắc chắn.

Câu 43. Anh (Chị) nêu các giải pháp để hạn chế, ngăn ngừa tác hại của các yếu tố nguy hiểm, độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động?

Trả lời:

Có 3 giải pháp:

1. Giải pháp tổ chức lao động:

- Nơi làm việc hợp lý: không gian làm việc thông thoáng, tư thế lao động thoải mái, thuận tiện
- Máy, thiết bị sắp xếp đúng nguyên tắc an toàn khác
- Mặt bằng sản xuất, đường đi lại, vận chuyển an toàn tránh gồ ghề, các đường vận chuyển chính trong xí nghiệp không được cắt nhau
- Thành phẩm, bán thành phẩm bảo quản đúng nguyên tắc an toàn, thí dụ: không sắp xếp các chi tiết thành chồng quá cao, không để lẫn các hóa chất có thể phản ứng
- Người lao động phải sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp
- Người lao động được huấn luyện BHLĐ đạt yêu cầu
- Máy – thiết bị theo nội quy an toàn

2. Giải pháp kỹ thuật:

- Sử dụng máy – thiết bị, công nghệ an toàn.
- Bao che, rào chắn vùng nguy hiểm
- Sử dụng thiết bị an toàn – thiết bị phòng ngừa như: van an toàn, aptomat
- Không vi phạm khoảng cách an toàn, không vi phạm hành lang an toàn điện cao thế
- Tín hiệu, dấu hiệu phòng ngừa: âm thanh, ánh sáng, màu sắc, biển báo an toàn
- Cơ giới hóa, tự động hóa để người lao động làm việc ngoài vùng nguy hiểm

3. Giải pháp vệ sinh lao động:

Nơi làm việc được chiếu sáng đầy đủ, tiếng ồn, rung trong tiêu chuẩn cho phép, mặt bằng không trơn trượt

Câu 44. Anh (Chị) nêu tác hại của môi trường lao động nóng tới cơ thể người lao động? Biện pháp phòng ngừa? Liên hệ thực tế.

Trả lời:

1. Tác hại của môi trường lao động nóng:

Khi người lao động làm việc trong môi trường nóng sẽ bị:

- Nhanh mệt, giảm năng suất lao động.
- Bị say nóng, say nắng, co giật, đục nhãn mắt.
- Tăng nguy cơ mắc các bệnh mãn tính như: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa.

2. Biện pháp phòng ngừa:

- Cơ giới hóa, tự động hóa quá trình sản xuất.
- Cải thiện môi trường lao động như: không gió, điều hòa không khí tại nơi làm việc.
- Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Bố trí thời giờ làm việc – nghỉ ngơi hợp lý.
- Đo môi trường lao động.
- Khám sức khỏe định kỳ.

3. Liên hệ thực tế

Câu 45. Anh (Chị) nêu con đường thâm nhập hóa chất độc hại vào cơ thể người, tác hại của chúng và biện pháp phòng ngừa?

Trả lời:

1. Sự xâm nhập của hóa chất độc hại, qua ba đường vào cơ thể con người:

- Đường hô hấp: các chất độc ở dạng hơi, khí, bụi hòa trong không khí vào phổi và hấp thu qua phổi.
- Đường tiêu hóa: hấp thu chất độc qua đường ăn, uống.
- Hấp thu qua da: xâm nhập qua các vết thương, bệnh ngoài da.
- Trong các đường trên sự xâm nhập qua đường hô hấp là nguy hiểm nhất.

2. Tác hại:

- Đối với răng, lợi, da, niêm mạc, đường sinh dục.
- Bị các bệnh đường hô hấp: viêm họng, viêm phổi . . .
- Nhiễm độc thần kinh.

3. Biện pháp phòng ngừa:

- Thay các hóa chất độc bằng các hóa chất không độc hoặc ít độc.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật.
- Quản lý môi trường lao động và sức khỏe người lao động.
- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh cá nhân.
- Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.

Câu 46. Anh (chị) nêu con đường thâm nhập hóa chất độc hại vào cơ thể người, tác hại của chúng và biện pháp phòng ngừa?

Trả lời:

4. Sự xâm nhập của hóa chất độc hại, qua ba đường vào cơ thể con người:
 - Đường hô hấp: các chất độc ở dạng hơi, khí, bụi hòa trong không khí vào phổi và hấp thu qua phổi
 - Đường tiêu hóa: hấp thu chất độc qua đường ăn, uống
 - Hấp thu qua da: xâm nhập qua các vết thương, bệnh ngoài da
 - Trong các đường trên sự xâm nhập qua đường hô hấp là nguy hiểm nhất
5. Tác hại:
 - Đối với răng, lợi, da, niêm mạc, đường sinh dục
 - Bị các bệnh đường hô hấp: viêm họng, viêm phổi . . .
 - Nhiễm độc thần kinh
6. Biện pháp phòng ngừa:
 - Thay các hóa chất độc bằng các hóa chất không độc hoặc ít độc
 - Áp dụng các biện pháp kỹ thuật
 - Quản lý môi trường lao động và sức khỏe người lao động
 - Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh cá nhân
 - Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân

Câu 47. Anh (chị) nêu tác hại của tiếng ồn? Các biện pháp phòng ngừa? Liên hệ thực tế?

Trả lời:

1. Tiếng ồn gây những tác hại sau đây:
 - Làm giảm sự tập trung, chú ý khi làm việc
 - Cơ thể nhanh mệt, giảm năng suất lao động, dễ gây tai nạn lao động.
 - Gây đau đầu, chóng mặt, mệt mỏi, mất ngủ, tâm lý không ổn định.
 - Tăng nguy cơ mắc bệnh mãn tính như: tim mạch, cao huyết áp, tiêu hóa.
 - Giảm thính lực (có khả năng hồi phục đến không hồi phục).
2. Biện pháp phòng ngừa:
 - Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất để hạn chế sự phát sinh tiếng ồn.
 - Hạn chế sự lan truyền của tiếng ồn bằng các biện pháp như tách biệt các công đoạn sản xuất gây ồn bằng tường bao, tường cách âm.
 - Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân: nút tai, chụp tai chống ồn.

- Tổ chức tốt chế độ làm việc, nghỉ ngơi, giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.

3. *Liên hệ thực tế*

Câu 48. Anh (chị) nêu thế nào là bệnh nghề nghiệp? Hiện nay có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội? Nguyên tắc chẩn đoán, điều trị, dự phòng đối với người lao động bị mắc bệnh nghề nghiệp?

Trả lời:

Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện có hại của nghề nghiệp tác động đến sức khỏe, gây nên bệnh tật cho người lao động; BNN xảy ra từ từ hoặc cấp tính. Một số BNN không thể chữa khỏi được và để lại di chứng. BNN có thể phòng tránh được:

- Hiện có 35 bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội.
- Các BNN nói trên được ban hành tại các văn bản: Thông tư 15/2016/TT-BYT và Thông tư 02/2023/TT-BYT.
- Nguyên tắc chẩn đoán, điều trị, dự phòng đối với người lao động bị mắc bệnh nghề nghiệp.

Người lao động sau khi được chẩn đoán mắc bệnh nghề nghiệp cần được:

- Hạn chế tiếp xúc yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp đó;
- Điều trị theo phác đồ của Bộ Y tế. Đối với nhóm bệnh nhiễm độc nghề nghiệp phải được thải độc, giải độc kịp thời;
- Điều dưỡng, phục hồi chức năng và giám định mức suy giảm khả năng lao động để hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định.

Một số bệnh nghề nghiệp (bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn, bệnh nghề nghiệp do rung cục bộ, do rung toàn thân, nhiễm độc mangan, các bệnh bụi phổi nghề nghiệp trừ bệnh bụi phổi bông) và ung thư nghề nghiệp, ung thư do các bệnh nghề nghiệp không có khả năng điều trị ổn định cần chuyển khám giám định ngay.

Trường hợp chẩn đoán các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp cho người lao động trong thời gian bảo đảm không nhất thiết phải có các xét nghiệm xác định độc chất trong cơ thể.

Liên hệ thực tế.

Câu 49. Hãy cho biết nguyên tắc bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCN) theo quy định tại Thông tư số 25/2022/TT- BLĐTBXH ngày

30/11/2024 của Bộ Lao động thương binh và xã hội? Liên hệ thực tế ở đơn vị?

Trả lời:

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí nơi cất giữ, bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân theo hướng dẫn của nhà sản xuất, chế tạo phương tiện bảo vệ cá nhân. Người lao động có trách nhiệm giữ gìn phương tiện bảo vệ cá nhân được giao.

2. Các phương tiện bảo vệ cá nhân để sử dụng ở những nơi không đảm bảo vệ sinh, dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm phóng xạ thì sau khi sử dụng, người sử dụng lao động phải có các biện pháp làm sạch, khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh an toàn cho người lao động, môi trường xung quanh và phải định kỳ kiểm tra.

3. Liên hệ thực tế của đơn vị.

Câu 50. Bạn hãy cho biết các nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn Điện trong lao động sản xuất? Liên hệ thực tế ở đơn vị bạn và Công ty về nguyên nhân gây tai nạn Điện.

Trả lời:

a) Có 9 nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn Điện trong SX:

- Lốp bọc cách điện của dây dẫn hay các bộ phận mang điện bị hư hỏng hoặc không đảm bảo yêu cầu cách điện;
- Việc che, chắn, bao che các bộ phận mạng điện không được thực hiện theo quy định;
- Vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, đặc biệt là với điện cao thế ;
- Không thực hiện nối đất, nối không bảo vệ hoặc có nhưng không đạt yêu cầu kỹ thuật (Dây nối đất, nối không có điện trở quá lớn) ;
- Không thực hiện đúng quy trình, quy phạm an toàn khi vận hành các máy có động cơ điện, khi sửa chữa điện;
- NLD không được huấn luyện kỹ thuật an toàn Điện;
- Làm việc khi chưa đủ các điều kiện an toàn, các hư hỏng về điện không được sửa chữa kịp thời;
- Thiếu các biển báo an toàn điện ;
- Không sử dụng PTBV CN, dụng cụ điện cầm tay không đạt yêu cầu chất lượng an toàn.

b) Liên hệ thực tế tại đơn vị.

Câu 51. Anh (Chị) hãy cho biết nguyên tắc tổ chức của mạng lưới ATVSV? Liên hệ thực tế tại đơn vị.

Trả lời:

Nguyên tắc tổ chức mạng lưới ATVSV

1. Mỗi tổ sản xuất trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có ít nhất một an toàn, vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc. Người sử dụng lao động ra quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên sau khi thống nhất ý kiến với Ban chấp hành công đoàn cơ sở nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thành lập Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
 2. An toàn, vệ sinh viên là người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động; tự nguyện và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn, vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.
 3. An toàn, vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của Ban chấp hành công đoàn cơ sở, trên cơ sở quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phối hợp về chuyên môn, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động hoặc bộ phận quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế hoặc bộ phận y tế tại cơ sở.
- Liên hệ thực tế tại đơn vị

Câu 52. Anh (Chị) hãy cho biết nghĩa vụ của mạng lưới ATVSV? Liên hệ thực tế tại đơn vị.

Nghĩa vụ của an toàn - vệ sinh viên:

- a) Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, đội trưởng, quản đốc chấp hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động;
- b) Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;

- c) Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ;
- d) Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và nơi làm việc;
- e) Báo cáo tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.

Liên hệ thực tế tại đơn vị

Câu 53. Anh (Chị) hãy cho biết quyền của mạng lưới ATVSV? Liên hệ thực tế tại đơn vị.

Quyền của an toàn - vệ sinh viên

- a) Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà người sử dụng lao động tiến hành để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;
- b) Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên nhưng vẫn được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ và được hưởng phụ cấp trách nhiệm. Mức phụ cấp trách nhiệm do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất thỏa thuận và được ghi trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên;
- c) Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động và chịu trách nhiệm về quyết định đó;
- d) Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

Liên hệ thực tế tại đơn vị

IV. CÂU HỎI GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

Câu 54. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong giải quyết tranh chấp lao động được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 182 Bộ luật Lao động năm 2019 (số 45/2019/QH14 quy định quyền và nghĩa vụ của hai bên trong giải quyết tranh chấp lao động như sau:

1. Trong giải quyết tranh chấp lao động, các bên có quyền sau đây:
 - a) Trực tiếp hoặc thông qua đại diện để tham gia vào quá trình giải quyết;
 - b) Rút yêu cầu hoặc thay đổi nội dung yêu cầu;
 - c) Yêu cầu thay đổi người tiến hành giải quyết tranh chấp lao động nếu có lý do cho rằng người đó có thể không vô tư hoặc không khách quan.
2. Trong giải quyết tranh chấp lao động, các bên có nghĩa vụ sau đây:
 - a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình;
 - b) Chấp hành thoả thuận đã đạt được, quyết định của Ban trọng tài lao động, bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Câu 55. Khi làm thêm giờ và làm việc vào ban đêm, người lao động được trả lương như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 98, Bộ Luật Lao động năm 2019 (45/2019/QH14), “tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm” được trả như sau:

1. Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm như sau:
 - a) Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;
 - b) Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;
 - c) Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.
2. Người lao động làm việc vào ban đêm (từ 22h đến 06h sáng hôm sau), thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường.

3. Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này (Điều 98), người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày của ngày làm việc bình thường hoặc của ngày nghỉ hằng tuần hoặc của ngày nghỉ lễ, tết.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Điều 98).

Câu 56. Trong trường hợp doanh nghiệp phải ngừng việc, người lao động được trả lương như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 99, Bộ Luật Lao động năm 2019, tiền lương ngừng việc được trả như sau:

“Điều 99. Tiền lương ngừng việc

Trường hợp phải ngừng việc, người lao động được trả lương như sau:

1. Nếu do lỗi của người sử dụng lao động thì người lao động được trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động;

2. Nếu do lỗi của người lao động thì người đó không được trả lương; những người lao động khác trong cùng đơn vị phải ngừng việc thì được trả lương theo mức do hai bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu;

3. Nếu vì sự cố về điện, nước mà không do lỗi của người sử dụng lao động hoặc do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa, di dời địa điểm hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do kinh tế thì hai bên thỏa thuận về tiền lương ngừng việc như sau:

a) Trường hợp ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở xuống thì tiền lương ngừng việc được thỏa thuận không thấp hơn mức lương tối thiểu;

b) Trường hợp phải ngừng việc trên 14 ngày làm việc thì tiền lương ngừng việc do hai bên thỏa thuận nhưng phải bảo đảm tiền lương ngừng việc trong 14 ngày đầu tiên không thấp hơn mức lương tối thiểu.”

Câu 57. Theo Điều 7, Luật ATVSLĐ quy định, người sử dụng lao động có những quyền gì về công tác ATVSLĐ?

Trả lời

Người sử dụng lao động có 04 quyền sau đây:

1) Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

2) Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động;

3) Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

4) Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

Câu 58. Bạn hiểu như thế nào về thỏa ước lao động tập thể khi được NSDLĐ và đại diện tập thể NLD thương lượng, ký kết và thực hiện?

Trả lời

Căn cứ Điều 75 Bộ luật Lao động 2019 thì thỏa ước lao động tập thể được hiểu như sau:

1. Thỏa ước lao động tập thể là thỏa thuận đạt được thông qua thương lượng tập thể và được các bên ký kết bằng văn bản.

Thỏa ước lao động tập thể bao gồm thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể có nhiều doanh nghiệp và các thỏa ước lao động tập thể khác.

2. Nội dung thỏa ước lao động tập thể không được trái với quy định của pháp luật; khuyến khích có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

Câu 59. Nội dung thương lượng tập thể bao gồm những nội dung gì?

Trả lời

Căn cứ Điều 67 Bộ luật Lao động 2019 thì nội dung thương lượng tập thể bao gồm những nội dung sau:

Các bên thương lượng lựa chọn một hoặc một số nội dung sau để tiến hành thương lượng tập thể:

1. Tiền lương, trợ cấp, nâng lương, thưởng, bữa ăn và các chế độ khác;

2. Mức lao động và thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, làm thêm giờ, nghỉ giữa ca;

3. Bảo đảm việc làm đối với người lao động;

4. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện nội quy lao động;

5. Điều kiện, phương tiện hoạt động của tổ chức đại diện người lao động; mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động;

6. Cơ chế, phương thức phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động;
7. Bảo đảm bình đẳng giới, bảo vệ thai sản, nghỉ hằng năm; phòng, chống bạo lực và quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
8. Nội dung khác mà một hoặc các bên quan tâm.

Câu 60. Những trường hợp nào người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động?

Trả lời

Căn cứ Điều 37 Bộ luật Lao động 2019 thì các trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động được quy định như sau:

1. Người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp đang điều trị, điều dưỡng theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Bộ luật này.
2. Người lao động đang nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng và trường hợp nghỉ khác được người sử dụng lao động đồng ý.
3. Người lao động nữ mang thai; người lao động đang nghỉ thai sản hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Câu 61. Khi doanh nghiệp thay đổi cơ cấu, công nghệ mà ảnh hưởng đến việc làm của nhiều NLĐ thì NSDLĐ phải xây dựng phương án sử dụng lao động như thế nào?

Trả lời

Căn cứ Điều 44 Bộ luật Lao động 2019 thì phương án sử dụng lao động được quy định như sau:

1. Phương án sử dụng lao động phải có những nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Số lượng và danh sách người lao động tiếp tục được sử dụng, người lao động được đào tạo lại để tiếp tục sử dụng, người lao động được chuyển sang làm việc không trọn thời gian;
 - b) Số lượng và danh sách người lao động nghỉ hưu;
 - c) Số lượng và danh sách người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - d) Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động và các bên liên quan trong việc thực hiện phương án sử dụng lao động;
 - đ) Biện pháp và nguồn tài chính bảo đảm thực hiện phương án.

2. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động, người sử dụng lao động phải trao đổi ý kiến với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Phương án sử dụng lao động phải được thông báo công khai cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua.

Câu 62. Công tác đối thoại tại nơi làm việc được quy định như thế nào?

Trả lời

Căn cứ Khoản 1 Điều 63 Bộ luật Lao động 2019 thì đối thoại tại nơi làm việc được quy định như sau:

Đối thoại tại nơi làm việc là việc chia sẻ thông tin, tham khảo, thảo luận, trao đổi ý kiến giữa người sử dụng lao động với người lao động hoặc tổ chức đại diện người lao động về những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích và mối quan tâm của các bên tại nơi làm việc nhằm tăng cường sự hiểu biết, hợp tác, cùng nỗ lực hướng tới giải pháp các bên cùng có lợi.

Câu 63. Nội dung đối thoại tại nơi làm việc được quy định như thế nào?

Trả lời

Căn cứ Điều 64 Bộ luật Lao động 2019 thì nội dung đối thoại tại nơi làm việc được quy định như sau:

1. Nội dung đối thoại bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Bộ luật này.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các bên lựa chọn một hoặc một số nội dung sau đây để tiến hành đối thoại:

- a) Tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động;
- b) Việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế và cam kết, thỏa thuận khác tại nơi làm việc;
- c) Điều kiện làm việc;
- d) Yêu cầu của người lao động, tổ chức đại diện người lao động đối với người sử dụng lao động;
- đ) Yêu cầu của người sử dụng lao động đối với người lao động, tổ chức đại diện người lao động;
- e) Nội dung khác mà một hoặc các bên quan tâm.

Câu 64. Người lao động nghỉ việc riêng và người lao động nghỉ không hưởng lương được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 115 Bộ luật Lao động 2019 thì người lao động nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương được quy định như sau:

“Điều 115. Nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương

1. Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động trong trường hợp sau đây:

a) Kết hôn; nghỉ 03 ngày;

b) Con đẻ, con nuôi kết hôn; nghỉ 01 ngày;

c) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi chết: nghỉ 03 ngày.

2. Người lao động được nghỉ không hưởng lương 01 ngày và phải thông báo với người sử dụng lao động khi ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết; cha hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột kết hôn.

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động để nghỉ không hưởng lương.”

Như vậy, người lao động được nghỉ không hưởng lương trong hai trường hợp: Theo quy định của pháp luật có liên quan đến người thân trong gia đình như đã viện dẫn trên; thỏa thuận với người sử dụng lao động. Nên người lao động chỉ cần thương lượng thỏa thuận và thống nhất về thời gian nghỉ không hưởng lương với người sử dụng lao động và phải được người sử dụng lao động đồng ý. Đồng thời theo Điều 18 Nghị định 12/2022/NĐ-CP, phạt tiền từ 2- 5 triệu đồng đối với người sử dụng lao động không bảo đảm cho người lao động nghỉ việc riêng hoặc nghỉ không hưởng lương theo quy định của pháp luật.

Câu 65. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 183 Bộ luật Lao động 2019 thì quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động được quy định như sau:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có quyền yêu cầu các bên tranh chấp, cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, trưng cầu giám định, mời người làm chứng và người có liên quan.

Câu 66. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 187 Bộ luật Lao động năm 2019 thì **thẩm quyền** giải quyết tranh chấp lao động cá nhân được quy định như sau:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân bao gồm:

1. Hòa giải viên lao động;
2. Hội đồng trọng tài lao động;
3. Tòa án nhân dân.

Câu 67. Hợp đồng lao động là gì? NSDLĐ và NLD thỏa thuận bằng tên gọi khác có được gọi là hợp đồng lao động?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động 2019 thì hợp đồng lao động được định nghĩa như sau:

Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động.

Câu 68. Những đối tượng nào bắt buộc phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 43 Luật việc làm năm 2013 thì đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau:

Người lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc như sau:

- a) Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn;
- b) Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn;

c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Trong trường hợp người lao động giao kết và đang thực hiện nhiều hợp đồng lao động quy định tại khoản này thì người lao động và người sử dụng lao động của hợp đồng lao động giao kết đầu tiên có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 69. Các nội dung về thanh tra lao động được quy định như thế nào?

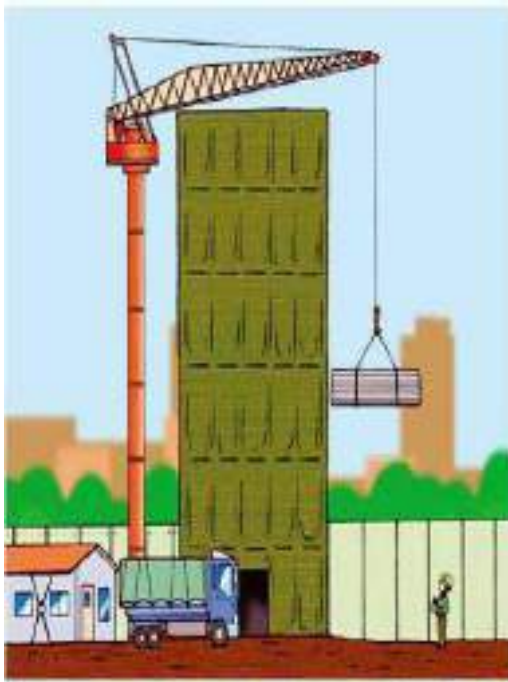
Trả lời:

Căn cứ Điều 214 Bộ luật Lao động 2019 thì các nội dung thanh tra lao động được quy định như sau:

1. Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về lao động.
2. Điều tra tai nạn lao động và vi phạm an toàn, vệ sinh lao động.
3. Tham gia hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện lao động, an toàn, vệ sinh lao động.
4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về lao động theo quy định của pháp luật.
5. Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về lao động.

C. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

Câu 1. Cần nâng của cần cầu tháp đã va vào hệ dàn giáo lắp đặt sẵn ở công trường và đã bị cong.



Hệ dàn giáo chế tạo sẵn

Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Thực hiện cầu khi cần nâng cầu không đủ độ cao so với giàn giáo;
 - Người sử dụng cầu không đủ góc nhìn quan sát
 - Có người đứng trong khu vực nguy hiểm khi đang cầu hàng.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người cầu hàng dừng ngay lập tức;
 - Đề nghị lãnh đạo nâng thêm tầm cao của cần nâng cầu;
 - Đề nghị lãnh đạo hướng dẫn lại quy định an toàn cho lái cầu;
 - Không cho phép những người chưa được huấn luyện sử dụng cầu.
 - Cử người giám sát an toàn khi cầu.
 - Bố trí rào chắn, biển cảnh báo khu vực nguy hiểm, cấm vào

3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy định AT khi cầu hàng lên cao;
- Chỉ sử dụng cầu khi đã được huấn luyện an toàn.

Câu 3. Người công nhân bị tai nạn sau khi va đập với một xe nâng do tầm nhìn của người vận hành xe nâng bị hạn chế bởi thùng nâng phía trước xe



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Người điều khiển xe nâng bị hạn chế tầm nhìn trong khi không có người hỗ trợ cảnh giới xung quanh
 - Không có lối đi an toàn dành riêng cho xe nâng
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu người điều khiển xe nâng dừng lại, nhắc nhở lại các quy định an toàn khi lái xe nâng
 - Bố trí tạm thời người hỗ trợ cảnh giới khu vực làm việc của xe nâng
 - Tổ chức tập huấn lại năng lực cho người lái xe nâng;
 - Tổ chức phổ biến nội quy lao động cho toàn bộ xưởng
 - Hướng dẫn an toàn khi sử dụng xe nâng hàng và di chuyển trong xưởng cho lái xe;
3. Ghi nhớ:
 - Người điều khiển xe phải đảm bảo tầm nhìn khi lái xe; Khi không đảm bảo tầm nhìn, phải có người hỗ trợ cảnh giới xung quanh

- Cần phân rõ lối đi dành riêng cho xe nâng và lối đi cho công nhân để ngăn ngừa việc công nhân vô tình va đập vào xe.

Câu 4. Người công nhân không may bị tai nạn do thiết bị treo rơi xuống khi cần trục đang di chuyển nắp và cọc bê tông bị tuột ra do dây cáp đứt. Người công nhân bị thiết bị đập vào đầu khi lắp đặt nắp phía dưới cần trục nâng.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Không có người giám sát an toàn;
 - Làm việc tại vị trí không được phép (phía dưới cầu trục nâng)
 - Không mang đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (mũ)
2. Biện pháp xử lý:
 - Nhanh chóng cấp cứu người bị nạn
 - Kiểm tra điều kiện an toàn của các thiết bị nâng trước khi tiến hành lại công việc;
 - Tổ chức phổ biến Quy tắc an toàn khi làm việc với cầu trục
 - Hướng dẫn an toàn cho người lao động khi làm việc trong khu vực nguy hiểm;
 - Bố trí người giám sát an toàn khi nâng hàng.
 - Bố trí biển cảnh báo/biển cấm làm việc dưới cần trục
3. Ghi nhớ:

- Kiểm tra xem thiết bị an toàn và các dây cáp có ở trạng thái bình thường không trước khi tiến hành công việc
- Kiểm tra vị trí dỡ hàng đang treo và khu vực chứa xem có an toàn không
- Chỉ người có nhiệm vụ và đã được huấn luyện an toàn mới được vận hành cần cẩu
- Nghiêm cấm đi lại bên dưới hàng hoá đang được cẩu nâng lên.

Câu 5. Người công nhân bị tai nạn sau khi một mảnh đá mài văng vào trong lúc mài một bộ phận bằng sắt đúc tại xưởng gia công sắt đúc.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Khoảng cách giữa đá mài và bàn gia công không chính xác
 - Nắp đậy sử dụng trên máy mài không đáp ứng được các tiêu chuẩn về đảm bảo an toàn.
 - Việc giáo dục/đào tạo về an toàn đối với những mối nguy hiểm và thực hiện lao động an toàn không được tiến hành đầy đủ.
 - Do sử dụng đá mài có tốc độ quay không phù hợp với tốc độ quay của máy mài
2. Biện pháp xử lý:
 - Nhanh chóng cấp cứu người bị nạn
 - Điều chỉnh khoảng cách giữa đá mài và bàn gia công
 - Sử dụng nắp đậy máy mài phù hợp,
 - Đào tạo lại những rủi ro trong công việc và làm việc an toàn cho những người công nhân thực hiện những công việc nguy hiểm như gia công mài.
 - Kiểm soát và giám sát thường xuyên để ngăn ngừa các hành vi mất an toàn trong công việc

3. Ghi nhớ:

- Lắp đặt nắp cho máy mài và kiểm tra các điều kiện an toàn trước khi tiến hành làm việc.
- Chạy thử máy mài khoảng một phút trước khi làm việc và chạy thử ba phút hoặc lâu hơn sau khi thay đá mài.
- Kiểm tra, thay mới những đá mài bị rạn nứt hoặc phát ra tiếng ồn đục.
- Không bao giờ sử dụng cạnh của đá mài.
- Các công nhân thực hiện công việc mài phải được huấn luyện an toàn trước khi sử dụng máy mài và mang đồ bảo vệ như kính, mặt nạ chống bụi và nút bịt lỗ tai.
- Chỉ chạy đá mài ở tốc độ tối đa cho phép

Câu 6. Người công nhân bị bỏng trong vụ nổ khi anh ta cắt bình nhiên liệu của một chiếc xe cũ bằng máy hàn oxy tại bãi phế thải.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Trước khi tiến hành công việc, không làm sạch nhiên liệu trong bình;
 - Người công nhân đã bỏ qua các quy tắc an toàn, và thao tác làm việc không hợp lý;
 - Không có bình chữa cháy tại nơi làm việc có rủi ro cháy nổ cao khi sử dụng thiết bị phát lửa;
 - Không có người giám sát an toàn.
2. Biện pháp xử lý:
 - Cử người giám sát khi làm công việc nguy hiểm;
 - Chuẩn bị bình chữa cháy tại nơi làm việc có thiết bị phát sinh lửa
 - Đào tạo/giáo dục về những rủi ro trong công việc và làm việc an toàn cho những người công nhân khi làm các công việc có nguy cơ cháy nổ.
3. Ghi nhớ:
 - Dọn sạch các vật liệu nguy hiểm trước khi làm các công việc hàn cắt;
 - Cần chuẩn bị bình chữa cháy tại nơi làm việc có thiết bị phát lửa để phòng ngừa trường hợp khẩn cấp;
 - Chỉ sử dụng các loại máy hàn sau khi đã được huấn luyện về an toàn

- Thường xuyên mở các khoá giáo dục và đào tạo cho công nhân về những rủi ro từ vật liệu dễ bắt lửa và làm việc an toàn

Câu 7. Công nhân trèo lên cột hạ thế để đọc chỉ số công tơ thì bị điện hạ áp rò ra giá đỡ hộp công tơ giật. Được đồng nghiệp cấp cứu nhưng không qua khỏi.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

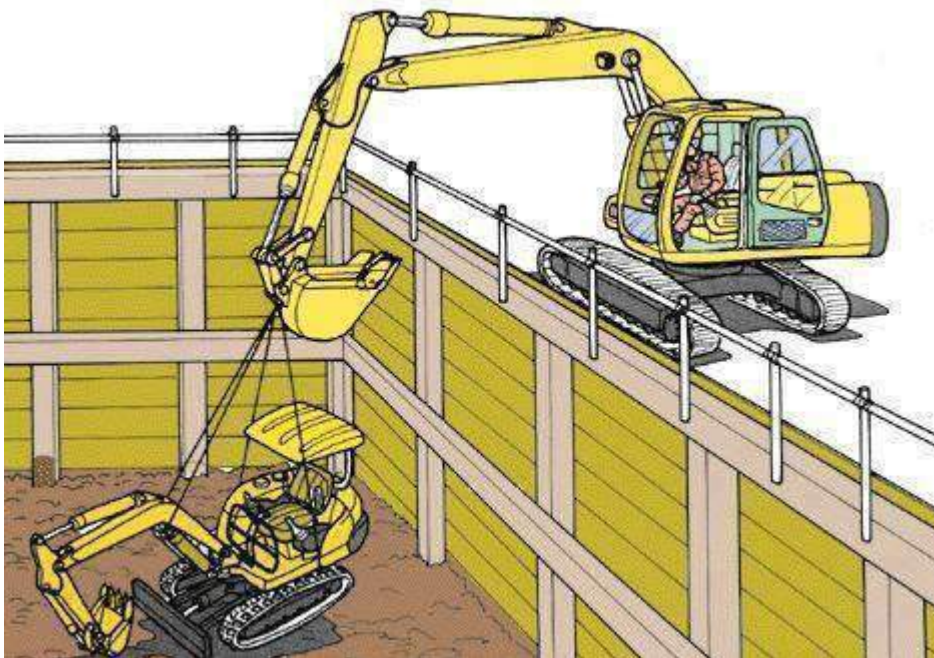
1. Sai sót:
 - Người công nhân không thử rò điện các bộ phận làm từ vật liệu dẫn điện trước khi lên cột hạ áp đang có điện; đã bỏ qua các quy tắc an toàn, và thao tác làm việc không hợp lý;
 - Hộp công tơ đã không bảo đảm an toàn (rò điện ra cột);
2. Biện pháp xử lý:
 - Thực hiện và tuân thủ đúng quy định về an toàn điện khi làm việc;
 - Có các biện pháp chống rò điện trên lưới hạ áp;
 - Yêu cầu công nhân phải thực hiện kiểm tra các điều kiện an toàn trước khi tiến hành công việc
 - Cử người giám sát an toàn trong khi làm việc

3. Ghi nhớ:

- Tổ chức đào tạo cho công nhân về an toàn điện và giám sát an toàn điện
- Thường xuyên mở các khoá giáo dục và đào tạo cho công nhân về sơ cấp cứu khi bị điện giật.
- Thực hiện kiểm tra an toàn trước khi bắt đầu công việc

Câu 8. Dùng máy, thiết bị khác thay cầu

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh công nhân đang sử dụng máy xúc để cầu máy xúc?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Không bao giờ được được phép dùng máy, thiết bị khác thay cầu; hoặc sử dụng thiết bị sai chức năng.
 - Khi cầu hàng , vật tư phải có người xi nhan, có dây quây xung quanh;
 - Khi cầu phải xác định được trọng lượng vật cầu;
 - Vị trí đặt không đảm bảo dễ lật.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng sử dụng máy;
 - Đề nghị lãnh đạo phải yêu cầu người lao động sử dụng máy đúng yêu cầu;
 - Đề nghị lãnh đạo hướng dẫn người LĐ kỹ thuật an toàn khi cầu;
 - Không cho phép những người chưa được huấn luyện KTAT sử dụng máy.
 - Những người sử dụng máy xúc phải được hướng dẫn về KTAT khi sử dụng máy
3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi cầu;
- Chỉ sử dụng cầu khi có chứng chỉ và được huấn luyện KTAT.

Câu 9. Vận chuyển thiết bị

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

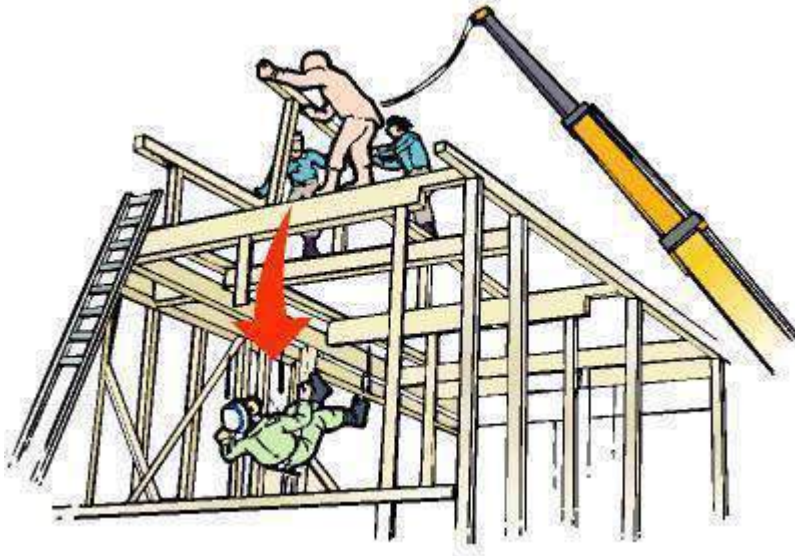
Đáp án

1. Sai sót:
 - Sử dụng thiết bị vận chuyển không đúng quy định;
 - Cầu dẫn cho thiết bị di chuyển xuống không được cố định, không đảm bảo an toàn;
 - Không có người xi nhan, giám sát quá trình di chuyển máy;
 - Ô tô không được kê, chèn bánh xe theo quy định.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Đề nghị lãnh đạo phải dùng cầu để cầu thiết bị hoặc có biện pháp gia cố, thay thế cầu dẫn cho thiết bị di chuyển xuống xe đảm bảo an toàn chống đổ, lật;
 - Cử người giám sát an toàn
 - Đề nghị lãnh đạo hướng dẫn người LĐ kỹ thuật an toàn khi vận chuyển thiết bị;
3. Ghi nhớ:
 - Phải tuân thủ các quy định an toàn khi vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị;

- Chỉ sử dụng các thiết bị chuyên dùng để vận chuyển thiết bị.

Câu 10. Công nhân đang làm việc trên cao

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh nhóm công nhân đang làm việc trên cao?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Khu vực thi công không có sàn thao tác, không có dây cứu sinh, không có hệ thống lưới chống rơi;
 - Người lao động không sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo vệ cá nhân, không có dây an toàn, ...
 - Không có cán bộ an toàn giám sát khi làm các công việc nguy hiểm, làm việc trên cao, khu vực treo leo nguy hiểm;
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Đề nghị thực hiện đúng biện pháp thi công khi làm việc trên cao, lắp đặt sàn thao tác, dây cứu sinh, lưới chống rơi, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
 - Không cho phép những người chưa được huấn luyện KTAT tham gia làm việc
 - Yêu cầu có người giám sát an toàn.

3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ biện pháp thi công và các quy định an toàn khi làm việc trên cao;
- Chỉ những NLĐ đã được huấn luyện an toàn theo quy định mới được làm việc.
- Đề nghị lãnh đạo tổ chức huấn luyện ATLĐ cho người LĐ theo quy định;

Câu 11. An toàn khi làm việc với cầu

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

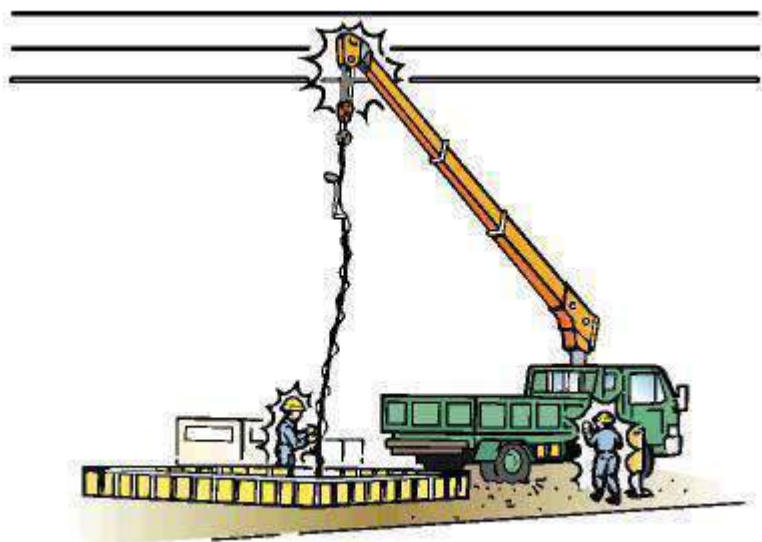
Đáp án

1. Sai sót:
 - Biện pháp không đảm bảo, người LĐ vi phạm hành lang an toàn khi khi cầu;
 - Cầu không đảm bảo thiếu thiết bị báo ngưỡng tải trọng;
 - Không cách ly khu vực cầu, không có biển cấm, không có người giám sát;
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Đề nghị lãnh đạo phải lập lại biện pháp, tính toán cụ thể các phương án;
 - Tổ chức huấn luyện lại công tác an toàn khi làm việc với cầu và các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
 - Cử người giám sát an toàn khi làm việc
 - Phổ biến lại sự cố trên cho toàn đơn vị để tránh những sự cố tương tự tái diễn
3. Ghi nhớ:
 - Phải tuân thủ các quy định an toàn khi làm việc với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
 - Cử người giám sát an toàn khi làm việc

- Biện pháp phải được lập và tính toán chi tiết, trước khi thực hiện cầu phải thử tải theo đúng quy trình.

Câu 12. Hành lang an toàn lưới điện

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Vi phạm hành lang an toàn lưới điện;
 - Thiếu kiểm tra giám sát và phối hợp với ngành điện, chưa thực hiện việc ngắt điện trước khi làm việc;
 - Khi làm việc không có người cảnh giới, giám sát.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Cử người kiểm tra và giám sát việc ngắt điện, treo thẻ thông báo đã ngắt điện để thi công làm việc;
 - Yêu cầu người quản lý nhắc nhở người lao động thực hiện đúng quy trình làm việc dưới hành lang lưới điện.
3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy trình làm việc dưới hành lang an toàn lưới điện nhất là quy định về khoảng cách an toàn.
- Kiểm tra các điều kiện an toàn trước khi thực hiện công việc
- Bố trí người kiểm tra, giám sát, cảnh giới

Câu 13. Vận chuyển thiết bị

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

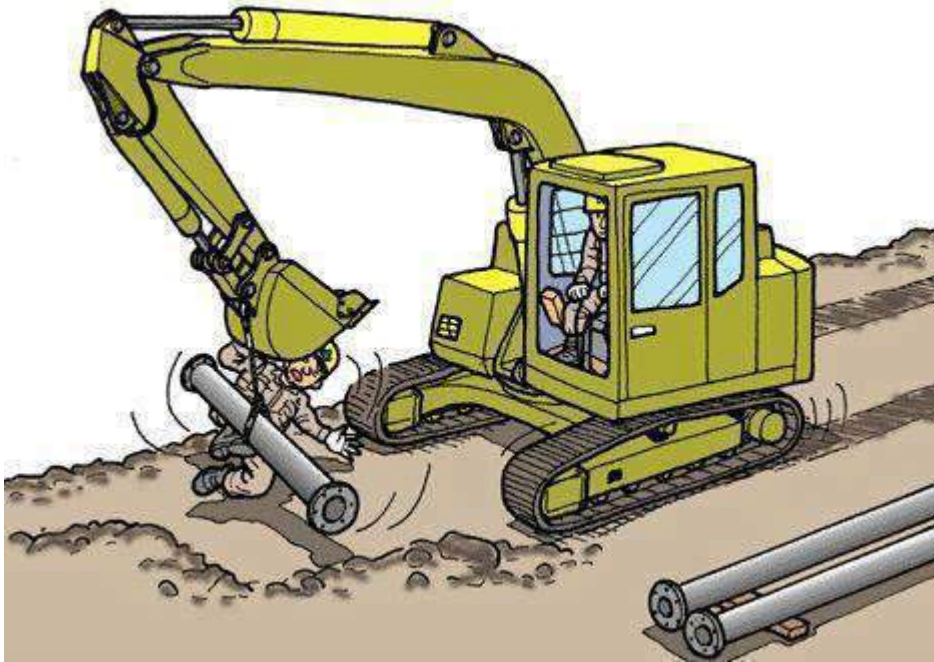
1. Sai sót:
 - Sử dụng thiết bị vận chuyển không đúng quy định;
 - Cầu dẫn cho thiết bị di chuyển xuống không được cố định, không đảm bảo an toàn;
 - Không có người xi nhan, giám sát quá trình di chuyển máy;
 - Ô tô không được kê, chèn bánh xe theo quy định;
 - Người lao động làm việc tại vị trí nguy hiểm trong khi máy đang di chuyển.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Đề nghị lãnh đạo phải dùng cầu để cầu thiết bị hoặc có biện pháp gia cố, thay thế cầu dẫn cho thiết bị di chuyển xuống xe đảm bảo an toàn chống đổ, lật;
 - Đề nghị lãnh đạo hướng dẫn người LĐ kỹ thuật an toàn khi vận chuyển thiết bị;
 - Không cho phép những người chưa được huấn luyện KTAT tham gia làm việc.
 - Bố trí người hỗ trợ cảnh giới và giám sát

3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị;
- Chỉ sử dụng các thiết bị chuyên dùng để vận chuyển thiết bị.
- Bố trí người hỗ trợ cảnh giới và giám sát

Câu 14. Công nhân đang xử dụng máy xúc để cầu thiết bị.

Hỏi:



1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh công nhân đang sử dụng máy xúc để cầu hàng hóa, vật tư, thiết bị?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

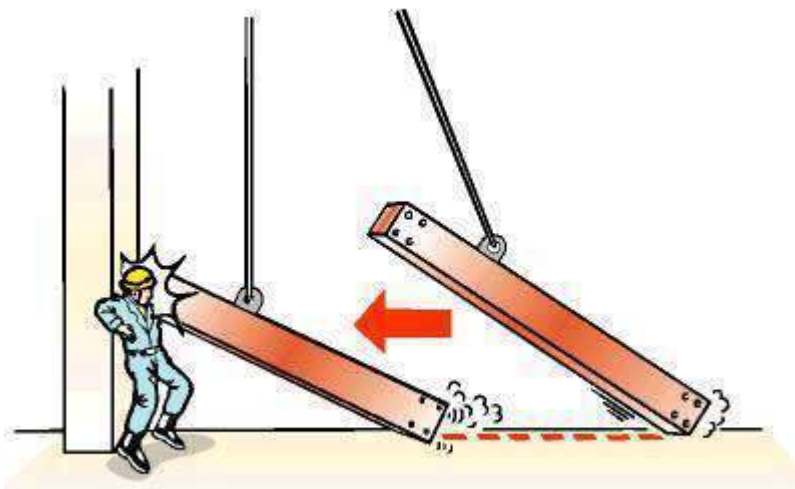
1. Sai sót:
 - Không bao giờ được phép dùng máy, thiết bị khác thay cầu;
 - Thiếu dây neo để giữ và điều chỉnh hàng;
 - Không có người xi nhan khi cầu thiết bị và không cách ly khu vực cầu;
 - Người lao động vi phạm hành lang an toàn cầu và làm việc trong vùng nguy hiểm.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng sử dụng máy xúc để cầu hàng;
 - Đề nghị lãnh đạo phải yêu cầu người lao động sử dụng máy đúng yêu cầu (máy cầu...);
 - Phải trang bị dây neo để giữ và điều chỉnh hàng.
 - Bố trí người xi nhan và giám sát trong suốt quá trình thực hiện cầu hàng;
 - Người lao động phải quan sát môi trường xung quanh an toàn trước khi vào khu vực làm việc.

3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi cẩu, không được dùng các thiết bị, máy xúc thay thế cẩu;
- Người lao động phải quan sát môi trường xung quanh an toàn trước khi vào khu vực làm việc.

Câu 15. Thiết bị cầu đang kéo lê vật cầu.

Hỏi:



1. Là ATSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Vi phạm quy trình cầu là kéo lê vật cầu;
 - Việc móc cáp cầu vào vật tư ở vị trí gây lệch tải;
 - Người lao động vi phạm hành lang an toàn cầu;
 - Khi cầu không có dây neo để giữ vật cầu;
 - Không có người xi nhan, giám sát khi thực hiện công việc cầu;
 - Không cách ly khu vực cầu.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Không được kéo lê vật cầu;
 - Vật cầu cần được buộc ở vị trí cân bằng và phải có dây neo giữ, định hướng;
 - Cần cách ly khu vực nguy hiểm trong suốt quá trình thực hiện cầu;
 - Cử người giám sát, thực hiện đúng quy trình an toàn trong khi cầu;
 - Người lao động phải quan sát môi trường xung quanh an toàn trước khi vào khu vực làm việc.

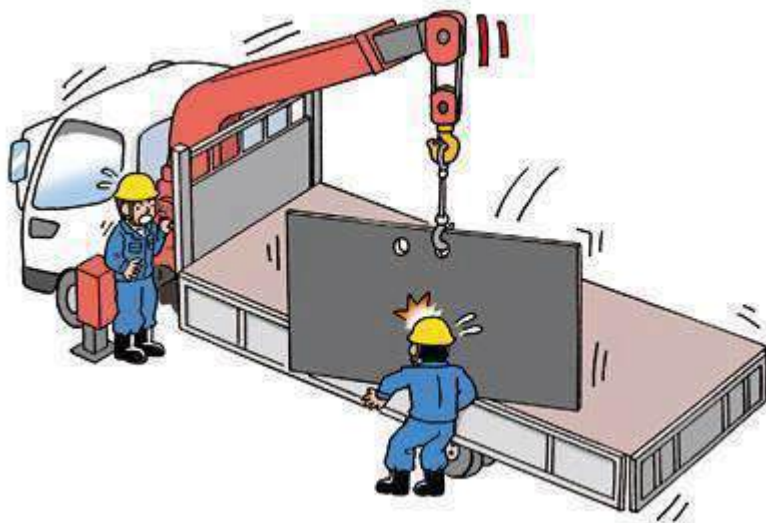
- Đề nghị lãnh đạo tổ chức họp rút kinh nghiệm và hướng dẫn người lao động kỹ thuật an toàn khi làm việc.

3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy định an toàn, khi cầu không được kéo lên vật cầu, phải có người xi nhan, giám sát và trang bị dây neo vật cầu.
- Người lao động phải quan sát môi trường xung quanh an toàn trước khi vào khu vực làm việc

Câu 16. Hình ảnh nhóm công nhân cấu vật nặng

Hỏi:



1. Là ATSVV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Người lao động vi phạm hành lang an toàn cầu;
 - Móc dây cầu vào 01 vị trí, không cân bằng có thể gây tải lệch (trong khi vật nâng có 02 vị trí móc dây để đảm bảo cân bằng);
 - Khi làm việc không có người xi nhan, cảnh giới, giám sát;
 - Người lao động làm việc sai tư thế, không quan sát;
 - Khi cầu không có dây neo để giữ vật cầu;
 - Không cách ly khu vực cầu.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị người lao động ngừng ngay công việc;
 - Đề nghị người lao động móc dây cầu vào 02 vị trí để giữ cân bằng;
 - Đề nghị căng dây cảnh báo cách ly khu vực cầu;
 - Đề nghị người lao động phải quan sát và không đi vào khu vực nguy hiểm khi thực hiện cầu;
 - Cử người xi nhan, giám sát, cảnh giới ngay tại vị trí làm việc;

- Đề nghị lãnh đạo tổ chức họp rút kinh nghiệm và hướng dẫn NLD kỹ thuật an toàn khi làm việc.

3. Ghi nhớ:

- Phải tuân thủ các quy định an toàn, móc dây cầu đảm bảo vật nâng ở vị trí cân bằng, phải có người xi nhan, giám sát, trang bị dây neo vật cầu.
- Người lao động phải quan sát môi trường xung quanh an toàn trước khi vào khu vực làm việc.

Câu 17. Nhóm công nhân đang dịch chuyển máy.

Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh nhóm công nhân đang dịch chuyển máy?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?



Đáp án:

1. Các sai sót:
 - Khi dịch chuyển máy không cắt cầu dao và ngắt dây dẫn điện. (Điều này rất nguy hiểm vì các bộ phận mang điện có thể bị hỏng cách điện trong quá trình dịch chuyển máy).
 - Sử dụng công cụ không phù hợp.
 - Người lao động đứng sai vị trí khi dịch chuyển thiết bị (Đứng đối diện với hướng dịch chuyển của thiết bị).
2. Biện pháp xử lý:
 - Dừng ngay công việc đang thực hiện;
 - Cắt cầu dao và ngắt dây dẫn điện trước khi dịch chuyển thiết bị;
 - Yêu cầu người sử dụng lao động bố trí phương tiện vận chuyển phù hợp (thiết bị nâng, tời...);
 - Nhắc nhở người lao động thực hiện đúng các quy định về an toàn khi dịch chuyển thiết bị;
 - Bố trí người giám sát an toàn trong suốt quá trình dịch chuyển thiết bị;
 - Báo cho Người quản lý biết và đề nghị cho kiểm tra, thực hiện đúng các yêu cầu về KTAT điện: cần phải thay dây dẫn phù hợp và thiết bị điện phải được nối đất (hoặc nối không) ngay sau khi chuyển đến vị trí mới rồi mới cho phép vận hành.
3. Qua tình huống trên, cần ghi nhớ:
 - Phải sử dụng dây dẫn phù hợp và thiết bị điện phải được nối đất (hoặc nối không).
 - Phải thực hiện đúng các quy định về KTAT khi di chuyển, lắp đặt thiết bị điện.

Câu 18. Hình ảnh nhóm thợ xây dựng làm việc trên giàn giáo cách mặt đất 3,5m.

Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) nhận xét và nêu các sai sót ở tình huống trên?



2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Sai sót:

- Sử dụng giàn giáo không đúng quy chuẩn, chủng loại, không có lan can bảo vệ...;
- Người lao động không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân (quần áo, giày, mũ, găng tay, dây bảo hiểm khi làm việc trên cao...);
- Không tuân thủ theo các quy định về an toàn lao động.

2. Biện pháp xử lý:

- Yêu cầu người lao động dừng ngay công việc;
- Đề nghị người sử dụng lao động bố trí giàn giáo đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động;
- Yêu cầu người lao động sử dụng đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân;
- Huấn luyện cho người lao động các kỹ năng an toàn cần thiết khi làm việc trên cao.

3. **Ghi nhớ:** Sử dụng giàn giáo đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Trang bị và sử dụng đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân khi làm việc và tuân thủ các quy định về an toàn khi làm việc trên cao.

Câu 19. Người thợ quét vôi đang đứng trên thang làm việc. Do hết vôi, nên người thợ nhờ một bạn thợ làm việc gần đó xách lên hộ một xô vôi. Bạn thợ nhận lời và làm giúp.

Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) nhận xét và nêu các sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Sai sót:

- Hành động nhờ bạn xách hộ một xô



vôi lên và người bạn thợ nhận lời làm giúp là vi phạm quy định an toàn: Có thể gây nguy hiểm về vật rơi; Hai người thợ cùng trèo lên một chiếc thang để làm việc; Người thợ thứ 2 vừa xách xô vôi và vừa trèo thang.

- Người thợ quét vôi vi phạm các quy định như: Thang sử dụng là thang tre và nối buộc với nhau không đảm bảo an toàn; Tư thế làm việc của người thợ ngoài tầm với; Không được trang bị thiết bị an toàn khi làm việc trên cao (Safety harness); Trang thiết bị bảo hộ cá nhân sử dụng không đúng quy cách.

2. Biện pháp xử lý:

- Dừng ngay công việc của người thợ đang quét vôi và chỉ được quay lại làm việc khi đã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn: Sử dụng thang kim loại có đủ chiều cao, có biện pháp cố định thang và điều chỉnh thang để người thợ làm việc trong tầm với; Được trang bị thiết bị an toàn khi làm việc trên cao và sử dụng PPE đúng quy cách; Khu vực làm việc phải được căng dây và có biển cảnh báo.
- Người thợ quét vôi phải xuống lấy xô vôi có thời gian nghỉ giải lao hợp lý và không được nhờ bạn thợ làm giúp.

d)

3. Ghi nhớ:

- Phải trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn cho người lao động khi làm việc trên cao.

- Thang sử dụng phải đủ chiều cao và phải có biện pháp cố định thang.
- Phải tuân theo đúng qui trình làm việc an toàn và Thang chỉ được phép có một người làm việc cùng đồ nghề cần thiết.

Câu 20. Cầu bánh xích chưa dùng đến, một công nhân đi nhờ lên tầng ba công trình đang xây dựng, người điều khiển vui vẻ nhận lời và đáp ứng yêu cầu của bạn.



Hỏi

1. Là ATVSV anh (chị) hãy nhận xét và nêu các sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Sai sót:
 - Người công nhân đi nhờ cầu bánh xích là vi phạm quy định sử dụng thiết bị chuyên dụng vì cầu bánh xích là loại máy chuyên dùng chở vật liệu phục vụ thi công các công trình xây dựng, sử dụng cầu bánh xích chở người là sự gây nguy hiểm cho bản thân người lao động và những người xung quanh.
 - Người điều khiển đã vi phạm quy định vận hành, quản lý, sử dụng cầu bánh xích vì đây là loại máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ.
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu người điều khiển không được sử dụng cầu bánh xích để chở người dưới mọi hình thức.
 - Người vận hành phải nắm rõ nội quy, quy định vận hành, quản lý, sử dụng các loại máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ. Ngoài ra, tại cầu bánh xích phải treo biển nội quy sử dụng và ghi rõ “cấm chở người”.
 - Người lao động phải nắm rõ các nội quy, quy định an toàn tại nơi làm việc và không được di chuyển bằng cầu bánh xích.

Ghi nhớ: Người điều khiển máy và công nhân nhân có liên quan phải thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng các loại máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ.

Câu 21. Nhân sự nhà thầu thực hiện công việc phát sinh nhiệt trên tầng cao như hình



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có sai sót gì?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Không có giải pháp bao che nơi thực hiện công việc phát sinh nhiệt/tia lửa.
 - Không có người giám sát an toàn để đảm bảo công tác PCCC.
2. Biện pháp xử lý:
 - Sử dụng bạt chống cháy để bao che khu vực làm việc, tránh làm rơi, văng tia lửa sang khu vực khác, khu vực bên dưới.
 - Cử người giám sát an toàn để đảm bảo công tác PCCC.
3. Ghi nhớ:
 - Phải thực hiện giải pháp bao che khu vực có công việc phát sinh tia lửa và luôn có người giám sát an toàn PCCC trước khi tiến hành.

Câu 22. Khi thực hiện công việc trên cao bên trong tháp phản ứng, nhân sự nhà thầu đặt các tấm sàn giàn giáo như hình để di chuyển



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có sai sót gì?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Sai sót:
 - Sàn thao tác của giàn giáo không được lắp kín, rất nhiều khoảng hở tạo ra môi trường nguy hiểm, ngã;
 - Các tấm sàn giàn giáo không được lắp cố định bằng cùm giàn giáo;
 - Dây cáp điện được thả trên sàn thao tác có thể bị hư hỏng khi bị thiết bị nặng đè lên và tạo ra môi trường nguy hiểm vấp ngã, giật điện.
2. Biện pháp xử lý:
 - Sàn giàn giáo phải được lắp kín, cố định bằng cùm, các lỗ trống phải có lan can chắn và phải được kiểm tra, gắn thẻ an toàn (thẻ xanh) bởi người giám sát công việc giàn giáo trước khi cho phép sử dụng;
 - Dây cáp điện phải được treo lên cao, có vỏ bảo vệ.
3. Ghi nhớ:
 - Phải đảm bảo giàn giáo đã được kiểm tra, gắn thẻ an toàn (thẻ xanh) bởi người giám sát công việc giàn giáo trước khi sử dụng;

- Phải có biện pháp bảo vệ dây cáp điện để tránh bị hư hỏng tại nơi làm việc và tránh tạo ra mối nguy vấp ngã.

Câu 23. Khi thực hiện công việc, nhân sự nhà thầu thực hiện tháo các cùm và nhắc tấm sàn thao tác để phục vụ công việc. Sau khi công việc hoàn thành, nhân sự này chỉ đặt các tấm sàn che kín các lỗ trống trên sàn thao tác.



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có sai sót gì khi nhân sự nhà thầu chỉ đặt tấm sàn thao tác lên các khung giá đỡ?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Sai quy trình lắp đặt và hoàn trả môi trường làm việc theo quy định: Chỉ đặt tấm sàn che lỗ trống mà không lắp đặt đúng vị trí trên khung giá đỡ và cố định bằng cùm;
 - Khu vực làm việc không được tiến hành housekeeping khi hoàn thành công việc.
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu lắp đặt các tấm sàn đúng vị trí ban đầu và cố định bằng cùm để ngăn chặn sự cố rơi tấm sàn khi đi lại;
 - Tiến hành dọn dẹp vệ sinh tại thực địa và căng dây cảnh báo sau khi kết thúc công việc.
3. Ghi nhớ:

- Tấm sàn thao tác phải được đặt chắc chắn và cố định trên sàn thao tác.
- Công tác dọn dẹp vệ sinh cần được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

Câu 24. Khi dừng công việc cuối ngày, nhân sự nhà thầu để lối vào không gian hạn chế (manhole/manway) không kiểm soát.



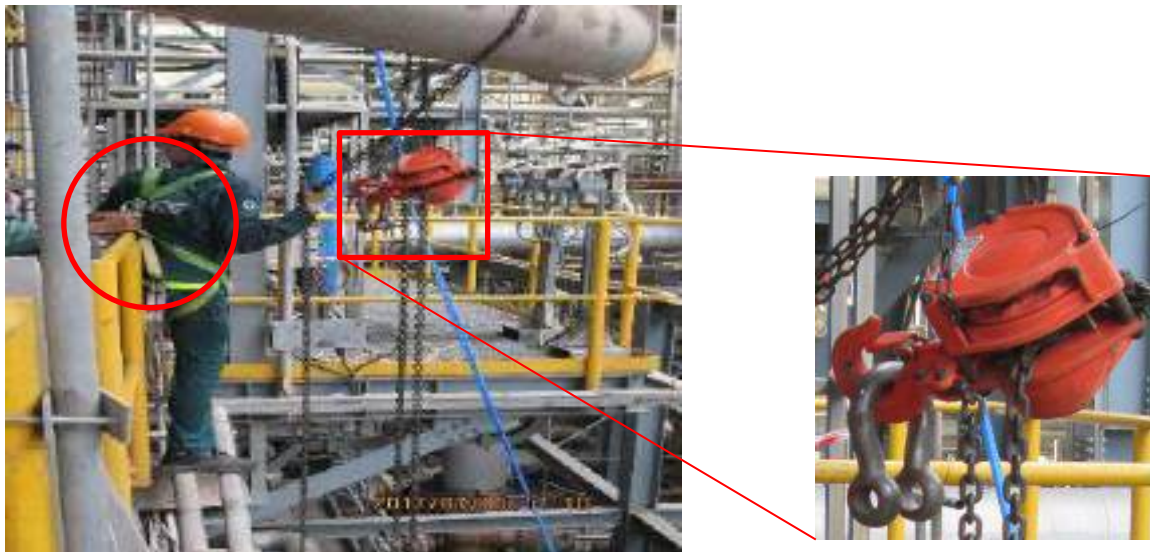
Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Không lắp đặt thanh chắn (X-bar) để ngăn chặn nhân sự không có phận sự vào không gian hạn chế;
 - Thiếu biển báo cảnh giới.
2. Biện pháp xử lý:
 - Tuân thủ quy định cô lập lối vào không gian hạn chế bằng thanh chắn cứng (X-bar) và đặt biển báo cảnh giới khi dừng công việc tạm thời hoặc cuối ngày làm việc.
3. Ghi nhớ:
 - Phải kiểm soát lối vào không gian hạn chế chặt chẽ để tránh trường hợp nhân sự không phận sự vào trong không gian hạn chế.

Câu 25. Công nhân nhà thầu bước ra ngoài sàn thao tác và đứng trên máng cáp điều khiển để lắp đặt pa-lăng



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy gì có sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Làm việc bên ngoài sàn thao tác và đứng trên máng cáp là sai vị trí thực hiện công việc;
 - Không sử dụng dây đai an toàn khi làm việc trên cao;
 - Ma-ni không có chốt an toàn có thể gây ra mối nguy vật rơi;
 - Palăng treo bị nghiêng, lệch góc với xích kéo.
2. Biện pháp xử lý:
 - Dừng công việc và yêu cầu nhà thầu sử dụng biện pháp công việc khác như sử dụng cầu nâng người (man-basket lifting);
 - Treo palăng xích đúng kỹ thuật;
 - Lắp chốt an toàn cố định ma-ni trước khi thực hiện công việc lắp pa-lăng để ngăn chặn mối nguy vật rơi.
3. Ghi nhớ:
 - Sử dụng biện pháp hỗ trợ làm việc trên cao phù hợp, không đứng trên máng cáp để thực hiện công việc;

- Đảm bảo các đối tượng có nguy cơ rơi đều được cố định chắc chắn khi ở vị trí trên cao.

Câu 26. Nhóm công nhân nhà thầu thực hiện hạ các thanh giàn giáo từ trên cao xuống đất bằng cách chuyền tay qua các tầng giàn giáo.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Các công nhân chuyền tay thanh giàn giáo từ các tầng sàn giàn giáo bằng cách đứng trên một hàng thẳng từ trên xuống dưới nên tạo ra mối nguy vật rơi và gây bị thương nhiều người.
 - Khu vực nâng hạ vật tư không được cách ly, cảnh báo dẫn đến mối nguy cho người lao động xâm nhập khu vực nguy hiểm phía dưới mặt đất.
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu nhà thầu sử dụng biện pháp hạ các thanh giàn giáo bằng cách dùng dây buột để hạ từ trên cao theo đúng quy định cho công việc tháo lắp giàn giáo.
 - Khu vực nâng hạ cần được quây cách ly và có biển cảnh báo
3. Ghi nhớ:

- Người làm việc không được đứng ngay dưới hướng vật nâng/hạ.

Câu 27. Nhà thầu chất các chai khí nén lên xe nâng bằng tay để di chuyển



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển phù hợp cho việc di chuyển các chai chứa khí nén;
 - Công nhân chưa được trang bị đầy đủ thiết bị BHLĐ (găng tay,...)
 - Các chai chứa khí không được giữ ở vị trí đứng và cố định khi di chuyển;
2. Biện pháp xử lý:
 - Sử dụng phương tiện vận chuyển chai khí chuyên dụng (trolley)
 - Các chai khí phải được giữ ở vị trí đứng và cố định khi di chuyển để tránh va chạm làm gãy van của chai;
 - Công nhân vận chuyển cần tuân thủ đúng quy trình vận chuyển bình khí nén và đảm bảo được trang bị đầy đủ thiết bị BHLĐ.
3. Ghi nhớ:
 - Sử dụng phương tiện vận chuyển chai khí chuyên dụng;

- Giữ chai chứa khí ở vị trí đứng và cố định khi di chuyển

Câu 28. Nhân sự nhà thầu sử dụng pa-lăng như hình bên dưới. Pa-lăng này đang trong thời hạn kiểm định



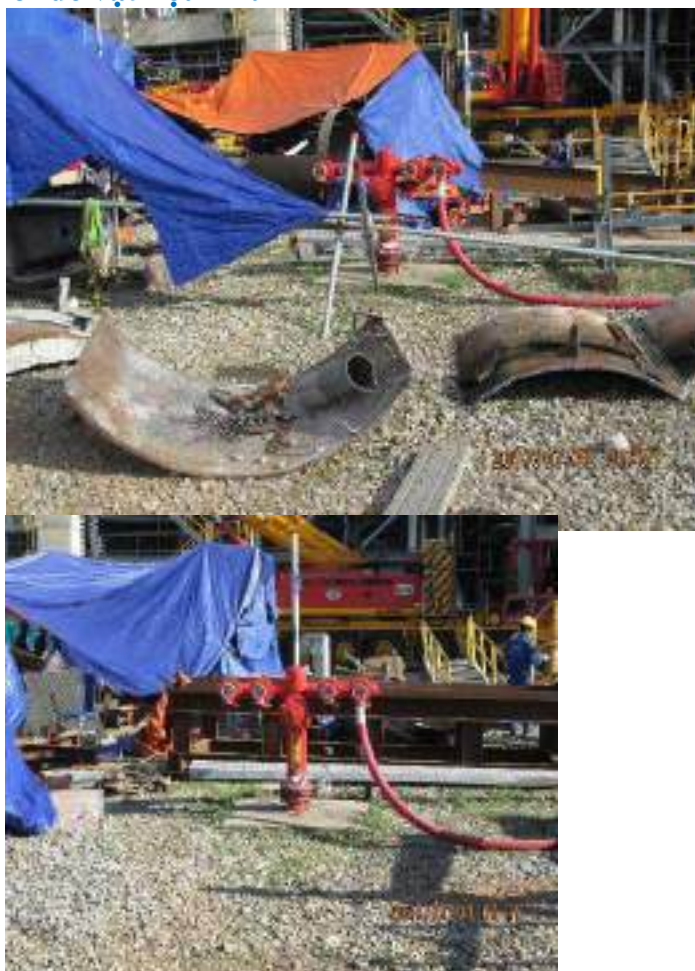
Hỏi:

1. Qua hình ảnh, là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót khi sử dụng thiết bị này?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Sử dụng pa-lăng không có lẫy khóa an toàn (safety latch) tại vị trí móc gây ra mối nguy dây cáp tải tuột ra khỏi vị trí móc.
2. Biện pháp xử lý:
 - Đề nghị thay đổi pa-lăng khác có đầy đủ cơ cấu an toàn.
3. Ghi nhớ:
 - Chỉ sử dụng thiết bị có đầy đủ cơ cấu an toàn theo đúng thiết kế.

Câu 29. Nhà thầu đặt vật liệu thừa sau thi công và lắp đặt rào chắn xung quanh nơi để vật liệu như hình



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có gì không phù hợp?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Những sai sót:
 - Nơi tập kết vật tư thừa và rào chắn được lắp đặt phía trước trụ nước chữa cháy sẽ làm cản trở quá trình tiếp cận trụ nước chữa cháy khi cần sử dụng cho tình huống khẩn cấp;
2. Biện pháp xử lý:
 - Tháo dỡ rào chắn, dọn dẹp các vật tư thừa;
3. Ghi nhớ:
 - Không lưu chứa hoặc cản trở đường tiếp cận vào hệ thống chữa cháy.

Câu 30. Nhân sự nhà thầu thực hiện công việc bắn cát làm sạch bề mặt đường ống và sử dụng đầu phun như hình bên dưới



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Sai sót:
 - Không bao che khu vực làm việc;
 - Dùng dây cố định nút ấn công-tắc của đầu phun;
2. Biện pháp xử lý:
 - Bao che khu vực làm việc để ngăn ngừa phát tán bụi từ công việc bắn cát;
 - Tháo bỏ dây cố định nút ấn công-tắc của đầu phun;
3. Ghi nhớ:
 - Đối với công việc phát sinh bụi như công việc bắn cát thì phải bao che khu vực làm việc để ngăn ngừa phát tán bụi;
 - Không được thay đổi thiết kế của cơ cấu an toàn trên thiết bị.

Câu 31. Nhân sự nhà thầu ngoài trên xe đẩy và tiến hành công việc tháo tay van.

Van có chiều cao 2m tính từ mặt đất đến tay van, chân đế của van tiếp xúc nền đất có diện tích nhỏ



Hỏi:

1. Qua hình ảnh, là ATVSV anh (chị) thấy có những mối nguy nào trong công việc này?
2. Biện pháp kiểm soát, ngăn chặn mối nguy của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Mối nguy:
 - Xe đẩy chỉ chứa vật tư nhẹ, không thể sử dụng để ngồi làm việc. Ngoài ra, bánh xe đẩy không có khóa nên dễ di chuyển;
 - Van không được giữ chặt ở vị trí đứng nên dễ gây ngã;
2. Biện pháp xử lý:
 - Lắp đặt giàn giáo hoặc sử dụng sàn thao tác di động để tiếp cận vị trí làm việc;
 - Lắp đặt kết cấu giá đỡ để giữ van ở vị trí đứng;
3. Ghi nhớ:
 - Sử dụng đúng chức năng thiết kế của thiết bị;

- Nhận diện các đối tượng có khả năng di chuyển và áp dụng biện pháp cố định

Câu 32. Lái xe nâng (forklift) di chuyển xe đến vị trí nâng vật với 2 cần nâng giữ ở vị trí trên cao như hình. Khi đến vị trí nâng, do chưa chuẩn bị cáp nâng nên anh ta cho xe nâng đứng lại (động cơ vẫn hoạt động) và chạy đi lấy dây nâng



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATSVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Xe nâng đang vận hành nhưng không có lái xe ở vị trí để kiểm soát;
 - Lái xe không hạ cần nâng khi di chuyển đến vị trí nâng vật;
 - Nhóm thực hiện công việc không chuẩn bị sẵn sàng điều kiện làm việc và nhân sự lái xe nâng không thực hiện đúng trách nhiệm của mình khi rời xe mà vẫn để xe hoạt động;
2. Biện pháp xử lý:
 - Nhắc nhở nhân sự lái xe hạ cần nâng khi di chuyển;
 - Nhắc nhở nhân sự lái xe chỉ được rời xe khi đậu xe tại vị trí an toàn và tắt máy;
3. Ghi nhớ:

- Luôn hạ cần nâng của xe nâng khi di chuyển xe;
- Lái xe nâng luôn ở vị trí kiểm soát xe nâng khi xe đang hoạt động.

Câu 33. Nhân sự nhà thầu thực hiện thực hiện công việc lắp đặt thiết bị ở sàn thao tác trên cao. Giàn giáo được lắp đặt xung quanh thiết bị để phục vụ công việc. Trong quá trình lắp đặt, nhân sự nhà thầu (đánh dấu trong vòng đỏ) phải leo lên cao để điều chỉnh vị trí thiết bị.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Không sử dụng dây đeo an toàn khi làm việc ở vị trí có rủi ro rơi ngã cao.
 - Leo lên cao và ngồi trên thanh ngang giàn giáo
2. Biện pháp xử lý:
 - Lắp đặt bổ sung sàn thao tác trên cao để nhân sự này thực hiện công việc.
 - Lắp đặt thêm lan can bảo vệ trên cao và yêu cầu nhân sự này sử dụng dây đeo an toàn.
3. Qua tình huống trên, cần ghi nhớ:

- Khi làm việc tại vị trí có rủi ro cao về rơi ngã, làm việc trên giàn giáo, làm việc tại các vị trí cao hơn 2m thì phải sử dụng dây đeo an toàn.
- Không được ngồi trên lan can bảo vệ của giàn giáo.

Câu 34. Trong quá trình hàn đoạn ống, do bề mặt hàn có điểm cần mài nên người thợ này dùng máy cắt (loại đá cắt như hình dưới, bên phải) để mài bề mặt. Máy cắt này có tay cầm nhưng đã bị tháo ra để tiện thao tác.



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Sử dụng đá cắt thay cho đá mài để thực hiện công việc mài;
 - Tự ý tháo tay cầm của thiết bị.
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu nhân sự này sử dụng đúng chức năng của thiết bị. Không sử dụng đá cắt cho công việc mài, rủi ro cao gây vỡ đá.
 - Yêu cầu nhân sự nhà thầu lắp đặt tay cầm của thiết bị trước khi bắt đầu lại công việc.
3. Ghi nhớ:
 - Sử dụng đúng chức năng của thiết bị
 - Không tự ý thay đổi kết cấu của thiết bị.

Câu 35. Khi thực hiện công việc điều chỉnh vị trí mặt bích để lắp đặt bu-lông, nhân sự nhà thầu đã sử dụng pa-lăng được lắp như hình bên dưới (phần dây tời được móc vào thanh giàn giáo đặt trên sàn thao tác cố định, phần móc của pa-lăng được móc vào lỗ bu-lông).



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Sai sót:
 - Móc dây tời tải vào sàn thao tác.
 - Cách móc pa-lăng vào lỗ bu-lông là không đúng kỹ thuật móc tải, có thể làm hỏng móc pa-lăng làm đứt văng xích tải khi nâng gây tai nạn
2. Biện pháp xử lý:
 - Không móc tải vào sàn thao tác mà phải sử dụng kết cấu vững chắc hơn.
 - Sử dụng cách móc tải khác thay cho cách móc vào lỗ bu-lông, ví dụ dùng tời vòng quanh thân đoạn ống.
3. Qua tình huống trên, cần ghi nhớ:
 - Không sử dụng các kết cấu được thiết kế chịu tải nặng để phục vụ công việc cầu như đường ống, sàn thao tác...
 - Áp dụng đúng cách móc tải để đảm bảo móc của pa-lăng ở vị trí chịu lực thẳng hàng với dây xích tải.

Câu 36. Các chai chứa khí oxy và LPG được lưu chứa tại khu vực làm việc ngoài trời như hình



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Các sai sót:
 - Các chai chứa oxy không được buộc cố định để tránh ngã;
 - Chai chứa LPG để ngoài trời nắng và gần nguồn điện.
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu bố trí vị trí lưu chứa chai chứa khí nén phù hợp, tránh xa các nguồn nhiệt, nguồn điện, không lưu chứa dưới trời nắng;
 - Cố định các chai chứa khí để tránh ngã gây gãy van của chai.
3. Ghi nhớ:
 - Không lưu chứa chai khí nén gần nguồn nhiệt, nguồn điện, ngoài trời nắng.
 - Các chai chứa khí nén phải được cố định, chống ngã khi lưu chứa.

Câu 37. Công nhân nhà thầu tiến hành công việc sơn trên sàn cao hơn 2m như hình.



Hỏi:

1. Là ATSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Các sai sót:
 - Tiến hành công việc cao trên 2m nhưng không có giải pháp đảm bảo an toàn làm việc trên cao;
 - Khu vực sơn không được bao che làm phát tán bụi sơn sang khu vực làm việc lân cận;
 - thợ sơn không sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp (Chỉ đeo khẩu trang thông thường).
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn làm việc trên cao như lắp đặt giàn giáo hoặc sử dụng giàn giáo di động phục vụ công việc, sử dụng dây đeo an toàn đúng quy định;
 - Tiến hành bao che khu vực sơn;
 - Yêu cầu trang bị thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp.
3. Ghi nhớ:

- Luôn áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn làm việc trên cao (trên 2m hoặc khu vực khi ngã có rủi ro cao);
- Hạn chế phát tán bụi, sơn sang các khu vực khác;
- Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp cho công việc sơn.

Câu 38. Nhân sự nhà thầu đứng trên càng của xe nâng để thực hiện công việc



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án:

1. Các sai sót:
 - Đứng trên càng của xe nâng;
2. Biện pháp xử lý:
 - Phải trang bị sàn thao tác để thực hiện công việc trên cao, tuyệt đối không nâng người bằng xe nâng hàng (forklift)
3. Ghi nhớ:
 - Tuyệt đối không nâng người để làm việc trên cao bằng xe nâng hàng.

Câu 39. Khi thực hiện công việc tháo bu-lông trên mặt bích, nhân sự nhà thầu sử dụng búa để mở bu-lông như hình



Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có mối nguy gì ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Việc bố trí vị trí công việc không phù hợp nên rất nhiều người không liên quan công việc nhưng tiếp xúc với rủi ro văng búa khi đứng trước vị trí đóng búa.
2. Biện pháp xử lý:
 - Sắp xếp lại vị trí làm việc, yêu cầu không có nhân sự đứng trước vị trí đóng búa.
3. Ghi nhớ:
 - Tuyệt đối không đứng trước vị trí có rủi ro văng bắn vật như trước vị trí đóng búa, trước máy cắt, đứng dưới tải đang nâng.

Câu 40. Khi thực hiện công việc kiểm tra rò rỉ cho van (leak test), công nhân đã lắp đặt đường ống như hình vẽ để đảm bảo đường ống cấp áp được chắc chắn, người công nhân này đã dùng dây kẽm để siết chặt đường ống.



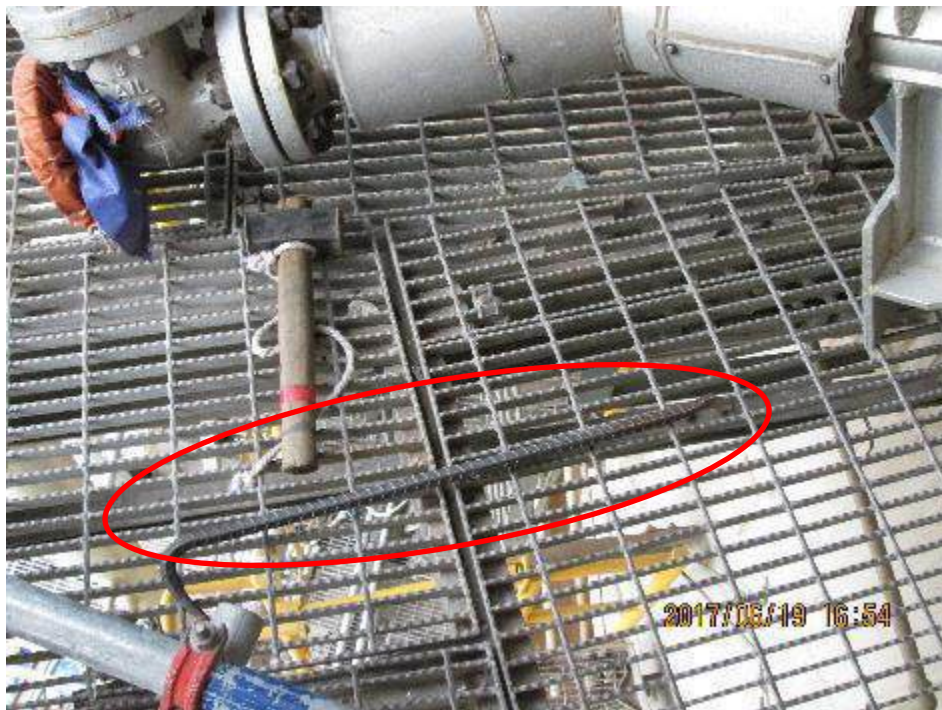
Hỏi:

1. Là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót ở tình huống trên?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Sử dụng dây kẽm để siết đầu nối ống thay vì kẹp siết tiêu chuẩn (clamp)
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu thay dây kẽm bằng kẹp siết tiêu chuẩn
3. Ghi nhớ:
 - Chỉ sử dụng kẹp siết tiêu chuẩn để siết các đường ống cấp áp.

Câu 41. Tình huống khi làm việc trên cao



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Xà-beng được dùng cho công việc trên cao nhưng không có biện pháp chống rơi;
2. Biện pháp xử lý:
 - Áp dụng các giải pháp chống rơi như bao che sàn thao tác, buộc dây giữ xà-beng, sử dụng thùng chứa thiết bị;
3. Ghi nhớ:
 - Các đối tượng có rủi ro rơi cao và có thể gây hậu quả nghiêm trọng phải được áp dụng biện pháp kiểm soát chống rơi.

Câu 42. Khi nâng các chai khí lên cao, nhà thầu sử dụng rọ nâng tự chế như hình. Rọ có 2 móc nâng ở 2 góc chéo, chân đế có tấm che nhỏ, không có thông số kỹ thuật khi được yêu cầu cung cấp.



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Rọ nâng tự chế không được kiểm định, không có hồ sơ kỹ thuật;
 - Rọ chỉ có 2 móc nâng 2 góc nên dễ mất thăng bằng khi nâng;
 - Phần chân rọ không có thanh chắn hoặc tấm chắn để ngăn chai khí bị rơi khi nâng.
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu sử dụng rọ nâng tiêu chuẩn hoặc rọ nâng được kiểm định với đầy đủ thông số kỹ thuật, đặc biệt là thông số về khả năng chịu tải;
 - Rọ phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn
3. Ghi nhớ:
 - Chỉ sử dụng rọ nâng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn và được kiểm định bởi đơn vị chức năng theo luật định

Câu 43. Nhân sự nhà thầu thực hiện công việc tháo bảo ôn đường ống trên cao, anh sử dụng giàn giáo và đeo dây an toàn đầy đủ. Trong quá trình thực hiện công việc có móc dây đeo an toàn vào vị trí cố định như hình (vị trí móc được khoanh tròn)



Hỏi:

1. Qua hình ảnh trên, là ATVSV anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

Đáp án

1. Sai sót:
 - Giàn giáo không đáp ứng tiêu chuẩn (lan can quá thấp);
 - Vị trí móc dây đeo an toàn sai;
2. Biện pháp xử lý:
 - Yêu cầu chỉnh sửa giàn giáo để đáp ứng quy định về chiều cao của lan can;
 - Yêu cầu móc dây đeo an toàn ở vị trí cao hơn đầu theo đúng quy định
3. Ghi nhớ:
 - Chỉ sử dụng giàn giáo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật an toàn và sử dụng dây đeo an toàn đúng quy định.

Câu 44. HÌNH ẢNH MỘT NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐANG SƠN TƯỜNG



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh công nhân đang làm việc?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Làm việc trên cao nhưng giàn giáo, ván sàn không đảm bảo an toàn, không có người giám sát.
 - Người lao động chưa được đào tạo an toàn khi làm việc trên cao.
 - Không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn (hố sâu, tư thế làm việc không đúng,...).
 - Người lao động thiếu phương tiện bảo vệ cá nhân như: Dây an toàn, quần áo bảo hộ,...
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu người lao động ngừng làm việc ra khỏi vị trí nguy hiểm.
 - Lắp đặt lại giàn giáo đảm bảo tiêu chuẩn an toàn.
 - Hướng dẫn an toàn cho người lao động làm việc trên cao.
 - Làm các biển cảnh báo, chằng dây báo hiệu.
 - Không cho phép những người chưa được huấn luyện kỹ thuật an toàn làm việc.

3. Ghi nhớ

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi làm việc trên cao.
- Người lao động phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao.
- Phải sử dụng giàn giáo đúng tiêu chuẩn.
- Mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp.

Câu 45. TỦ ĐIỆN, CẦU DAO ĐIỆN



HỎI:

1. Qua hình ảnh trên, là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót trong việc lắp đặt và sử dụng cầu dao điện?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Tủ điện không đúng quy cách, không che mưa được.
 - Các cầu dao mất nắp, dây chằng không đúng quy cách mà vẫn sử dụng; không có địa chỉ cấp điện.
 - Dây điện đấu nối không gọn, không đúng (móc vào nguồn, nằm nổi ở mặt trên bảng điện), có đầu dây chờ không được bọc cách điện.
 - Ổ cắm không có cầu chì.

- Đầu đầu dây của aptomat không được che kín.
2. Biện pháp xử lý
- Yêu cầu người có trách nhiệm, cho thay ngay những cầu dao hư hỏng, mất nắp che; lắp thêm cầu chì cho ổ cắm, thay tủ điện, đánh dấu địa chỉ cấp điện,...
 - Nhắc nhở công nhân điện sử dụng dây chày đúng quy cách khi thay dây chày (dây chì), bọc kín các đầu dây chờ.
 - Đấu lại bảng điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
3. Ghi nhớ
- Phải lắp đặt tủ bảng điện đúng yêu cầu kỹ thuật an toàn điện (cách đi và đấu nối dây, chọn thiết bị khí cụ điện,...).
 - Khi thay dây chày của các cầu chì, cầu dao phải sử dụng dây chì đúng kích cỡ.

Câu 46. HÌNH ẢNH CÔNG NHÂN ĐANG LÀM VIỆC TRÊN TRÊN GIÀN GIÁO



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Giàn giáo lắp thiếu ván chặn xung quanh sàn thao tác.
 - Ván giàn giáo không được chằng buộc chắc chắn.
 - Công nhân này không sử dụng dây an toàn khi làm việc trên cao.
 - Sử dụng thiếu và trang bị không đúng phương tiện bảo vệ cá nhân (trong trường hợp này công nhân không đeo kính bảo hộ và đội nón bảo hiểm xe máy...).
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu bộ phận chuyên môn lắp đặt lại giàn giáo theo quy định kỹ thuật lắp đặt giàn giáo.
 - Yêu cầu công nhân này trang bị đúng và đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc trên cao.

3. Ghi nhớ

- Phải tuân thủ quy định kỹ thuật lắp đặt giàn giáo.
- Phải trang bị phương tiện cá nhân khi làm việc trên cao.
- Phải sử dụng đủ phương tiện cá nhân đã được trang cấp.

Câu 48. XE NÂNG ĐANG NÂNG THIẾT BỊ TRONG NHÀ XƯỞNG



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Sử dụng xe nâng để nâng người. (1 điểm)
 - Người đứng trên xe nâng đang được nâng và những người ở trên tầng trên cao có nguy cơ té ngã. (2 điểm)
 - Hai tài xế xe nâng đã vi phạm quy định an toàn vận hành xe nâng. (2 điểm)
 - Không có cảnh báo khu vực nguy hiểm. (1 điểm)
 - Người lao động làm việc thiếu trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, kể cả khi làm việc trên cao. (2 điểm)
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu mọi người dừng công việc và giải thích về mối nguy hiểm khi sử dụng xe nâng để nâng người và vật nâng. (2 điểm)
 - Yêu cầu người sử dụng lao động sử dụng thiết bị nâng khác phù hợp (ví dụ: xe cầu) để di chuyển thiết bị. (2 điểm)

- Tổ chức phổ biến lại các quy định an toàn khi sử dụng xe nâng và khi làm việc trên cao. (1 điểm)
- Cảnh báo khu vực nguy hiểm. (1 điểm)
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân. (1 điểm)
- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc người lao động thực hiện các quy định, nội quy an toàn khi làm việc và khi sử dụng xe nâng. (1 điểm)

3. Ghi nhớ

- Phải sử dụng đúng trang thiết bị, công cụ làm việc và phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc. (2 điểm)
- Không bao giờ sử dụng xe nâng hàng hoặc các thiết bị nâng khác để nâng người nếu chúng không quy định dùng để nâng, chuyên người và không sử dụng xe nâng giống như xe cầu (thiết bị cầu). (2 điểm)

Câu 49. HÌNH ẢNH MỘT CÔNG NHÂN ĐANG LAU CỬA



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh công nhân đang làm việc?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

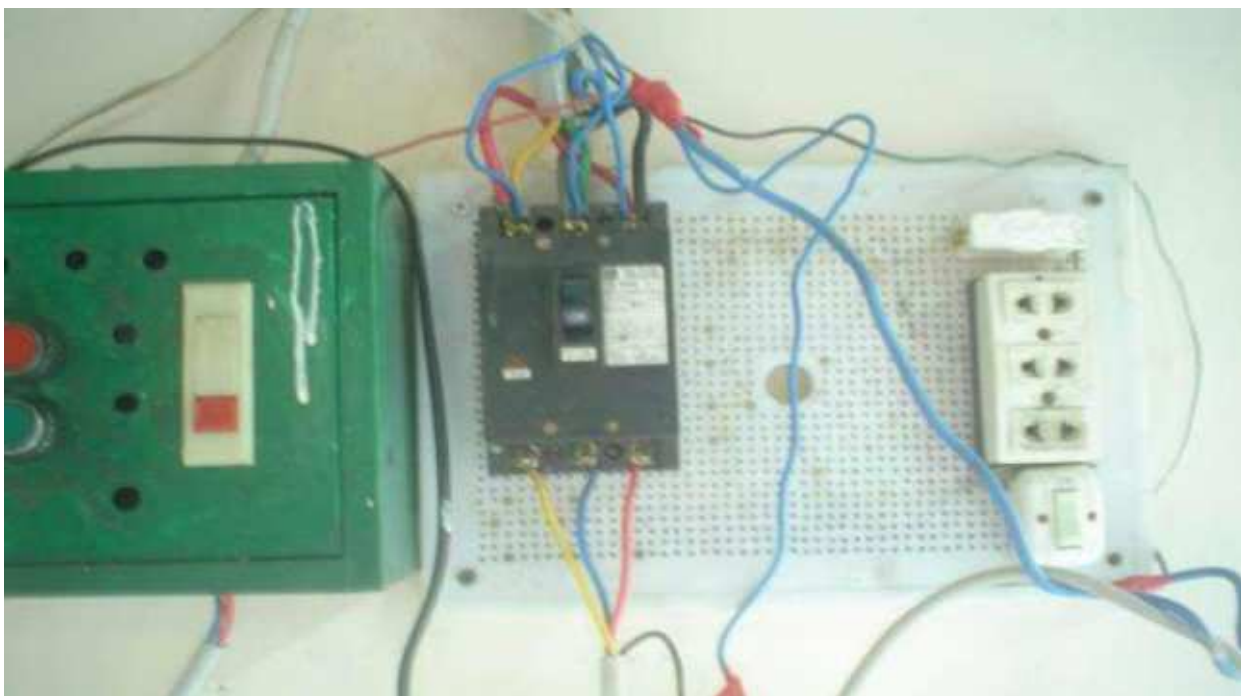
1. Sai sót
 - Vị trí thang không đảm bảo an toàn, không có người giám sát, không đeo dây an toàn. (3 điểm)
 - Người lao động chưa được học an toàn khi thi công. (1 điểm)
 - Không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn (trên cao, không có dây an toàn, không có giàn giáo thi công,...). (2 điểm)
 - Người lao động thiếu phương tiện bảo vệ cá nhân như: mũ, quần áo bảo hộ,... (2 điểm)
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu người lao động ngừng làm việc ra khỏi vị trí nguy hiểm. (2 điểm)
 - Đào tạo an toàn cho người lao động khi làm việc trên cao. (1 điểm)
 - Phải lắp đặt hệ thống giàn giáo cho phù hợp. (1 điểm)
 - Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động. (2 điểm)

- Làm các biển cảnh báo, chằng dây báo hiệu. (1 điểm)
- Không cho phép những người chưa được huấn luyện kỹ thuật an toàn làm việc. (1 điểm)

3. Ghi nhớ

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi làm việc trên cao. (2 điểm)
- Người lao động phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao. (1 điểm)
- Mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp. (1 điểm)

Câu 50. TỬ ĐIỆN, BẢNG ĐIỆN



HỎI:

1. Qua hình ảnh trên, là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót khi lắp đặt hệ thống điện, bảng điện?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Việc bọc cách điện không đảm bảo chắc chắn.
 - Dây điện đi không đúng kỹ thuật (đi trực tiếp phía ngoài bảng điện, chạy chông chéo, không thẳng).
 - Công tắc điện, ổ cắm, hộp điện không ghi rõ địa chỉ cấp điện, không ghi rõ mức điện áp, dòng điện cho phép đối với thiết bị điện sử dụng.
 - Các chân cực đầu dây của Aptomat không có nắp bao che.
 - Hệ ổ cắm và công tắc dùng chung 1 cầu chì.
2. Biện pháp xử lý
 - Đề nghị người có trách nhiệm cho lắp lại bảng điện; nắp che chân cực đầu dây của aptomat.
 - Gắn nhãn ghi địa chỉ cấp điện của aptomat, công tắc.

- Ghi rõ cấp điện áp, độ lớn dòng điện cho phép sử dụng của công tắc, ổ cắm (và cả aptomat, hộp điện nếu cần thiết).

3. Ghi nhớ

- Phải bảo đảm lắp đặt hệ thống điện đúng kỹ thuật.
- Phải ghi rõ điện áp cung cấp và cường độ dòng điện tối đa cho phép của thiết bị điện sử dụng tại vị trí lắp các khí cụ điện và hộp điện.

Câu 52. MỘT CÔNG NHÂN ĐANG SỬ DỤNG MÁY CẮT



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh công nhân đang sử dụng máy cắt?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn (an toàn điện, tư thế làm việc không đúng,...).
 - Người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân không đúng, không đủ (mũ, giày,...).
2. Biện pháp xử lý
 - Đề nghị người lao động ngừng sử dụng máy.
 - Đề nghị người sử dụng lao động hướng dẫn người lao động kỹ thuật an toàn khi làm việc.
 - Không cho phép những người chưa được huấn luyện kỹ thuật an toàn làm việc trong Xưởng.
 - Đưa máy cắt đúng chủng loại vào sử dụng.
 - Phải có biển báo, quây rào chắn quanh khu vực thi công.

3. Ghi nhớ

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi sử dụng máy.
- Chỉ sử dụng máy khi đã được huấn luyện kỹ thuật an toàn.
- Mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp.
- Sử dụng dụng cụ cầm tay đúng công việc.

Câu 53. XE NÂNG ĐANG CHUYỂN CONTAINER VÀO KHO



HỎI:

1. Qua hình ảnh trên, là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Cáp không được chằng buộc chắc chắn trước khi di chuyển.
 - Người vận chuyển đi quá gần phần đuôi xe và không xác định được môi nguy khi xe đang di chuyển lùi vào cửa kho khi mà cửa kho không được mở rộng.
 - Người vận chuyển không đeo kính bảo hộ.
 - Lái xe vi phạm quy tắc an toàn khi sử dụng xe nâng chuyển hàng vào kho, xe phải đi tiến thay vì đi lùi như hình.
 - Lái xe nâng không thắt dây an toàn.
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu dừng công việc và đề nghị chằng buộc cáp lại chắc chắn. (2 điểm)

- Yêu cầu người vận chuyển không được phép đi quá gần phần đuôi xe và mở rộng cửa kho để tạo không gian thông thoáng cho xe di chuyển và người đi vào. (3 điểm)
- Đề nghị nhân viên này phải trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc và phải tuân thủ quy định an toàn. (2 điểm)

3. Ghi nhớ

- Đảm bảo hàng hóa, thiết bị phải được ràng buộc chắc chắn trước khi di chuyển. (2 điểm)
- Người vận chuyển phải có kế hoạch di chuyển cùng với xe nâng và phải quan sát trong quá trình di chuyển nhằm giữ khoảng cách an toàn. (2 điểm)
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp. (2 điểm)

Câu 54. KHU VỰC CÓ TRANG BỊ THIẾT BỊ PCCC



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Bố trí vật tư che chắn lối vào tiếp cận các thiết bị PCCC. (1 điểm)
 - Bố trí lắp đặt bình chữa cháy cao hơn quy định. (1 điểm)
 - Dây dẫn điện để cao và gây vướng lối đi. (1 điểm)
 - Bố trí đặt bình chữa cháy chưa phù hợp, sát với đường dây điện và ổ cắm điện. (2 điểm)
 - Không tuân thủ các quy định an toàn về PCCC trong việc bố trí tồn trữ vật tư thiết bị tại nhà xưởng. (2 điểm)
2. Biện pháp xử lý
 - Trao đổi với quản lý khu vực về những nguy cơ có thể xảy ra nếu không tạo hành lang an toàn cho các thiết bị PCCC (hành lang an toàn tối thiểu 1 mét theo TCVN 2622:1995 - tiêu chuẩn PCCN cho nhà ở và công trình). (3 điểm)

- Di dời các vật tư thiết bị tạo hành lang an toàn cho các thiết bị PCCC. (1 điểm)
- Yêu cầu hạ thấp vị trí lắp đặt bình chữa cháy theo quy định (theo TCVN 7435-1:2004 - Bình chữa cháy có khối lượng cả bình lớn hơn 18 kg thì phải bố trí sao cho đỉnh của bình không cao hơn mặt sàn quá 1 m). (3 điểm)
- Xem xét bố trí đặt bình chữa cháy ở nơi khác hoặc di dời đường dây điện. (1 điểm)
- Tuân thủ quy tắc an toàn về điện. (1 điểm)
- Định kỳ kiểm tra tính sẵn sàng của thiết bị PCCC. (1 điểm)

3. Ghi nhớ

- Thiết bị PCCC phải luôn trong tình trạng sẵn sàng, dễ thấy, dễ tiếp cận khi cần sử dụng. (1 điểm)
- Tuân thủ đúng quy định bố trí thiết bị PCCC. (1 điểm)
- Không để các vật tư cản trở lối vào tiếp cận thiết bị PCCC. (1 điểm)

Câu 55. ĐẦU NỐI THIẾT BỊ ĐIỆN, DÂY ĐIỆN VỚI TỦ ĐIỆN TẠI CÔNG TRƯỜNG



HỎI:

1. Qua hình ảnh trên, là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Nắp tủ điện đã bị hỏng mà không được sửa chữa kịp thời không đảm an toàn về điện khi sử dụng điện ngoài trời. (3 điểm)
 - Dây điện để chồng chéo lẫn nhau có thể gây chập cháy nổ và khó xác định được dây nào của thiết nào khi có sự cố về điện xảy ra. (3 điểm)
 - Không có biển hiệu cảnh báo điện trên tủ điện và nguồn điện áp. (2 điểm)
2. Biện pháp xử lý

- Dừng công việc và yêu cầu sửa chữa lại cánh cửa của tủ điện trước khi tiếp tục thực hiện công việc và phải đảm bảo an toàn điện khi sử dụng tủ điện ngoài trời. (3 điểm)
- Yêu cầu lắp biển cảnh báo điện - nguồn điện áp trên tủ điện và sắp xếp lại dây dẫn điện cho gọn gàng và ngăn nắp. (2 điểm)
- Yêu cầu hướng dẫn lại an toàn điện cho người lao động và yêu cầu người giám sát thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để mọi người tuân thủ tốt các quy định về an toàn điện. (3 điểm)

3. Ghi nhớ

- Phải tuân thủ các quy định quy phạm về an toàn điện. (2 điểm)
- Đảm bảo an toàn đối với các thiết bị điện công nghiệp. (2 điểm)

Câu 56. MỘT CÔNG NHÂN XÂY DỰNG ĐANG DI CHUYỂN TRÊN CAO



HỎI:

1. Qua hình ảnh trên, là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy công nhân trên có gì sai sót khi làm việc trên cao?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Làm việc trên cao không có giàn giáo. (2 điểm)
 - Không sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân. (2 điểm)
 - Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân không đúng (phải phân tích). (1 điểm)
 - Làm việc chỉ có 1 người, không có người phụ và giám sát. (1 điểm)
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu người lao động dừng công việc; Nêu cụ thể những sai sót, vi phạm các quy định an toàn để tìm cách khắc phục. (2 điểm)
 - Đề nghị người có trách nhiệm trang bị giàn giáo, cung cấp đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, bổ xung người cùng làm việc. (3 điểm)
 - Hướng dẫn người lao động cách đeo dây an toàn, đội mũ và các yêu cầu khi làm việc trên cao. (2 điểm)

- Đề nghị người sử dụng lao động huấn luyện lại cho người lao động và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định An toàn lao động trên công trường. (3 điểm)

3. Ghi nhớ

- Khi làm việc trên cao phải có giàn giáo, làm việc phải có từ 2 người trở lên. (2 điểm)
- Khi làm việc trên cao phải sử dụng đúng và đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân. (2 điểm)

Câu 57. LƯU KHO HÀNG HÓA – THIẾT BỊ



HỎI:

1. Qua hình ảnh trên, là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót tại kho chứa vật tư thiết bị?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên, anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Vật tư chất quá cao mà không có biện pháp che chắn để giữ, nguy cơ ngã đổ rất cao. (3 điểm)
 - Khu vực để vật tư lộn xộn không sắp xếp gọn gàng. (2 điểm)
 - Không bố trí lối vào cho việc di chuyển hàng hóa bên trong. (2 điểm)
2. Biện pháp xử lý
 - Yêu cầu người có trách nhiệm phân chia khu vực để vật tư rõ ràng và có nhãn mác cho từng loại thiết bị để dễ dàng nhận biết. (2 điểm)
 - Hạ thấp các vật tư này xuống thấp hoặc có biện pháp chống đỡ để tránh ngã đổ. (2 điểm)

- Thu dọn sắp xếp gọn gàng. (3 điểm)

3. Ghi nhớ

- Phân chia từng khu vực và tên vật tư rõ ràng để tránh nhầm lẫn khi dùng. (2 điểm)
- Phải đảm bảo vật tư thiết bị phải được gia cố chắc chắn, tránh ngã đổ. (2 điểm)
- Luôn luôn sắp xếp vật tư gọn gàng và thu dọn sạch sẽ. (2 điểm)

Câu 58. MỘT CÔNG NHÂN ĐANG SỬ DỤNG MÁY MÀI 2 ĐÁ



HỎI:

1. Là An toàn Vệ sinh viên, anh (chị) thấy có gì sai sót ở hình ảnh công nhân đang sử dụng máy mài 2 đá?
2. Biện pháp xử lý của anh (chị)?
3. Qua tình huống trên anh (chị) thấy cần ghi nhớ điều gì?

ĐÁP ÁN:

1. Sai sót
 - Máy mài 2 đá không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn:
 - o Không có thông tin kỹ thuật của đá mài in trên mặt đá
 - o Thiếu bộ phận bao che đá mài
 - o Thiếu tấm chắn đê chống văng bắn
 - Người lao động không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân trong quá trình làm việc (ví dụ: nón bảo hộ, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ).
2. Biện pháp xử lý
 - Đề nghị người lao động ngừng sử dụng máy. (2 điểm)
 - Đề nghị người có thẩm quyền / lãnh đạo cho chuyển máy mài sang lắp đặt ở vị trí khác phù hợp với yêu cầu kỹ thuật an toàn trong các Nhà xưởng. (2 điểm)

- Đề nghị trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi sử dụng máy.
- Đề nghị người có thẩm quyền / lãnh đạo cho lắp đặt cơ cấu an toàn; Treo nội quy / hướng dẫn sử dụng máy. (2 điểm)
- Đề nghị người có thẩm quyền / lãnh đạo hướng dẫn người lao động kỹ thuật an toàn khi làm việc với máy mài 2 đá. (2 điểm)
- Những người sử dụng máy mài 2 đá phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn trước khi sử dụng máy. (2 điểm)

3. Ghi nhớ

- Phải tuân thủ các quy định an toàn khi lắp đặt, sử dụng máy. (2 điểm)
- Chỉ sử dụng máy khi đã được huấn luyện kỹ thuật an toàn. (2 điểm)

PHẦN II - PHẦN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU VÀ PCCC

I. THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU NGƯỜI BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG

Câu 1. Anh hay chị thực hành phương pháp băng vết thương ở đỉnh đầu?(băng bằng băng cuộn). Thời gian thực hiện 5 phút

Đáp án 1

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng, gạc vô trùng, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu.

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành Sơ cấp cứu

- Cắt tóc quanh vùng vết thương; (trọng trung, không làm thật khi thi)
- Làm sạch và vô khuẩn vết thương, đặt gạc khử trùng kín lên vết thương;
- Bắt đầu băng từ trên tai phải, qua trán, phía trên tai trái, phía dưới xương chẩm về vị trí ban đầu và băng thêm 1 vòng nữa như trên;
- Lần thứ 2 khi vòng đến giữa trán thì gấp băng lại, ngón cái và ngón trỏ tay trái hoặc phải giữ lấy, đưa băng qua đỉnh đầu tới xương chẩm, nhờ nạn nhân hoặc người khác giữ giúp;
- Cứ thế băng từ trán xuống gáy rồi từ gáy lên trán, vòng sau đè lên vòng trước 2/3 cho đến khi băng kín cả đầu thì băng thêm 2 vòng quanh đầu như bước 1 để cố định.
- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
- Băng nhanh, đẹp, chắc chắn.

Đáp án 2

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng, gạc vô trùng, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu.

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành Sơ cấp cứu

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng, gạc vô trùng, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...
- Cắt tóc quanh vùng vết thương;(tượng trưng, không làm thật khi thi);
- Làm sạch và vô khuẩn vết thương, đặt gạc vô trùng kín lên vết thương;
- Lấy 2 cuộn băng, nối 2 đầu băng vào nhau;
- Đặt cuộn băng vừa nối lên cung lông mày, vòng 2 cuộn băng qua mang tai ra sau gáy (dưới xương chẩm), khoá 2 băng lại cho chắc chắn;
- Một cuộn băng vắt lên đỉnh đầu, đè qua miếng gạc xuống tới trán; cuộn kia vòng quanh đầu để giữ băng;
- Cuộn băng ở trán vắt qua đầu xuống vùng xương chẩm rồi lại lật lên đầu xuống trán, vòng sau đè lên 2/3 vòng trước cứ như vậy cho đến khi kín hết đầu thì buộc 2 đầu băng vào nền sọ;
- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
- Băng nhanh, đẹp, chắc chắn.

Câu 2. Anh hay chị thực hành băng sơ cứu thương ở mắt phải? (băng bằng băng cuộn). Thời gian thực hiện 5 phút

Đáp án 1

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng, gạc vô trùng, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Làm sạch và vô khuẩn quanh mắt;
- Đặt băng gạc vô trùng lên mắt;
- Lần 1 băng từ thái dương bên trái vòng qua phía trên tai phải, tới dưới chỗ phình xương chẩm trên tai phải về chỗ bắt đầu băng (băng 2 vòng như vậy);

- Lần 2 khi đến chỗ phình xương chẩm qua dưới tai phải, chéch lên che kín mắt phải, đưa mép băng qua sống mũi rồi lại qua trên thái dương đến chỗ phình xương chẩm;
- Cứ vòng sau đè lên 2/3 vòng trước ở chỗ tai phải và chéch dần xuống phía trên thái dương cho đến khi băng kín mắt rồi băng thêm 2 vòng trên đầu để cố định;
- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất
- Băng nhanh, đẹp, chắc chắn.

Đáp án 2:

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng, gạc vô trùng, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Làm sạch và vô khuẩn quanh mắt;
- Đặt băng gạc vô trùng lên mắt;
- Lấy 2 cuộn băng, nối 2 đầu băng vào nhau;
- Đặt cuộn băng vừa nối lên cung lông mày, vòng 2 cuộn băng qua mang tai ra sau gáy (dưới xương chẩm), khoá 2 băng lại cho chắc chắn;
- Một cuộn băng vắt qua nửa đầu xuống mắt (đè qua miếng gạc) chạy xuống dài tai vòng lên xương chẩm hoặc kéo cuộn băng qua dài tai vòng lên mắt qua đầu xuống vùng xương chẩm;
- Cứ băng như vậy vòng sau đè lên 2/3 vòng trước cho đến khi kín vết thương thì buộc chặt 2 đầu băng vào nền sọ.
- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất
- Băng nhanh, đẹp, chắc chắn.

Câu 3. Anh hay chị thực hành băng vết thương ở trên mu bàn tay? (băng bằng băng cuộn hình số 8). Thời gian thực hiện 5 phút

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng cuộn, bông gạc, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoay tròn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

- + Cuộn 2 vòng băng ở cổ tay, chót băng;

- + Cuộn băng hình số 8 theo mu bàn tay lên đến ngón trỏ, khi ngang với đầu ngón út thì vòng lại và quấn một vòng băng quanh (từ ngón trỏ đến ngón út) rồi băng về phía cổ tay, tiếp tục đưa lên hướng ngón chỏ rồi vòng băng về cổ tay cho đến khi băng kín vết thương (vòng băng sau đè lên 2/3 vòng băng trước, sau đó cố định băng ở cổ tay)

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất

- Băng nhanh;

- Đẹp, chắc chắn.

Câu 4. Anh hay chị thực hành băng vết thương ở trên mu bàn tay? (băng bằng băng cuộn theo hình xoay chôn ốc). Thời gian thực hiện: 05 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng cuộn, bông, gạc, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoay tròn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

- + Đặt đầu băng trên 4 ngón tay nhưng để hở các đầu ngón tay, băng hai vòng cố định đầu băng lại;
- + Băng xoắn ốc từ dưới ngón tay đi lên, cứ vòng sau đè lên 2/3 vòng trước cho đến khi kín vết thương.
- + Băng cố định đầu băng vào cổ tay.
- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
- Băng nhanh, đẹp, chắc chắn.

Câu 5. Anh hay chị thực hành băng vết thương ở giữa gan bàn chân? (băng bằng băng cuộn- băng chữ nhân). Thời gian thực hiện: 05 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng cuộn, bông, gạc, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Bắt đầu băng cuộn 2 vòng băng ở góc ngón út bàn chân (khóa băng);
- Tiếp tục đưa một đường băng hướng lên cổ chân, vòng về phía sau ở phía dưới mắt cá chân, và tiếp tục đưa băng về phía mu bàn chân đến vòng khóa băng đầu tiên vòng xuống lòng bàn chân và hướng băng đi lên mu bàn chân, lên cổ chân như vòng băng ban đầu (lượt băng sau chồng lên lượt băng trước 2/3 chiều rộng của băng);
- Khi đã băng kín vết thương thì cố định lượt băng cuối ở cổ chân bằng 02 vòng băng.
- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất .
- Băng nhanh, đẹp, chắc chắn.

Câu 6. Anh hay chị thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị điện giật có ngừng tim, ngừng thở ?. Thời gian thực hiện: 08 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Băng cuộn, bông, gạc, nước muối 5%, dung dịch sát trùng, khay chữ nhật, khay quả đậu...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Ngắt nguồn điện an toàn và tiếp cận nạn nhân;
- Kiểm tra tình trạng nạn nhân về hô hấp, tuần hoàn (nạn nhân đã ngừng tuần hoàn và hô hấp);
- Gọi lực lượng y tế;
- Đặt nạn nhân nằm ngửa trên nền phẳng, cứng;
- Thực hiện ngay kỹ thuật ép tim ngoài lồng ngực:
 - o Người cấp cứu quỳ bên phải hoặc bên trái nạn nhân;
 - o Đặt lòng bàn tay trái vào 1/3 dưới xương ức nạn nhân, lòng bàn tay phải bắt chéo lên mu bàn tay trái, 2 tay duỗi thẳng hai vai hướng thẳng vào hai tay;
 - o Dùng sức nặng của thân trên (chứ không phải chỉ của cánh tay) ấn thẳng lồng ngực lún sâu 1/3 bề dày của lồng ngực, nhịp nhàng khoảng 100 lần/phút.
- Kết hợp hà hơi thổi ngạt:
 - o Nghiêng đầu nạn nhân sang một bên, mở miệng, dùng ngón tay quấn gạc đưa vào miệng nạn nhân để lấy hết dị vật “nếu có”, lau sạch miệng, kéo lưỡi nạn nhân ra;
 - o Để đầu nạn nhân ngửa, kê gối dưới gáy để đầu ngửa tối đa, đặt miếng gạc mỏng lên miệng nạn nhân;
 - o Người cấp cứu quỳ ngang vai phải nạn nhân, tay trái bịt mũi và ấn trán nạn nhân xuống, tay phải giữ cằm để mở miệng nạn nhân ra, hít vào hết sức, úp miệng mình khít vào miệng nạn nhân và thổi ra hết sức, khi thổi mắt phải nhìn xuống ngực nạn nhân để quan sát sự di chuyển lên xuống của lồng ngực.
- Làm kết hợp nhịp nhàng, nhanh, dứt khoát. Nếu có 1 người cấp cứu thì cứ sau 30 lần ép tim dừng lại thổi ngạt 2 lần; nếu có 2 người cấp cứu thì thay nhau ép tim và thổi ngạt như trên, cứ mỗi nhịp như vậy lại kiểm tra hô hấp và tuần hoàn.
- Thực hiện đến khi nạn nhân hồi phục hoặc khi đã có lực lượng y tế tiếp nhận.

Câu 7. Anh hay chị thực hành phương pháp đặt garô trong trường hợp cụt chi trên hoặc đứt động mạch chi trên?. Thời gian thực hiện: 06 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- khay chữ nhật, băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng, garo, que garo, phiếu garo, bút mực đỏ, panh không máu, kéo..

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế...

3. Tiến hành sơ cấp cứu

Nguyên tắc đặt garo cầm máu

- Nhanh, đúng kỹ thuật, tại vết thương ngừng chảy máu;
- Vị trí đặt garo các vết thương từ 3-5 cm hướng từ vết thương về thân người nạn nhân;
- Ghi phiếu garo sau khi đặt garo và ghi chép đầy đủ thông tin cần thiết trên phiếu;
- Chuyển nạn nhân kịp thời lên y tế tuyến trên ngay sau khi đặt garo;
- Khi nới garo chậm nhất 60 phút một lần sau khi đặt garo, nới từ từ và kiểm tra tình trạng chảy máu, tình trạng nạn nhân.

Tiến hành đặt garo đúng cách

- Xác định vị trí, lót vải hoặc gạc ở chỗ định đặt garô;
- Bắt đầu bằng việc quấn 2-3 vòng chồng lên nhau trên bề mặt da, sau đó một tay đỡ mặt trong của băng rộng khỏi bề mặt da từ từ 3-5 cm (đối với băng thun, băng vải), rồi dung que garo vừa xoắn vừa theo dõi mạch ở dưới hoặc theo dõi máu chảy ở vết thương, tình trạng nạn nhân. Nếu mạch ngừng đập hoặc máu ở vết thương ngừng chảy là được. Khi đã xoắn vừa đủ chặt thì cố định que xoắn;
- Nếu là dây cao su thì chỉ cần cuốn nhiều vòng tương đối chặt rồi buộc cố định (vòng đầu chặt vừa phải các vòng tiếp theo chặt dần đến khi máu từ vết thương ngừng chảy);
- Sau khi garo xong thì ghi phiếu garo, tiến hành kỹ thuật băng vết thương “vô khuẩn vết thương, băng ép...), chuyển nạn nhân đến bệnh viện hoặc cơ sở y tế gần nhất.

Câu 8. Anh hay chị thực hành phương pháp cố định gãy xương đùi kín?. Thời gian thực hiện: 07 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ
 - khay chữ nhật, 02 nẹp dài phù hợp, bông lót, băng vải, panh không máu, kéo...
2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân
 - 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân nằm trên mặt phẳng cứng.
3. Tiến hành sơ cấp cứu
 - Cố định xương đùi gãy;
 - Người phụ việc giữ bàn chân vuông góc với cẳng chân, một người khác đỡ trên và dưới ổ gãy
 - + Đặt nẹp ngắn vào phía trong từ dưới mắt cá chân tới bẹn; đặt nẹp dài phía ngoài mắt cá chân tới tận nách. Buộc cố định nẹp vào đùi ở phía trên và phía dưới chỗ bị gãy, rồi đến cổ chân, sau đến lồng ngực, thắt lưng, chậu hông, trên đầu gối, dưới đầu gối;
 - + Độn bông: Độn bông vào hai đầu nẹp và máu lõi của xương cả phía trong và phía ngoài.
 - + Buộc 2 chân vào nhau, buộc ở cổ chân, đầu gối và đùi;
 - + Băng số 8 để giữ bàn chân vuông góc với cẳng chân.
 - + Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất
 - Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất (Cấm chuyển nạn nhân khi chưa cố định).
 - Nhanh, đẹp, chắc.

Câu 9. Anh hay chị thực hành phương pháp cố định gãy xương cẳng chân hở?. Thời gian thực hiện: 14 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ
 - khay chữ nhật, 02 nẹp dài phù hợp, bông lót, băng vải, panh không máu, kéo, dung dịch sát khuẩn...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân nằm trên mặt phẳng cứng.

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Băng vết thương: Làm sạch, vô khuẩn quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoay tròn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

- Tiến hành cố định xương gãy:

+ Không nên cố cởi quần áo nạn nhân, nếu cần phải bộc lộ vết thương thì cắt quần áo theo đường chỉ (nếu phải cởi thì cởi bên lành trước).

+ Không đặt trực tiếp nẹp vào da nạn nhân. Các máu lòi đầu xương, vùng tỳ đè phải có lót bông rồi mới đặt nẹp

+ Chuẩn bị nạn nhân:

+ Để nạn nhân nằm.

+ Giải thích nạn nhân về kỹ thuật sẽ tiến hành.

+ Đặt hai nẹp phía mặt trong và mặt ngoài của đùi:

+ Nẹp trong từ bẹn đến quá gót khoảng 5cm.

+ Nẹp ngoài từ hố nách đến quá gót khoảng 5 cm.

+ Độn bông: Độn bông vào hai đầu nẹp và máu lòi của xương cả phía trong và phía ngoài.

+ Cố định: Dùng băng cuộn hoặc dây vải để cố định hai nẹp với nhau theo thứ tự: Trên ổ gầy, Dưới ổ gầy, Dưới khớp gối -1/3 dưới cẳng chân, Ngang mào chậu, ngang ngực.

+ Băng số 8 để giữ bàn chân vuông góc với cẳng chân.

+ 3 dây để cố định hai chân vào với nhau ở các vị trí: cổ chân, gối, sát bẹn

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

- Băng đẹp, chắc chắn, nhanh.

Câu 10. Anh hay chị thực hành phương pháp cố định gãy xương cánh tay?. Thời gian thực hiện: 07 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- khay chữ nhật, 02 nẹp dài phù hợp, bông lót, băng vải, panh không máu, kéo, băng tam giác...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế.

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra theo đường xoay tròn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

- Tiến hành cố định xương bị gãy:

+ Đặt 1 nẹp từ hõm nách đến khuỷu tay, một nẹp từ trên vai đến khuỷu tay ở mặt ngoài, đối xứng với nẹp thứ nhất;

+ Dùng băng cố định tại điểm ngang hõm nách, giữa cánh tay, trên khuỷu tay;

+ Cố định tay nạn nhân trong tư thế cẳng tay vuông góc với cánh tay, lòng bàn tay úp xuống dưới bằng băng vải vòng qua cổ;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất;

- Cố định chắc chắn, làm nhanh, đẹp.

Câu 11. Anh hay chị thực hành phương pháp cố định gãy xương cẳng tay hở?.

Thời gian thực hiện: 07 phút.

Đáp án

1. Chuẩn bị dụng cụ

- khay chữ nhật, 02 nẹp dài phù hợp, bông lót, băng vải, panh không máu, kéo, băng tam giác, dung dịch sát khuẩn ...

2. Chuẩn bị bệnh nhân/nạn nhân

- 01 bệnh nhân, động viên, an ủi người bệnh trong quá trình tiến hành, để bệnh nhân ngồi trên ghế.

3. Tiến hành sơ cấp cứu

- Băng vết thương: Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra theo đường xoay tròn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

- Tiến hành nẹp cố định xương bị gãy:

+ Đặt 1 nẹp dài từ mỏm khuỷu tới mu bàn tay, một nẹp từ khuỷu tới gan bàn tay, đối xứng với nẹp thứ nhất, buộc cố định nẹp ở dưới khuỷu, trên và dưới vết thương, cổ tay; Cố định tay nạn nhân ở tư thế cẳng tay vuông góc với cánh tay, lòng bàn tay ngửa lên trên. Dùng băng tam giác để treo cẳng tay, vòng qua cổ, rồi cố định băng tam giác để treo cẳng tay khi đã cố định như nêu trên

+ Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất

- Đúng kỹ thuật, nhanh, chắc chắn, đẹp.

Câu 12. Anh (chị) hãy nêu cách sơ cứu một nạn nhân bị bỏng do nhiệt, do hoá chất? Thời gian thực hiện: 05 phút.

Đáp án

- Hiện tượng bỏng thường xảy ra do nhiều nguyên nhân: do nhiệt (ngọn lửa trần, chất lỏng nóng, kim loại nóng chảy...), hóa chất (a xít, kiềm...);
- Rửa vết bỏng nhiều lần bằng nước sạch:
- + Dập lửa trên da bằng vải tẩm ướt;
- + Bỏng phốt pho: Dùng khăn ướt dập tắt lửa rồi đắp ướt lên vết thương;
- + Bỏng a xít: Rửa bằng nước vôi trong, nước xà phòng;
- + Bỏng do kiềm: Đắp dấm, hoặc nước chanh quả;
- + Bỏng do điện: Ngắt điện. Nếu không thể ngắt điện được thì phải gỡ nạn nhân ra khỏi sự tiếp xúc với điện (phải dùng vật cách điện: Cao su, gậy gỗ khô để gỡ hoặc kéo nạn nhân).
- Băng vô khuẩn vết thương bỏng:
- + Tuyệt đối không bôi các loại thuốc lên vết bỏng khi chưa rửa sạch.
- + Nếu không có khăn thì lấy băng vải buộc lại.
- + Không được bôi dầu mỡ, dung dịch còn ngay cả kem kháng sinh vào vết bỏng.
- + Không được chọc phá các túi phỏng nước
- + Không được bóc da hoặc mảnh quần áo dính vào vết bỏng
- + Nếu có điều kiện thì phủ vết bỏng bằng gạc vô khuẩn nếu không thì dùng vải càng sạch càng tốt.
- + Vết bỏng sẽ chảy rất nhiều dịch nên trước khi dùng băng co giãn để băng vết bỏng lại thì phải đệm một lớp bông thấm nước lên trên gạc hoặc vải phủ vết bỏng.
- Chống sốt:
- + Giảm đau: Lấy gạc thấm Novocain 1% đắp lên vết thương (ở bệnh viện có thể dùng Dalâng, mocphin);
- + Đặt nạn nhân ở tư thế nằm, đặt nằm chỗ thoáng, tránh gió lùa.
- + Động viên an ủi nạn nhân.

- + Cho nạn nhân uống nước vì nạn nhân rất khát nhất là khi phải chuyển nạn nhân đi xa.
- + Chú ý:
- + Chỉ cho nạn nhân uống nước khi nạn nhân tỉnh táo, không bị nôn và không có những chấn thương khác.
- + Dung dịch cho uống: Nếu có điều kiện nên pha dung dịch sau để cho nạn nhân uống.
- + Pha vào 1 lít nước:
- + + 1/2 thìa cà phê muối ăn.
- + + 1/2 thìa cà phê muối natri bicarbonat.
- + 2-3 thìa cà phê đường hoặc mật ong, nước cam, chanh ép.
- + Nếu không có điều kiện để pha dung dịch trên thì có thể cho nạn nhân uống nước chè đường hoặc oreson.
- Kỹ thuật băng:
- + Đúng;
- + Nhanh;
- + Chắc;
- + Đẹp

Câu 13. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị ngạt thở do hơi khí độc? Thời gian thực hiện: 05 phút.

Đáp án

- Nguyên nhân: thường do nhiễm hơi khí độc, bị vết thương lồng ngực có tiếng thở phì phò, sập hàm, bị tắc đường hô hấp do dị vật, điện giật, chết đuối;
- Dấu hiệu:
 - + Nạn nhân khó thở, thở chậm, thở nông hoặc ngừng thở;
 - + Môi, mặt tái tím, vật vã, mê man.
- Phương pháp cấp cứu:
 - + Khi thấy có người bị ngạt khí, cần mở hết các cửa để không khí tràn vào và đưa ngay nạn nhân ra khỏi nơi có khí độc, nhanh chóng đưa tới bệnh viện để cấp cứu, hạn chế di chứng.
 - + Người đến cấp cứu nạn nhân cũng cần nhanh chóng gọi thêm người hỗ trợ, đề phòng bị ảnh hưởng khí độc. Quá trình tới viện nếu nạn nhân thở yếu hoặc bất tỉnh, cần phải hà hơi thổi ngạt.
 - + Phương pháp hà hơi thổi ngạt: thực hiện tương tự như đáp án ở câu 5
 - + Nếu nạn nhân bị ngộ độc chất ăn mòn hoặc miệng bị tổn thương nặng thì người cấp cứu:
 - 1 tay bịt miệng nạn nhân;
 - 1 tay ấn trán xuống cho đầu ngã về phía sau gáy, hít vào hết sức rồi ngậm miệng vào mũi nạn nhân thổi mạnh để hơi qua mũi vào phổi, tiếp tục thổi ngạt như trên.
 - Trường hợp tim ngừng đập phải kết hợp ép tim ngoài lồng ngực. (phương pháp ép tim ngoài lồng ngực thực hiện tương tự như đáp án Câu 5)

Chú ý: Trên đường đi cấp cứu vẫn phải tiếp tục thổi ngạt..

- Làm đúng động tác;
- Trình bày lưu loát.

Câu 14. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị lòi ruột ở bụng? Thời gian thực hiện: 05 phút.

Đáp án

- Chuẩn bị dụng cụ: Bát sạch đủ rộng và sâu, bông băng, gạc....
- Tuyệt đối không được nhét ruột vào bụng, không được bôi sát khuẩn lên ruột,
- Cấm cho nạn nhân ăn uống.
- Sát khuẩn quanh vết thương;
- Dùng bát đã được sát khuẩn (nếu không có bát, dùng băng cuộn quần hình vành khuyên) úp kín lên vết thương;
- Dùng băng quần ép thật chặt bát (hoặc băng cuộn quần hình vành khuyên với lực vừa đủ) lên thành bụng;
- Chuyển đến cơ sở y tế gần nhất với tư thế nằm ngửa trên cứng, đùi gấp vào bụng 90°C, cẳng chân vuông góc với đùi. hoặc gọi cấp cứu 115.
- Động tác thực hiện các bước đúng;
- Băng cố định bát phải chặt;
- Thao tác nhanh;
- Băng đúng, chắc, đẹp.

Câu 15. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị thủng lồng ngực bằng băng cuộn? Thời gian thực hiện: 05 phút.

Đáp án

- Chuẩn bị: Băng, băng, gạc...
- Thao tác cấp cứu:
 - o Khi phát hiện, hô to nhờ sự trợ giúp của người xung quanh.
 - o Nhanh chóng gọi cấp cứu 115 hoặc nhờ người gọi cấp cứu
- + Liên tục thả thăm hỏi nạn nhân để kiểm tra sự tỉnh táo cho đến khi trợ giúp khẩn cấp đến.
- + Đặt nạn nhân ở tư thế nửa nằm nửa ngồi;
- + Sát khuẩn quanh vết thương (làm từ trong ra ngoài theo vòng xoáy tròn ốc);
- + Phủ gạc bông lên và đặt băng lên vết thương và băng quấn quanh ngực ép bên ngoài thật kín cho đến khi hết tiếng thổi phì phò.
- Thao tác đúng, băng nhanh;
- Băng chặt
- Băng đẹp.

Câu 16. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị say nóng hoặc say nắng?.

Đáp án

- Nhanh chóng đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí;
- Khăn trương cấp cứu;
- Nói và cởi bỏ bớt quần áo;
- Nếu có nhiệt kế thì thực hiện đo nhiệt độ cơ thể, sau đó tiến hành hạ thân nhiệt từ từ, chườm lạnh bằng nước đá vào gáy, trán, nách, bẹn, gan bàn chân;
- Cho bệnh nhân uống nước mát có pha thêm muối hoặc orezol;
- Nếu nạn nhân bị nặng có thể nhúng nạn nhân vào bể nước lạnh, chườm lạnh liên tục.
- Khi nhiệt độ thân nhiệt xuống đến 38- 39 độ C đưa bệnh nhân ra nằm nơi thoáng mát;
- Có thể cho bệnh nhân uống thuốc hạ nhiệt, nếu bệnh nhân không đỡ, hôn mê không uống được nước hoặc nôn liên tục, sốt tăng liên tục, kèm các triệu chứng đau bụng, đau ngực, khó thở thì phải nhanh chóng chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất. Trong quá trình vận chuyển vẫn thường xuyên chườm mát cho nạn nhân.
- Trình bày lưu loát; thao tác minh họa tốt

Câu 17. Anh hay chị hãy thực hành vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện?

Đáp án

- Nguyên tắc:
 - + Nạn nhân phải được sơ cứu xong;
 - + Phải vận chuyển nạn nhân nhẹ nhàng, êm ái;
 - + Nạn nhân bị thương nặng, bị choáng không được vận chuyển mà phải gọi cấp cứu đến ngay.
- Cáng thương.
 - + Cáng thương gồm cáng bạt, võng, cánh cửa, ván gỗ hoặc có thể dùng chõng tre.
- Đặt nạn nhân lên cáng:
 - + Khi đặt nạn nhân lên cáng, không được động chạm vào vết thương;
 - + Nạn nhân bị gãy cột sống, vỡ đầu, gãy chân, vết thương lồng ngực phải có ít nhất 3 người nhấc lên cáng: Một người đỡ đầu và lưng, 1 người nâng thân, 1 người nâng chi dưới.
 - + Nếu chi dưới gãy thì một tay đỡ phần trên một tay đỡ phần chi dưới chỗ gãy.
 - + Nhấc đồng thời theo hiệu lệnh 1,2, 3 rồi cùng đặt lên cáng;
- Tư thế nạn nhân nằm trên cáng:
 - + Thường nằm thẳng, 2 tay buông xuôi, chân duỗi thẳng;
 - + Bệnh nhân chảy máu nặng, choáng nằm đầu hơi thấp;
 - + Vết thương sọ não, hàm mặt, bị mê man, nằm đầu hơi nghiêng sang một bên, đầu kê gối;
 - + Vết thương ở bụng kê ngực hơi cao, 2 đùi gấp nhẹ;
 - + Vết thương lồng ngực để nạn nhân nửa nằm nửa ngồi hoặc kê đầu và vai cao lên.
 - + Nếu chảy máu từ miệng hoặc nạn nhân nôn, xoay nạn nhân nằm nghiêng sang một bên. Điều này sẽ giúp nạn nhân không bị sặc phổi. Đặt cánh tay ở dưới nạn nhân thẳng ra ngoài và cánh tay nạn nhân ở trên vắt qua ngực nạn nhân
- Khiêng cáng:
 - + 2 hoặc 4 người khiêng;

- + Phải giữ cáp thường xuyên cân bằng, cấm đi đều bước làm cáp lắc lư;
- + Khi khiêng cáp lên hoặc xuống dốc, cầu thang phải để đầu nạn nhân ở phía chiều cao của dốc, cầu thang (Đỉnh dốc, bậc trên); cáp phải thẳng bằng vì vậy khi lên dốc (lên cầu thang) người đi trước cầm tay cáp, người sau nâng cáp lên; khi xuống dốc (xuống cầu thang) người đi trước nâng cáp lên, người đi sau hạ cáp..
- Trình bày lưu loát

Câu 18. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp cố định gãy xương hàm bằng băng chéo tam giác

- Chuẩn bị băng chéo tam giác, gạc bông
- Đặt gạc, bông vô khuẩn trên vết thương cầm, hàm;
- Đặt băng lên trên gạc bông;
- Kéo 1 đầu băng lên trên đỉnh đầu;
- Vòng xuống mang tai;
- Kéo đầu kia lên đến khi 2 đầu băng gặp nhau;
- Bắt chéo 2 đầu băng lại;
- Một đầu vòng qua trán;
- Một đầu vòng qua gáy;
- Đến khi gặp nhau thì buộc chặt 2 đầu băng lại, sau đó đưa nạn nhân vào bệnh viện.
- Băng chặt
- Băng đẹp
- Băng nhanh
- Trình bày lưu loát

Câu 19. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp cố định gãy xương hàm bằng băng cuộn băng rộng

- Chuẩn bị băng cuộn bản rộng, gạc bông
- Đặt gạc, bông vô khuẩn trên vết thương cằm, hàm;
- Cuộn một đầu băng vào khoảng 20-30cm;
- Đặt băng trên thái dương, quấn một vòng tròn trên cung lông mày qua mang tai, xương chẩm, khi hai khi hai vạt băng gặp nhau thì cố định lại.
- Một đầu băng kéo xuống hàm rồi vòng lên thái dương phía đối diện.
- Một đầu băng vắt lên đỉnh đầu, kéo xuống hàm, hai vạt băng gặp nhau thì cố định lại.
- Cứ tiếp tục như thế cho đến khi kín vết thương thì buộc hai đầu băng lại, sau đó đưa nạn nhân đến bệnh viện.
- Băng chặt
- Băng đẹp
- Băng nhanh
- Trình bày lưu loát

Câu 20. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc thực phẩm

- Ngộ độc thực phẩm là bệnh mắc phải sau khi ăn, uống phải thực phẩm nhiễm khuẩn, nhiễm độc hoặc có chứa chất gây độc, thức ăn bị ôi thiu... Thông thường ngộ độc cấp tính sẽ xuất hiện sau vài phút, vài giờ hoặc 1-2 ngày sau khi ăn.
- Khi bị ngộ độc thực phẩm thường xuất hiện các triệu chứng sau: Buồn nôn, đau bụng, tiêu chảy, đôi khi có kèm theo các triệu chứng phụ như nhức đầu, chóng mặt, đau cơ, khó thở... tùy theo nguyên nhân gây ngộ độc.
- Khi thấy cơ thể người bị ngộ độc thực phẩm xuất hiện các dấu hiệu trên bạn nên lập tức tiến hành các bước sơ cứu khi bị ngộ độc thực phẩm sau đây:
 - + Gây nôn: Để hạn chế độc tố ngấm vào cơ thể, điều đầu tiên bạn nên làm là kích thích để người bị ngộ độc nôn những thức ăn trong dạ dày ra ngoài. Pha một cốc nước muối loãng rồi cho người bệnh uống, dùng tay đặt vào lưỡi, ép cơ thể nôn được càng nhiều các thức ăn trong dạ dày ra càng tốt. Khi tiến hành gây nôn cho người bệnh nằm nghiêng, kê cao đầu để chất nôn không bị trào ngược vào phổi. Nên cho người bệnh nôn ra được càng nhiều thức ăn càng tốt. Tuy nhiên khi bệnh nhân đã hôn mê thì không nên tiến hành gây nôn vì sẽ dễ gây sặc hoặc tắt thở.
 - + Cho người bệnh nghỉ ngơi và uống nhiều chất lỏng: Khi người bệnh đã nôn được, để cho người bệnh nằm nghỉ, sau đó hòa một gói orezol với nước hoặc pha nước muối đường cho người bệnh uống để bù và chống mất nước, đồng thời giúp trung hòa chất độc trong cơ thể người bệnh giúp hạn chế tác hại mà độc tố mang lại. Tỷ lệ pha như sau: nếu là orezol pha một gói với một lít nước, nếu là nước muối đường pha 1/2 thìa cà phê muối, bốn thìa cà phê đường với một lít nước. Uống nước cũng là một cách giúp trung hòa chất độc trong cơ thể người bệnh nhằm hạn chế tối đa những tác hại mà độc tố sẽ mang lại.

- + Theo dõi chặt chẽ biểu hiện, nhịp tim của bệnh nhân: Nếu có biểu hiện nghẹt thở nên kéo lưỡi người bệnh ra ngoài để tránh lưỡi bị thụt vào gây ngạt. Thường xuyên theo dõi nhịp đập của tim bệnh nhân, để có thể hô hấp kịp thời khi cần thiết.
- + Đưa đến cơ sở y tế: Sau khi tiến hành sơ cứu, nên đưa bệnh nhân đến các cơ sở y tế gần nhất để bác sỹ tiến hành rửa ruột hoặc các biện pháp điều trị cần thiết cho bệnh nhân.

Câu 21. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp sơ cấp cứu cho người bị hóa chất văng vào mắt

- Đối với hóa chất thông thường như xà phòng, nước tẩy rửa, chất nhuộm màu:
 - + rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng để loại bỏ hoàn toàn hóa chất này khỏi tay
 - + rửa mắt bằng nước sạch rồi lấy khăn sạch nhúng nước phủ lên mắt trong ít nhất 20 phút.
 - + Tiếp tục đứng dưới vòi hoa sen, mở nước ấm cho chảy nhẹ từ trán xuống bên mắt bị bắn hóa chất. Mở mắt để dòng nước ấm rửa trôi hết các hóa chất còn sót lại trong mắt. Thực hiện trong ít nhất 20 phút
 - + Đặc biệt lưu ý ngoài nước sạch thì không nhỏ bất cứ thứ gì vào mắt trong trường hợp này khi không có chỉ định của bác sĩ. Sau khi sơ cứu, bạn cũng nên mang lọ đựng hóa chất đó đến các cơ sở y tế khám lại để được bác sĩ tư vấn cách chăm sóc cho đôi mắt bị tổn thương
- Đối với axit
 - + Bị axit bắn vào mắt cực kỳ nguy hiểm, nguy cơ mù lòa cao. Vì vậy khi bị bắn axit vào mắt vì nguyên nhân chủ quan hay khách quan, cần tiến hành sơ cứu khẩn cấp cho nạn nhân. Đầu tiên là rửa mắt với nhiều nước sạch, nếu không có nước sạch thì chấp nhận cả nước không sạch như nước ao, hồ, ruộng để rửa mặt và mắt. Khâu này rất quan trọng, quyết định đến việc có cứu được thị lực của nạn nhân hay không. Tác dụng của rửa mắt là giảm nồng độ và loại trừ bớt axit ra khỏi mắt, hạn chế di chứng về sau.
 - + Nếu bệnh nhân còn tỉnh táo có thể tự ngâm mặt, mắt xuống chậu nước và chớp mắt thật nhiều lần. Hoặc người xung quanh có thể xối nước vào mắt bệnh nhân bằng vòi nước, gáo, xô, chậu. Nếu bệnh nhân bất tỉnh, cần vành mi mắt để xối nước trong lúc chờ cấp cứu. Lượng nước tối thiểu là vài lít và thời gian rửa mắt ít nhất là từ 10 - 15 phút.

- + Lưu ý: Tuyệt đối không được rửa mắt bằng các dung dịch trung hòa axit như bazơ và ngược lại vì sẽ làm cho tình trạng bỏng ở mắt nặng thêm.
- Đối với vôi bột
- + Khi bị vôi bột bắn vào mắt thì không được rửa ngay với nước, do vôi bột kết hợp với nước có thể tạo nhiệt, "làm chín" mô mắt. Việc đầu tiên cần làm là dùng tăm bông hoặc khăn khô loại bỏ vôi bột ra khỏi mắt, sau đó mới dùng nhiều nước để rửa mắt thật kỹ trước khi đến bệnh viện.
- Đối với Dầu, mỡ
- + Xối rửa bằng nhiều nước ngay lập tức. Dầu và mỡ sẽ theo dòng nước, bị đẩy ra ngoài. Tuy nhiên, nếu sau đó mà bạn vẫn thấy khó chịu, đau mắt nhiều thì cần đi khám càng sớm càng tốt. Không nên tùy tiện dùng thuốc nhỏ mắt vì có thể làm cho mắt dễ bị nhiễm trùng, quá trình hàn gắn vết thương cũng lâu hơn.

Câu 22. Anh hay chị hãy thực hành phương pháp sơ cấp cứu cho người bị ngoại vật lọt vào đường hô hấp

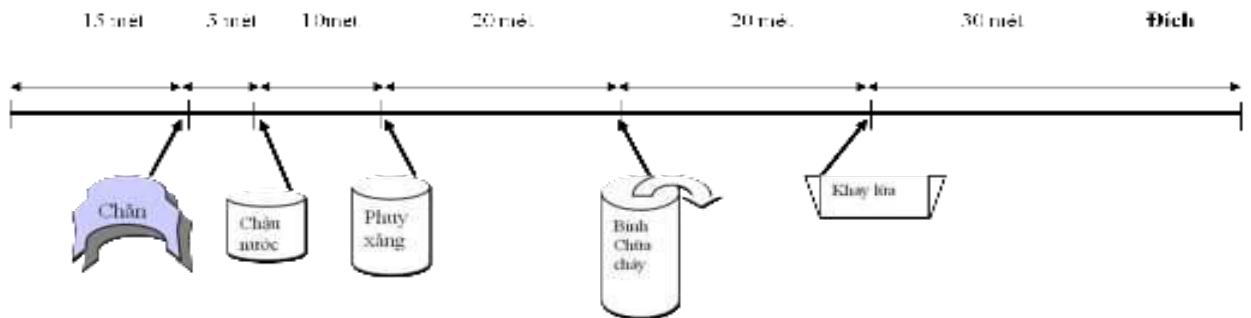
- Có 2 tình huống nạn nhân tỉnh và nạn nhân bất tỉnh.
- Nạn nhân tỉnh:
 - + Có thể để nạn nhân ở tư thế đứng hay tư thế ngồi trên ghế dựa, người cấp cứu đứng sau nạn nhân, hai cánh tay ôm vòng trước ngực nạn nhân. Một bàn tay nắm lại, bàn tay kia nắm lấy cổ tay của bàn tay nắm. Nắm tay để vào bụng nạn nhân trên rốn dưới xương ức.
 - + Bằng một động tác giật đưa người từ dưới lên, nhằm đẩy cơ hoành tống không khí trong phổi, khí quản, phế quản, hy vọng dị vật bật lên miệng. Một động tác cần mạnh, dứt khoát, làm đi làm lại 10 lần. Cần theo dõi miệng nạn nhân, nếu dị vật xuất hiện thì nhanh chóng lấy ra.
- Nạn nhân bất tỉnh: đặt nạn nhân ở tư thế nằm. Người cấp cứu quỳ trên người nạn nhân. Đặt bàn tay trên bụng nạn nhân, giữa rốn và xương ức, bàn tay kia đặt trên bàn tay này. Làm động tác đẩy mạnh và nhanh lên phía trên, làm đi làm lại 10 lần. Cần theo dõi miệng nạn nhân, nếu dị vật xuất hiện thì nhanh chóng lấy ra.

II. PHẦN THỰC HÀNH PCCC

Bài thi PCCC 100 m:

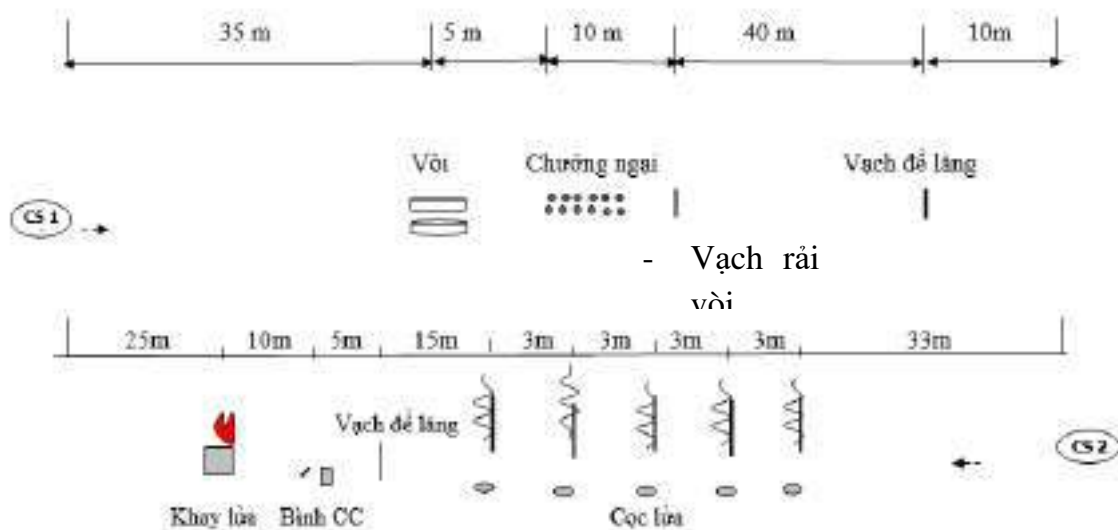
Anh (chị) thực hành dập tắt một đám cháy (dùng chăn ướt dập tắt lửa) ở thùng phuy xăng đang cháy và dùng bình bột MFZ4 dập tắt một đám cháy xăng, dầu theo như sơ đồ dưới đây.

(thời gian 1 phút kể cả chuẩn bị)



Bài thi PCCC 200 m:

SƠ ĐỒ BÀI THI PCCC: TIẾP SỨC 2 x 100M



Chú thích:

Bài thi: Vượt chương ngại vật rải vôi chữa cháy và vượt qua cọc lửa dùng bình chữa cháy dập tắt đám cháy khay xăng.

1. Dụng cụ và thiết bị:

- 12 lớp xe ô tô (làm chướng ngại vật loại lớp dùng cho xe 12-16 chỗ), xếp thành 2 hàng.
 - 05 cọc lửa, cọc cao 1,8m.
 - 01 khay xăng kích thước 1,4m x 1,4m x 0,5m
 - 01 bình bột chữa cháy loại MFZ 4kg,
 - 02 lăng B chất liệu bằng nhôm, 02 vòi B loại vòi vải, 01 ba chạc, tất cả sử dụng dạng khớp nối ngoài.
 - Mỗi lần thi đốt 2 lít (trong đó 1 lít xăng và 1 lít dầu).
 - Trang phục: Sử dụng quần áo BHLĐ của đơn vị, đội nón BHLĐ, đi giày da BHLĐ
2. Số người thi: 2 người, chiến sỹ số 1,2.